

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY CHẾ CÔNG KHAI
NĂM HỌC 2018 – 2019

Số: /BC-ĐHKTDN

Đà Nẵng, ngày tháng 9 năm 2019

V/v “*Kết quả thực hiện Quy chế công khai đối
với cơ sở GD&ĐT năm học 2018 – 2019*”

Kính gửi: BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Thực hiện theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành “*Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân*”, Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng trân trọng Báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo Kết quả thực hiện Quy chế công khai đối với cơ sở GD&ĐT năm học 2018 – 2019 như sau:

1. Về việc triển khai thực hiện:

- Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng đã triển khai rộng rãi các nội dung của Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân đến lãnh đạo các khoa, phòng chức năng trong toàn trường.

- Vào đầu năm học, Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng đã xây dựng Kế hoạch thực hiện Quy chế công khai năm học thực hiện công khai theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành về “*Công khai đối với cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm*”.

2. Về nội dung công khai:

Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng đã thực hiện công khai đầy đủ các nội dung theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành về “*Công khai đối với cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm*”. Nội dung bao gồm:

a. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

- Công khai cam kết về chất lượng giáo dục theo biểu mẫu 17.

- Công khai chất lượng giáo dục thực tế theo biểu mẫu 18.

b. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

- Công khai thông tin về cơ sở vật chất theo biểu mẫu 19.

- Công khai đội ngũ giảng viên cơ hữu, cán bộ quản lý và nhân viên theo biểu mẫu 20.

c. Công khai thu chi tài chính theo biểu mẫu 21.

d. Công khai chỉ tiêu tuyển sinh của cơ sở đào tạo theo trình độ đào tạo, hình thức đào tạo, ngành, chuyên ngành đào tạo.

3. Về hình thức và thời điểm công khai:

- Công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục và đào tạo <http://www.dau.edu.vn> vào tháng 6/2019 và niêm yết công khai tại cơ sở giáo dục vào tháng 6/2019, có cập nhật, bổ sung vào đầu năm học.

Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng xin gửi kèm các Biểu mẫu 17, 18, 19, 20, 21 nêu trên và Công khai chỉ tiêu tuyển sinh của cơ sở đào tạo theo trình độ đào tạo, hình thức đào tạo, ngành, chuyên ngành đào tạo theo Báo cáo này. Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng đã gửi các file mềm của Báo cáo đến địa chỉ email: yukhtc@moet.edu.vn.

Trân trọng báo cáo!

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (báo cáo);
- Chủ tịch HĐQT (báo cáo);
- Ban Giám hiệu,
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

PHẠM ANH TUẤN

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2019

Tên trường, Ngành đào tạo	Ký hiệu trườn g	Mã ngành	Môn thi/ xét tuyển (Mã tổ hợp môn)	Tổng chỉ tiêu	Học phí năm học 2019- 2020 (nghìn đồng/tí nhi)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG	KTD			2.170		1. Trường tổ chức xét tuyển các môn văn hóa (đối với PT1 và PT2); Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL (đối với PT3); tổ chức thi tuyển môn Vẽ mỹ thuật và xét tuyển theo kết quả thi môn Vẽ mỹ thuật (môn Vẽ mỹ thuật, môn Hình họa, môn Bố cục màu
Địa chỉ: số 566, đường Núi Thành, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng ĐT: (0236)-2210030/ 2210031/						
Các ngành Năng khiếu						
- Kiến trúc (<i>chất lượng cao</i>)		758010	1. Vẽ MT, Toán, Lý (V00)	300	720	

		1	2. Vẽ MT, Toán, Văn (V01)			<p>...) của thí sinh đã dự thi các môn này tại các trường đại học trên toàn quốc trong cùng năm tuyển sinh. Môn Vẽ mỹ thuật phải đạt từ 4,0 điểm trở lên.</p> <p>2. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: Đối với PT1, Trường sẽ công bố sau khi có kết quả thi THPT quốc gia năm 2019; Đối với PT2, là tổng điểm trung bình của 3 môn học trong tổ hợp xét tuyển $\geq 18,0$ (đối với các tổ hợp có 2 môn văn hóa thì tổng điểm trung bình của 2 môn văn hóa $\geq 12,0$; đối với tổ hợp có 1 môn văn hóa thì điểm trung bình của môn văn</p>
- Quy hoạch vùng và đô thị: + Quy hoạch vùng và đô thị + Thiết kế kiến trúc cảnh quan		758010 5	3. Vẽ MT, Toán, Tiếng Anh (V02) 4. Toán, Lý, Tiếng Anh (A01)	30	680	
- Thiết kế đồ họa: + Thiết kế đồ họa + Thiết kế mỹ thuật đa phương tiện		721040 3	1. Vẽ MT, Toán, Lý (V00) 2. Vẽ MT, Toán, Văn (V01) 3. Vẽ MT, Toán, Tiếng Anh (V02)	50	680	
- Thiết kế nội thất		758010 8	4. Vẽ MT, Văn, BỐ cục màu (H00)	100		
(1)	(2)	(3)	(4)		(6)	

						hóa (môn Ngữ văn) $\geq 6,0$); hoặc: điểm trung bình chung của tất cả các môn ở (7)
Các ngành Kỹ thuật và Công nghệ						năm học lớp 12 không nhỏ hơn 6,0; Đối với PT3, Trường sẽ công bố sau khi có kết quả thi ĐGNL năm 2019 của các trường đại học.
- Kỹ thuật xây dựng (<i>Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp</i>)		758020 1	1. Toán, Lý, Hóa (A00) 2. Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) 3. Toán, Hóa, Sinh (B00) 4. Toán, Văn, Tiếng Anh (D01)	300	630	3. Điểm chuẩn trúng tuyển đối với mỗi ngành và mỗi phương thức xét tuyển được xác định căn cứ vào chỉ tiêu tuyển sinh của từng ngành đào tạo dành cho mỗi phương thức, bao gồm tổng điểm thi/xét tuyển và điểm ưu tiên khu
- Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông (<i>Xây dựng Cầu - Đường</i>)		758020 5		100		
- Kỹ thuật Cơ sở Hạ tầng		758021 0		50		
- Quản lý Xây dựng		758030 2		50		
- Công nghệ thông tin		748020 1		150		

- Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử		751030 1		100		<p>vực, đối tượng.</p> <p>4. Đối với mỗi phương thức xét tuyển, thí sinh được xét tuyển bình đẳng theo điểm xét tuyển của thí sinh, không phân biệt tổ hợp môn xét tuyển và thứ tự ưu tiên của các nguyện vọng. Nếu các thí sinh có điểm xét tuyển như nhau ở cuối danh sách, dẫn đến vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh, thì Trường xét trúng tuyển đối với thí sinh ĐKXT có điểm của môn sau đây trong tổ hợp môn xét tuyển cao hơn: Môn Vẽ mỹ thuật đối với các ngành năng khiếu; Môn Toán đối với các ngành</p>
Các ngành Kinh tế và Du lịch						
- Kế toán: + Kế toán tổng hợp + Kế toán - Kiểm toán		734030 1	1. Toán, Lý, Hóa (A00) 2. Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) 3. Toán, Hóa, Sinh (B00) 4. Toán, Văn, Tiếng Anh (D01)	180	560	
- Tài chính - Ngân hàng: + Tài chính doanh nghiệp + Ngân hàng		734020 1		60		
- Quản trị kinh doanh: + Quản trị kinh doanh tổng hợp		734010 1		200		
- Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành		781010 3		200	630	
Các ngành Ngoại ngữ						
- Ngôn ngữ Anh: + Tiếng Anh biên - phiên dịch + Tiếng Anh du lịch		722020 1	1. Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) 2. Toán, Lý, Tiếng Anh (A01)	150	560	

			3. Văn, Sử, Tiếng Anh (D14) 4. Văn, Địa, Tiếng Anh (D15)			kỹ thuật, công nghệ, kinh tế và các ngành: Kiến trúc, Quy hoạch vùng và đô thị (nếu thí sinh ĐKXT theo tổ hợp A01); Môn Tiếng Anh đối với các ngành ngoại ngữ. Nếu vẫn còn vượt chỉ tiêu tuyển sinh, thì Trường ưu tiên thí sinh ĐKXT có nguyện vọng cao hơn.
- Ngôn ngữ Trung Quốc: + Tiếng Trung Quốc biên-phiên dịch		722020 4		150		

Biểu mẫu 17

Công khai cam kết chất lượng đào tạo năm học 2019 – 2020

Ngành		Trình độ đào tạo: Đại học chính quy
1. Ngành Kế toán – Khoa Kinh tế		
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	<p>1. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trên phạm vi cả nước.</p> <p>2. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển</p> <p>Trường tổ chức xét tuyển vào đại học, theo ba phương thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none">❖ Phương thức 1 (PT1): Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia đối với các thí sinh dự kỳ thi THPT quốc gia trong cùng năm tuyển sinh. Thí sinh phải có kết quả thi đạt ngưỡng điểm vào đại học theo quy định của Bộ Giáo Dục.❖ Phương thức 2 (PT2): Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 ghi trong học bạ của học sinh tốt nghiệp THPT. Thí sinh có kết quả học tập lớp 12 đạt:<ul style="list-style-type: none">- Điểm trung bình chung các môn học trong tổ hợp xét tuyển không nhỏ hơn 6,0.- Hoặc điểm trung bình chung của năm học lớp 12 không nhỏ hơn 6,0.❖ Phương thức 3 (PT3): Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của các trường đại học trên toàn quốc. <p>Thông tin chi tiết về Đề án Tuyển sinh 2019 xem tại: https://bit.ly/2XTJt37</p>
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none">- Sinh viên vận dụng được các kiến thức lý thuyết chuyên sâu của ngành kế toán để thực hiện công tác kế toán tại các doanh nghiệp- Sinh viên hiểu được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong mối liên hệ với lĩnh vực kế toán <p>2. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none">- Sinh viên Thực hiện chính xác công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành kế toán trong những bối cảnh khác nhau.- Sinh viên áp dụng Áp dụng khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế trong lĩnh vực kế toán <p>3. Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none">- Đào tạo Cử nhân có phẩm chất đạo đức tốt, ý thức nghề nghiệp chuyên môn cao, có trách nhiệm với cộng đồng, với

		<p>xã hội về những nhiệm vụ được giao.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có lương tâm nghề nghiệp, tôn trọng pháp luật, luôn có thái độ cầu thị, tác phong làm việc chuyên nghiệp, nhiệt tình, tâm huyết với công việc. - Nhận thức được nhu cầu học tập và cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. <p>4. Trình độ ngoại ngữ, Tin học đạt được:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng ngoại ngữ: đạt chuẩn Bậc 2 (A2) khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (VSTEP), theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ giáo dục và đào tạo. - Kỹ năng tin học: đạt chuẩn kỹ năng xử dụng Công nghệ thông tin cơ bản do Bộ thông tin và truyền thông ban hành tại thông tư số 03/2014/TT-BTTTT NGÀY 11/03/2014.
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	Hỗ trợ tốt cơ sở vật chất học tập tại trường Hỗ trợ, xây dựng các liên kết với các Doanh nghiệp
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	Chương trình đào tạo ngành Kế toán (Ban hành kèm theo Quyết định số:684/2017/QĐ-ĐHKT ngày 29 tháng 06 năm 2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Có thể đăng ký học Cao học tại các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Kế toán viên phụ trách các phần hành kế toán tại các đơn vị, các tổ chức kinh tế- xã hội (doanh nghiệp, tổ chức tài chính, đơn vị sự nghiệp); - Trợ lý kiểm toán viên tại các công ty kiểm toán; - Nhân viên kế toán tại các công ty dịch vụ kế toán; - Trợ lý tài chính trong các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, các tổ chức tài chính, ngân hàng; - Nhân viên kế toán quản trị trong các doanh nghiệp.
2. Ngành Tài chính - Ngân hàng – Khoa Kinh tế		
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	<ol style="list-style-type: none"> 1. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trên phạm vi cả nước. 2. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển <p>Trường tổ chức xét tuyển vào đại học, theo ba phương thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> ❖ Phương thức 1 (PT1): Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia đối với các thí sinh dự kỳ thi THPT quốc gia trong cùng năm tuyển sinh. Thí sinh phải có kết quả thi đạt ngưỡng điểm vào đại học theo quy định của Bộ Giáo Dục. ❖ Phương thức 2 (PT2): Xét tuyển theo kết quả học tập lớp

		<p>12 ghi trong học bạ của học sinh tốt nghiệp THPT. Thí sinh có kết quả học tập lớp 12 đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm trung bình chung các môn học trong tổ hợp xét tuyển không nhỏ hơn 6,0. - Hoặc điểm trung bình chung của năm học lớp 12 không nhỏ hơn 6,0. <p>❖ Phương thức 3 (PT3): Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của các trường đại học trên toàn quốc.</p> <p>Thông tin chi tiết về Đề án Tuyển sinh 2019 xem tại: https://bit.ly/2XTJt37</p>
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kiến thức về lý luận chính trị, kinh tế – xã hội và pháp luật; có sức khỏe đáp ứng nhu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. - Có kiến thức chuyên môn trong các hoạt động huy động vốn, tín dụng, thanh toán quốc tế, kế toán, đầu tư tài chính và các hoạt động khác có liên quan tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng. - Có khả năng phân tích, đánh giá tình hình kinh tế xã hội, các hoạt động ngân hàng và thị trường tài chính. <p>Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng tính toán và phân tích dữ liệu, xử lý tình huống và giải quyết các vấn đề trong công việc liên quan đến hoạt động ngân hàng, tổ chức tín dụng. - Có khả năng thảo luận, thuyết trình, đàm phán, thuyết phục và truyền thông một cách hiệu quả. - Khả năng sử dụng ngoại ngữ: Tiếng Anh đạt chuẩn Bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (VSTEP) theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Khả năng sử dụng tin học: Đạt chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin cơ bản do Bộ Thông tin Truyền thông ban hành tại thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 <p>Thái độ: Tinh thần làm việc độc lập, sáng tạo, chuyên nghiệp. Trách nhiệm với bản thân, công việc, nghề nghiệp và xã hội.</p>
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	Hỗ trợ tốt cơ sở vật chất học tập tại trường Hỗ trợ, xây dựng các liên kết với các Doanh nghiệp, Ngân hàng, công ty bảo hiểm
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	Chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng, ban hành kèm theo Quyết định số: 684/2017/QĐ-ĐHKT ngày 29 tháng 06 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng

V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Có thể đăng ký học nâng cao tại các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước.
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể làm cán bộ nghiệp vụ trong các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng ở các vị trí: giao dịch viên, tín dụng và hỗ trợ tín dụng, kế toán, thẩm định, thanh toán quốc tế, bảo hiểm.
3. Ngành Quản trị kinh doanh – Khoa Kinh tế		
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	<p>1. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trên phạm vi cả nước.</p> <p>2. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển</p> <p>Trường tổ chức xét tuyển vào đại học, theo ba phương thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> ❖ Phương thức 1 (PT1): Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia đối với các thí sinh dự kỳ thi THPT quốc gia trong cùng năm tuyển sinh. Thí sinh phải có kết quả thi đạt ngưỡng điểm vào đại học theo quy định của Bộ Giáo Dục. ❖ Phương thức 2 (PT2): Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 ghi trong học bạ của học sinh tốt nghiệp THPT. Thí sinh có kết quả học tập lớp 12 đạt: <ul style="list-style-type: none"> - Điểm trung bình chung các môn học trong tổ hợp xét tuyển không nhỏ hơn 6,0. - Hoặc điểm trung bình chung của năm học lớp 12 không nhỏ hơn 6,0. ❖ Phương thức 3 (PT3): Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của các trường đại học trên toàn quốc. <p style="text-align: center;">Thông tin chi tiết về Đề án Tuyển sinh 2019 xem tại: https://bit.ly/2XTJt37</p>
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm vững các kiến thức nền tảng về lý luận chính trị, kinh tế - xã hội, kinh doanh - quản lý, kế toán - tài chính đáp ứng việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập ở trình độ cao hơn. - Nắm vững kiến thức về tổ chức, cơ cấu tổ chức, những chức năng chính và các yếu tố môi trường kinh doanh của tổ chức, doanh nghiệp. - Hiểu rõ về các lý thuyết về việc xây dựng chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp. - Nắm bắt các quyết định cơ bản trong hoạt động quản trị ở các lĩnh vực chức năng của doanh nghiệp - Vận dụng tốt các lý thuyết quản trị vào các hoạt động quản trị chức năng của doanh nghiệp

		<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá, phân tích và xây dựng các kế hoạch kinh doanh ở các cấp quản trị. 2. Kỹ năng: - Có khả năng nhận diện cơ hội kinh doanh, thực hiện khởi sự kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp mới. - Có khả năng thực hiện các kỹ năng quản trị bao gồm: hoạch định chiến lược và chính sách kinh doanh; thiết lập và triển khai một dự án kinh doanh; tiến hành đánh giá và kiểm tra tiến độ thực hiện công tác quản trị chức năng tại doanh nghiệp - Có khả năng lập và triển khai các kế hoạch dài, trung và ngắn hạn. - Có khả năng lập, triển khai và kiểm tra các kế hoạch tác nghiệp liên quan đến hoạt động quản trị tại các công ty/doanh nghiệp - Kỹ năng xử lý tình huống: thích ứng nhanh với môi trường làm việc thay đổi; chịu được áp lực cao trong công việc; có kỹ năng phát hiện và xử lý các vấn đề nảy sinh trong công việc. - Kỹ năng giải quyết vấn đề : xử lý tốt các vấn đề quản trị phát sinh giữa các bộ phận trong doanh nghiệp và giữa doanh nghiệp với bên ngoài - Có khả năng thuyết trình, thuyết phục và truyền thông một cách hiệu quả. - Có kỹ năng làm việc độc lập một cách hệ thống và khoa học; làm việc và điều hành nhóm. - Kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ với trình độ tiếng Anh đạt chuẩn Bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam - Kỹ năng sử dụng tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản do Bộ thông tin và truyền thông ban hành tại thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/03/2014. 3. Thái độ: - Có phẩm chất đạo đức tốt, ý thức nghề nghiệp chuyên môn cao, có trách nhiệm với cộng đồng, với xã hội về những nhiệm vụ được giao. - Có lương tâm nghề nghiệp, tôn trọng pháp luật, luôn có thái độ cầu thị, tác phong làm việc chuyên nghiệp, nhiệt tình, tâm huyết với công việc. - Nhận thức được nhu cầu học tập và cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. - Có khát vọng kinh doanh và quyết tâm theo đuổi mục tiêu đã đặt ra.
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh	Hỗ trợ tốt cơ sở vật chất học tập tại trường Hỗ trợ, xây dựng các liên kết với các Doanh nghiệp.

	hoạt cho người học	
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh, ban hành kèm theo Quyết định số: 684/2017/QĐ-ĐHKT ngày 29 tháng 06 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Có thể đăng ký học Cao học tại các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước. Có thể đăng ký học nâng cao các nghiệp vụ liên quan đến du lịch tại các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước.
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	Sau khi tốt nghiệp, các cử nhân ngành Quản trị kinh doanh có thể làm việc ở các loại hình doanh nghiệp khác nhau, các cơ quan công quyền, các tổ chức chính phủ và phi chính phủ, viện nghiên cứu, giảng dạy ở các trường đại học và cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp

4. Ngành Thiết kế đồ họa – Khoa Kiến trúc

I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	<p>Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển</p> <p>Trường tổ chức xét tuyển vào đại học, theo ba phương thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> ❖ Phương thức 1 (PT1): Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia đối với các thí sinh dự kỳ thi THPT quốc gia trong cùng năm tuyển sinh. Thí sinh phải có kết quả thi đạt ngưỡng điểm vào đại học theo quy định của Bộ Giáo Dục. ❖ Phương thức 2 (PT2): Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 ghi trong học bạ của học sinh tốt nghiệp THPT. Thí sinh có kết quả học tập lớp 12 đạt: <ul style="list-style-type: none"> - Điểm trung bình chung các môn học trong tổ hợp xét tuyển không nhỏ hơn 6,0. - Hoặc điểm trung bình chung của năm học lớp 12 không nhỏ hơn 6,0. ❖ Phương thức 3 (PT3): Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của các trường đại học trên toàn quốc. <p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong điểm xét có thêm thành phần điểm năng khiếu thi tại trường hoặc thi ở các điểm trường có tổ chức thi vẽ Mỹ thuật. Điểm Mỹ thuật này không dưới 4. - Nếu thí sinh sử dụng tổ hợp A01 (Toán, Lý, Tiếng Anh) đăng ký vào “Ngành Kiến trúc” hoặc “Quy vùng và đô thị” thì sẽ không cần điểm Vẽ mỹ thuật. <p>Thông tin chi tiết về Đề án Tuyển sinh 2019 xem tại:</p>
---	------------------------------	--

		https://bit.ly/2XTJt37
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>* Nhà thiết kế đồ họa được trang bị kiến thức mỹ học cơ bản và chuyên môn thiết kế cùng các phần mềm thiết kế đảm bảo và đủ để thực hiện các thiết kế 2d, 2d+ theo yêu cầu của khách hàng. Thiết kế đồ họa bao gồm: các thiết kế nhận diện thương hiệu, bảng hiệu & thi công bảng hiệu hộp đèn, thiết kế in ấn bao bì sản phẩm. Cụ thể:</p> <p>+ Có khả năng lập kế hoạch, lên ý tưởng xây dựng thương hiệu cho một công ty, thiết kế tất cả các mẫu mã in ấn bao bì sản phẩm thương hiệu đó, lên kế hoạch khai trương, tổ chức sự kiện nhân hàng khi sản phẩm đưa ra thị trường;</p> <p>+ Có khả năng thiết kế đồ họa 2d và 2d+ trên giao diện website;</p> <p>+ Có khả năng thiết kế nhân vật hoạt hình, game, vẽ và thiết kế minh họa truyện dài, truyện tranh.</p> <p>* Khả năng sử dụng ngoại ngữ: Tiếng Anh: VSTEP bậc 2 (bậc 2/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam) theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p> <p>* Khả năng sử dụng tin học: đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014; sử dụng được thành thạo các phần mềm vi tính chuyên ngành để phục vụ thiết kế.</p>
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	Hỗ trợ tốt cơ sở vật chất học tập tại trường Hỗ trợ, xây dựng các liên kết với các Doanh nghiệp
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh (Ban hành kèm theo Quyết định số:684/2017/QĐ-ĐHKT ngày 29 tháng 06 năm 2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Sau khi ra trường, sinh viên có thể tiếp tục học lên cao học trong và ngoài nước.
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	Sinh viên sau khi ra trường có thể làm việc ở các Bộ, Sở Văn hóa thông tin; Bộ, Sở du lịch ; Các công ty trong nước hoặc nước ngoài về tư vấn thiết kế nhận diện thương hiệu, các công ty dịch vụ quảng cáo, công ty in ấn; Nhà xuất bản; Công ty, Trung tâm phần mềm, thiết kế game, thiết kế bối cảnh , hậu kỳ phim ảnh..
5. Ngành Kiến trúc – Khoa Kiến trúc		
I	Điều kiện đăng ký tuyển	Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển. Trường tổ chức xét

sinh		<p>tuyển vào đại học, theo ba phương thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> ❖ Phương thức 1 (PT1): Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia đối với các thí sinh dự kỳ thi THPT quốc gia trong cùng năm tuyển sinh. Thí sinh phải có kết quả thi đạt ngưỡng điểm vào đại học theo quy định của Bộ Giáo Dục. ❖ Phương thức 2 (PT2): Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 ghi trong học bạ của học sinh tốt nghiệp THPT. Thí sinh có kết quả học tập lớp 12 đạt: <ul style="list-style-type: none"> - Điểm trung bình chung các môn học trong tổ hợp xét tuyển không nhỏ hơn 6,0. - Hoặc điểm trung bình chung của năm học lớp 12 không nhỏ hơn 6,0. ❖ Phương thức 3 (PT3): Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của các trường đại học trên toàn quốc. <p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong điểm xét có thêm thành phần điểm năng khiếu thi tại trường hoặc thi ở các điểm trường có tổ chức thi vẽ Mỹ thuật. Điểm Mỹ thuật này không dưới 4. - Nếu thí sinh sử dụng tổ hợp A01 (Toán, Lý, Tiếng Anh) đăng ký vào “Ngành Kiến trúc” hoặc “Quy vùng và đô thị” thì sẽ không cần điểm Vẽ mỹ thuật. <p>Thông tin chi tiết về Đề án Tuyển sinh 2019 xem tại: https://bit.ly/2XTJt37</p>
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức: Trang bị cho người học những Kiến thức giáo dục đại cương và Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp về các lĩnh vực xây dựng, quy hoạch, Kiến thức chuyên sâu về thiết kế Kiến trúc công trình. - Kỹ năng: Sau khi tốt nghiệp kiến trúc sư, người học có kỹ năng về thiết kế công trình kiến trúc, thiết kế tổng mặt bằng, kỹ năng truyền thông, làm việc trong các công ty tư vấn thiết kế kiến trúc, quy hoạch; các cơ quan quản lý trong lĩnh vực kiến trúc. Người học có kỹ năng: Xử lý tình huống, giải quyết vấn đề, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm. - Thái độ: có ý thức tôn trọng pháp luật, luôn cầu thị, tác phong làm việc chuyên nghiệp, Thái độ nhiệt tình, tâm huyết với công việc. Nhận thức được nhu cầu học tập, cập nhật Kiến thức để không ngừng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của mình, biết vận dụng một cách sáng tạo vào công việc. <p>* Khả năng sử dụng ngoại ngữ, tin học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngoại ngữ: Tiếng Anh đạt bậc 2 của theo chuẩn VSTEP theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ

		<p>Giáo dục và Đào tạo, hoặc các trình độ khác tương đương, am hiểu kiến thức tiếng Anh chuyên ngành.</p> <p>- Tin học: đạt chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản do Bộ thông tin và truyền thông ban hành tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/03/2014; sử dụng các phần mềm đồ họa chuyên ngành, phần mềm tin học văn phòng phục vụ cho công tác khảo sát, thiết kế.</p>
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	<p>- Chính sách về học bổng, khuyến khích học tập theo kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên.</p> <p>- Miễn, giảm học phí cho sinh viên theo quy định của nhà Trường.</p> <p>- Tổ chức các cuộc thi ngoại khóa, kết hợp với các đơn vị ngoài Trường tổ chức các hoạt động hỗ trợ học tập, các cuộc thi về thiết kế, sáng tạo... nhằm tạo sân chơi lành mạnh, hỗ trợ sự phát triển đa hướng cho người học.</p>
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	<p>Chương trình đào tạo đại học ngành Kiến trúc, ban hành theo Quyết định số 684/2017/QĐ-ĐHKT ngày 29 tháng 06 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng.</p>
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<p>Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo có khả năng phân tích, tính toán và thiết kế công trình Kiến trúc; có khả năng xác định và thảo luận các vấn đề liên quan đến kỹ thuật, công nghệ, kinh tế, xã hội và đưa ra các giải pháp trong thiết kế từ các vấn đề trên kết hợp với vấn đề đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp trong phân tích của mình.</p> <p>Có khả năng tự học tập, nghiên cứu khoa học theo đúng chuyên ngành đào tạo và một số ngành có liên quan như thiết kế đô thị, kiến trúc cảnh quan. Có thể học tập lên thạc sĩ, tiến sĩ các ngành Kiến trúc, Thiết kế đô thị, Kiến trúc cảnh quan.</p>
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	<p>Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhiệm công tác tại các công ty tư vấn thiết kế, các doanh nghiệp trong ngành Kiến trúc, Xây dựng, các cơ quan quản lý các cấp và các cơ sở nghiên cứu khoa học công nghệ, tham gia công tác giảng dạy các môn học cơ sở ngành và chuyên ngành tại các trường Đại học, Cao đẳng.</p>

6. Ngành Quy hoạch vùng và đô thị - Khoa Kiến trúc

I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	<p>Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển. Trường tổ chức xét tuyển vào đại học, theo ba phương thức sau:</p> <p>❖ Phương thức 1 (PT1): Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia đối với các thí sinh dự kỳ thi THPT quốc gia trong cùng năm tuyển sinh. Thí sinh phải có kết quả thi đạt ngưỡng điểm vào đại học theo quy định của Bộ Giáo Dục.</p>
---	------------------------------	--

		<ul style="list-style-type: none"> ❖ Phương thức 2 (PT2): Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 ghi trong học bạ của học sinh tốt nghiệp THPT. Thí sinh có kết quả học tập lớp 12 đạt: <ul style="list-style-type: none"> - Điểm trung bình chung các môn học trong tổ hợp xét tuyển không nhỏ hơn 6,0. - Hoặc điểm trung bình chung của năm học lớp 12 không nhỏ hơn 6,0. ❖ Phương thức 3 (PT3): Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của các trường đại học trên toàn quốc. <p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong điểm xét có thêm thành phần điểm năng khiếu thi tại trường hoặc thi ở các điểm trường có tổ chức thi vẽ Mỹ thuật. Điểm Mỹ thuật này không dưới 4. - Nếu thí sinh sử dụng tổ hợp A01 (Toán, Lý, Tiếng Anh) đăng ký vào “Ngành Kiến trúc” hoặc “Quy vùng và đô thị” thì sẽ không cần điểm Vẽ mỹ thuật. <p>Thông tin chi tiết về Đề án Tuyển sinh 2019 xem tại: https://bit.ly/2XTJt37</p>
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>Kiến thức: Trang bị cho người học những Kiến thức giáo dục đại cương và Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp về các lĩnh vực Quy hoạch, xây dựng, kiến trúc, Kiến thức chuyên sâu về thiết kế đô thị, Quy hoạch vùng & Đô thị.</p> <p>- Kỹ năng: Sau khi tốt nghiệp kiến trúc sư, người học có kỹ năng về thiết kế đô thị, Quy hoạch vùng & Đô thị, thiết kế công trình kiến trúc vừa và nhỏ, làm việc trong các công ty tư vấn thiết kế kiến trúc, quy hoạch; các cơ quan quản lý trong lĩnh vực kiến trúc, quy hoạch đô thị. Người học có kỹ năng: Xử lý tình huống, giải quyết vấn đề, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm.</p> <p>- Thái độ: có ý thức tôn trọng pháp luật, luôn cầu thị, tác phong làm việc chuyên nghiệp, Thái độ nhiệt tình, tâm huyết với công việc. Nhận thức được nhu cầu học tập, cập nhật Kiến thức để không ngừng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của mình, biết vận dụng một cách sáng tạo vào công việc.</p> <p>* Khả năng sử dụng ngoại ngữ, tin học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngoại ngữ: Tiếng Anh đạt bậc 2 của theo chuẩn VSTEP theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hoặc các trình độ khác tương đương, am hiểu kiến thức tiếng Anh chuyên ngành. - Tin học: đạt chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản do Bộ thông tin và truyền thông ban hành tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/03/2014; sử dụng các phần mềm

		đồ họa chuyên ngành, phần mềm tin học văn phòng phục vụ cho công tác khảo sát, thiết kế.
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	<ul style="list-style-type: none"> - Chính sách về học bổng, khuyến khích học tập theo kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên. - Miễn, giảm học phí cho sinh viên theo quy định của nhà Trường. - Tổ chức các cuộc thi ngoại khóa, kết hợp với các đơn vị ngoài Trường tổ chức các hoạt động hỗ trợ học tập, các cuộc thi về thiết kế, sáng tạo... nhằm tạo sân chơi lành mạnh, hỗ trợ sự phát triển đa hướng cho người học.
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	Chương trình đào tạo đại học ngành Quy hoạch Vùng & Đô thị, ban hành theo Quyết định số 684/2017/QĐ-ĐHKT ngày 29 tháng 06 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Có khả năng tự học tập, nghiên cứu khoa học theo đúng chuyên ngành đào tạo và một số ngành có liên quan như thiết kế Kiến trúc - đô thị, Kiến trúc cảnh quan. Có thể học tập lên thạc sĩ, tiến sĩ các ngành: Quy hoạch, Kiến trúc, Thiết kế đô thị, Kiến trúc cảnh quan.
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhiệm công tác tại các công ty tư vấn thiết kế, các doanh nghiệp trong ngành Kiến trúc, Quy hoạch đô thị, Xây dựng, các cơ quan quản lý các cấp và các cơ sở nghiên cứu khoa học công nghệ, tham gia công tác giảng dạy các môn học cơ sở ngành và chuyên ngành tại các trường Đại học, Cao đẳng

7. Ngành Thiết kế nội thất – Khoa Kiến trúc

I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	<p>Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển. Trường tổ chức xét tuyển vào đại học, theo ba phương thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> ❖ Phương thức 1 (PT1): Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia đối với các thí sinh dự kỳ thi THPT quốc gia trong cùng năm tuyển sinh. Thí sinh phải có kết quả thi đạt ngưỡng điểm vào đại học theo quy định của Bộ Giáo Dục. ❖ Phương thức 2 (PT2): Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 ghi trong học bạ của học sinh tốt nghiệp THPT. Thí sinh có kết quả học tập lớp 12 đạt: <ul style="list-style-type: none"> - Điểm trung bình chung các môn học trong tổ hợp xét tuyển không nhỏ hơn 6,0. - Hoặc điểm trung bình chung của năm học lớp 12 không nhỏ hơn 6,0. ❖ Phương thức 3 (PT3): Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của các trường đại học trên toàn quốc.
---	------------------------------	--

		<p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong điểm xét có thêm thành phần điểm năng khiếu thi tại trường hoặc thi ở các điểm trường có tổ chức thi vẽ Mỹ thuật. Điểm Mỹ thuật này không dưới 4. - Nếu thí sinh sử dụng tổ hợp A01 (Toán, Lý, Tiếng Anh) đăng ký vào “Ngành Kiến trúc” hoặc “Quy vùng và đô thị” thì sẽ không cần điểm Vẽ mỹ thuật. <p>Thông tin chi tiết về Đề án Tuyển sinh 2019 xem tại: https://bit.ly/2XTJt37</p>
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>Kiến thức: Trang bị cho người học những Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tri thức chuyên môn + Kiến thức khoa học cơ bản: Nắm vững và vận dụng các kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, triết học, mỹ học, văn hóa Việt Nam, lịch sử mỹ thuật thế giới và Việt Nam; các kiến thức cơ sở ngành liên quan đến ngành mỹ thuật ứng dụng. + Kiến thức cơ sở của ngành: Nắm vững ngôn ngữ tạo hình, quy trình thiết kế, nguyên lý, kỹ thuật, công nghệ và vật liệu thiết kế nội thất để tư vấn trong lĩnh vực thiết kế nội thất. + Kiến thức cốt lõi của ngành, chuyên ngành: Nắm vững lịch sử và phong cách thiết kế nội thất Việt Nam và thế giới; quy trình thi công công trình nội thất, vật liệu nội thất, các đồ án sáng tác thiết kế nội thất. - Năng lực nghề nghiệp + Có khả năng lập bản vẽ thiết kế, thi công, tổ chức và quản lý các công trình nội thất; có khả năng tiếp cận khoa học công nghệ mới thuộc lĩnh vực kiến trúc và nội thất để áp dụng vào thực tiễn. + Có khả năng thẩm mỹ, có định hướng tư duy sáng tạo để có thể đề xuất các xu hướng, phong cách thiết kế. <p>- Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng cứng: + Kỹ năng chuyên môn: <ul style="list-style-type: none"> <i>Tư vấn:</i> Có khả năng tư vấn, phản biện các vấn đề kỹ thuật trong lĩnh vực thiết kế nội thất. Có khả năng tư vấn giám sát, tư vấn quản lý dự án trong lĩnh vực kiến trúc, nội thất. <i>Thiết kế:</i> Có khả năng sáng tạo thẩm mỹ, thiết kế các công trình trong lĩnh vực nội thất. <i>Thi công:</i> Có khả năng tổ chức thi công, chỉ đạo thi công các công trình trong lĩnh vực kiến trúc, nội thất. <i>Quản lý:</i> Có khả năng quản lý điều hành các công trình kiến trúc, nội thất. + Năng lực thực hành nghề nghiệp:

Có khả năng thiết kế các công trình nội thất trên cơ sở nắm vững nguyên lý tạo hình và ứng dụng sáng tạo phong cách truyền thống và hiện đại được đào tạo cùng với các phương pháp và quy trình, kỹ thuật thiết kế nội thất.

+ Kỹ năng xử lý tình huống:

Có khả năng tiếp cận về kiến thức, công nghệ mới và các thiết bị hiện đại trong thiết kế nội thất. Biết phân tích, xử lý kết quả thực nghiệm và áp dụng kết quả thực nghiệm trong thiết kế nội thất.

+ Kỹ năng giải quyết vấn đề:

Trang bị cho người học các kỹ năng giải quyết vấn đề đặt ra trong ngành kiến trúc và nội thất thông qua các phần mềm chuyên dụng, các đồ án thực tế.

- Kỹ năng mềm:

+ Kỹ năng trình bày: Có khả năng trình bày trực quan, nhằm giải thích và thuyết phục những ý tưởng, nội dung, giải pháp thiết kế các sản phẩm nội thất, thông qua các kỹ thuật trình chiếu (phim, ảnh, video, slide,...)

+ Kỹ năng làm việc theo nhóm: Có khả năng tham gia tích cực, làm việc hiệu quả, với chức năng là một nhà thiết kế trong các nhóm chuyên môn.

+ Khả năng sử dụng ngoại ngữ, tin học:

Ngoại ngữ: Tiếng Anh đạt 450 điểm trở lên theo chuẩn TOEIC, am hiểu kiến thức tiếng Anh chuyên ngành.

Tin học: Đạt trình độ B Tin học ứng dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; có kỹ năng sử dụng được các phần mềm chuyên ngành AutoCad, 3Dmax, Photoshop, phần mềm tin học văn phòng phục vụ cho công tác khảo sát, thiết kế các công trình kiến trúc, nội thất

Thái độ:

- Phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân: Có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe và lối sống lành mạnh. Có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, có tinh thần làm việc tập thể. Nắm vững chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước và các quy định liên quan đến lĩnh vực văn hoá nghệ thuật.

- Trách nhiệm, đạo đức, tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ: Có hiểu biết về Luật Sở hữu trí tuệ và thực hiện nghiêm túc vấn đề Bản quyền tác giả.

- Khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc: Có ý thức cầu thị, thường xuyên phấn đấu vươn lên nâng cao trình độ chuyên môn, quản lý và nghiệp vụ. Luôn tìm tòi sáng tạo

		<p>trong chuyên môn.</p> <p>* Khả năng sử dụng ngoại ngữ, tin học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngoại ngữ: Tiếng Anh đạt bậc 2 của theo chuẩn VSTEP theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hoặc các trình độ khác tương đương, am hiểu kiến thức tiếng Anh chuyên ngành. - Tin học: đạt chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản do Bộ thông tin và truyền thông ban hành tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/03/2014; sử dụng các phần mềm đồ họa chuyên ngành, phần mềm tin học văn phòng phục vụ cho công tác khảo sát, thiết kế.
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	<p>Chính sách về học bổng, khuyến khích học tập theo kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn, giảm học phí cho sinh viên theo quy định của nhà Trường. - Tổ chức các cuộc thi ngoại khóa, kết hợp với các đơn vị ngoài Trường tổ chức các hoạt động hỗ trợ học tập, các cuộc thi về thiết kế, sáng tạo... nhằm tạo sân chơi lành mạnh, hỗ trợ sự phát triển đa hướng cho người học.
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	<p>Theo Chương trình đào tạo đại học ngành Thiết kế nội thất, ban hành do Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng ban hành</p>
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<ul style="list-style-type: none"> - Đủ trình độ tham gia các khóa học, bồi dưỡng nâng cao ngắn hạn về Mỹ thuật, mỹ thuật công nghiệp trong và ngoài nước. - Đủ trình độ để học bằng đại học thứ 2 của các chuyên ngành liên quan. - Đủ trình độ học bậc sau đại học (Thạc sỹ, Tiến sỹ) chuyên ngành Mỹ thuật, mỹ thuật công nghiệp tại các trường trong và ngoài nước.
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia làm việc trong các cơ quan nhà nước hoặc các doanh nghiệp liên quan đến lĩnh vực Thiết kế nội thất như thiết kế sản phẩm nội thất, thiết kế nội - ngoại thất các công trình kiến trúc dân dụng và kiến trúc công nghiệp, đáp ứng nhu cầu của đời sống xã hội. Có khả năng tìm việc làm hoặc thành lập các doanh nghiệp trong lĩnh vực Thiết kế nội thất. - Làm các công việc kỹ thuật, quản lý chất lượng, tại các cơ sở sản xuất sản phẩm nội thất. - Làm việc ở các cơ quan quản lý có liên quan đến ngành mỹ thuật công nghiệp và văn hoá nói chung. - Nghiên cứu khoa học thuộc các lĩnh vực về chuyên ngành

		<p>mỹ thuật công nghiệp ở các Viện nghiên cứu, các trung tâm và cơ quan nghiên cứu của các Bộ, ngành, các trường Đại học và Cao đẳng.</p> <p>- Giảng dạy tại các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp, dạy nghề trong lĩnh vực mỹ thuật công nghiệp (cần có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm).</p>
8. Ngành Kỹ thuật xây dựng – Khoa Xây dựng		
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	<p>1. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trên phạm vi cả nước.</p> <p>2. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển</p> <p>Trường tổ chức xét tuyển vào đại học, theo ba phương thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> ❖ Phương thức 1 (PT1): Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia đối với các thí sinh dự kỳ thi THPT quốc gia trong cùng năm tuyển sinh. Thí sinh phải có kết quả thi đạt ngưỡng điểm vào đại học theo quy định của Bộ Giáo Dục. ❖ Phương thức 2 (PT2): Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 ghi trong học bạ của học sinh tốt nghiệp THPT. Thí sinh có kết quả học tập lớp 12 đạt: <ul style="list-style-type: none"> - Điểm trung bình chung các môn học trong tổ hợp xét tuyển không nhỏ hơn 6,0. - Hoặc điểm trung bình chung của năm học lớp 12 không nhỏ hơn 6,0. ❖ Phương thức 3 (PT3): Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của các trường đại học trên toàn quốc. <p>Thông tin chi tiết về Đề án Tuyển sinh 2019 xem tại: https://bit.ly/2XTJt37</p>
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>Kiến thức lý luận chính trị</p> <p>Hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin; Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh.</p> <p>- Kiến thức chuyên môn</p> <p>Có kiến thức cơ bản về khoa học cơ bản, có trình độ ngoại ngữ để giao tiếp và phục vụ nhu cầu tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập ở trình độ cao hơn.</p> <p>Có kiến thức cơ bản về khoa học cơ sở cho ngành xây dựng gồm: Trắc địa công trình, Địa chất công trình, Nền móng công trình, Cơ học đất, Cơ học kết cấu, Kết cấu bê tông cốt thép, Kết cấu thép; hiểu biết rõ tính chất và sự làm việc của các vật liệu xây dựng như bê tông, thép, vật liệu đất, cát, đá...</p>

		<p>Nắm vững kiến thức về chuyên ngành xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp như Kết cấu nhà Bê tông cốt thép, Kết cấu Bê tông cốt thép đặc biệt, Chuyên đề kết cấu bê tông, Kết cấu nhà thép, Kỹ thuật thi công, Kỹ thuật thi công lắp ghép, Tổ chức thi công, Công nghệ thi công hiện đại.</p> <p>- Năng lực nghề nghiệp</p> <p>Có khả năng lập các dự án đầu tư, thiết kế, thi công, tổ chức và quản lý các công trình xây dựng; có khả năng tiếp cận khoa học công nghệ mới thuộc lĩnh vực xây dựng dân dụng và công nghiệp để áp dụng vào thực tiễn; có khả năng phân tích kết cấu; có định hướng tư duy sáng tạo để có thể đề xuất các loại kết cấu mới, các kết cấu tối ưu.</p> <p>* Trình độ ngoại ngữ, Tin học đạt được:</p> <p>- Ngoại ngữ: Tiếng Anh đạt bậc 2 của theo chuẩn VSTEP theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hoặc các trình độ khác tương đương, am hiểu kiến thức tiếng Anh chuyên ngành.</p> <p>- Tin học: đạt chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản do Bộ thông tin và truyền thông ban hành tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/03/2014; sử dụng được các phần mềm vi tính chuyên ngành để phục vụ công tác tính toán thiết kế các công trình giao thông.</p>
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	Hỗ trợ tốt cơ sở vật chất học tập tại trường Hỗ trợ, xây dựng các liên kết với các Doanh nghiệp
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng, ban hành kèm theo Quyết định số:684a/2017/QĐ-ĐHKT ngày 29 tháng 06 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Sau khi ra trường sinh viên có thể tiếp tục học lên cao học trong và ngoài nước
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	Sau khi tốt nghiệp các kỹ sư Kỹ thuật Xây dựng có thể làm việc tại các công ty tư vấn thiết kế - đầu tư trong lĩnh vực xây dựng, các công ty thi công xây dựng công trình, các công ty quản lý dự án, các công ty tư vấn giám sát, các cơ quan kiểm định chất lượng xây dựng, các cơ quan nghiên cứu khoa học công nghệ xây dựng, các cơ quan quản lý các cấp và các trường đào tạo trong lĩnh vực xây dựng .
9. Ngành Quản lý xây dựng – Khoa Xây dựng		
I	Điều kiện đăng ký tuyển	1. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trên phạm vi cả nước.

sinh		<p>2. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển</p> <p>Trường tổ chức xét tuyển vào đại học, theo ba phương thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> ❖ Phương thức 1 (PT1): Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia đối với các thí sinh dự kỳ thi THPT quốc gia trong cùng năm tuyển sinh. Thí sinh phải có kết quả thi đạt ngưỡng điểm vào đại học theo quy định của Bộ Giáo Dục. ❖ Phương thức 2 (PT2): Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 ghi trong học bạ của học sinh tốt nghiệp THPT. Thí sinh có kết quả học tập lớp 12 đạt: <ul style="list-style-type: none"> - Điểm trung bình chung các môn học trong tổ hợp xét tuyển không nhỏ hơn 6,0. - Hoặc điểm trung bình chung của năm học lớp 12 không nhỏ hơn 6,0. ❖ Phương thức 3 (PT3): Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của các trường đại học trên toàn quốc. <p>Thông tin chi tiết về Đề án Tuyển sinh 2019 xem tại: https://bit.ly/2XTJt37</p>
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kiến thức phân tích một dự án xây dựng từ giai đoạn chuẩn bị dự án, thực hiện dự án đến giai đoạn kết thúc dự án và đưa vào vận hành khai thác. - Có kiến thức tổng hợp các vấn đề về quản lý xây dựng phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. <p>2. Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện được phương pháp làm việc nhóm trong các vai trò khác nhau thông qua các đồ án môn học, bài tập lớn, báo cáo thực tập. - Áp dụng chính xác các kiến thức chuyên ngành về thiết kế, kế toán, dự toán, định giá để giải quyết được các vấn đề liên quan đến một dự án xây dựng. - Thực hiện chính xác việc lập một dự án đầu tư xây dựng, hoặc lập một hồ sơ dự thầu xây lắp, hoặc lập một dự án triển khai thi công công trình. <p>3. Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có phẩm chất chính trị, lối sống lành mạnh và trung thực trong khoa học. - Thể hiện trách nhiệm trong công việc, đoàn kết và hợp tác trong cuộc sống. <p>4. Trình độ ngoại ngữ, Tin học đạt được:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngoại ngữ: Tiếng Anh đạt bậc 2 của theo chuẩn VSTEP

		<p>hoặc các trình độ khác tương đương, am hiểu kiến thức tiếng Anh chuyên ngành.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tin học: đạt chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản do Bộ thông tin và truyền thông ban hành tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/03/2014. - Có kỹ năng sử dụng được các phần mềm chuyên ngành để lập dự toán, quản lý tiến độ, chi phí, phần mềm vẽ, phần mềm tin học văn phòng phục vụ cho công tác quản lý xây dựng
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	<p>1. Cơ sở vật chất phục vụ học tập:-Trang bị phòng thí nghiệm, hệ thống thiết bị thí nghiệm phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập của sinh viên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thư viện trường có khoảng một vạn đầu sách các môn học của các ngành đào tạo của trường và hệ thống máy tính nối mạng, giảng viên và sinh viên có thể truy cập các giáo trình điện tử. <p>2. Hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ các cơ sở thực tập, các doanh nghiệp, cơ quan nhà nước,... tạo điều kiện để sinh viên thực tập nhận thức và thực tập tốt nghiệp. - Tạo điều kiện cho sinh viên đăng ký chỗ ở trong ký túc xá, liên hệ đặt chỗ ở các nhà trọ tư nhân.
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	<p>Chương trình đào tạo ngành Quản lý xây dựng, ban hành kèm theo Quyết định số:684/2017/QĐ-ĐHKT ngày 29 tháng 06 năm 2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng</p>
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ sư Quản lý xây dựng có đủ kiến thức đáp ứng nhu cầu học tập ở bậc sau đại học trong ngành Quản lý xây dựng, hoặc phát triển sang các ngành khác thuộc khối ngành kinh tế và kỹ thuật xây dựng công trình. - Có khả năng học tập chuyển đổi linh hoạt trong các lĩnh vực đào tạo có liên quan đến chuyên ngành; - Có khả năng tự học tập và nghiên cứu tài liệu để nâng cao trình độ và cập nhật các kiến thức mới trong công việc;
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Làm các công việc quản lý: quản lý dự án, quản lý kỹ thuật, công nghệ, quản lý tài chính, quản lý chất lượng... trong các lĩnh vực xây dựng cơ bản tại các sở, ban ngành, ngân hàng, kho bạc, các công ty – đơn vị (chủ đầu tư, tư vấn, nhà thầu). - Làm công việc kỹ thuật, tư vấn, thiết kế tại các đơn vị: công

		<p>ty tư vấn thiết kế, doanh nghiệp xây dựng, cơ quan kiểm toán.</p> <p>- Giảng dạy các môn học thuộc chuyên ngành quản lý xây dựng tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề.</p> <p>- Nghiên cứu khoa học thuộc các lĩnh vực kỹ thuật, kinh tế, và quản lý trong xây dựng cơ bản ở các viện nghiên cứu, ở các trung tâm và cơ quan nghiên cứu của các Bộ, Ngành, các trường đại học, cao đẳng.</p>
10. Ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông – Khoa Cầu đường		
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	<p>1. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trên phạm vi cả nước.</p> <p>2. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển</p> <p>Trường tổ chức xét tuyển vào đại học, theo ba phương thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> ❖ Phương thức 1 (PT1): Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia đối với các thí sinh dự kỳ thi THPT quốc gia trong cùng năm tuyển sinh. Thí sinh phải có kết quả thi đạt ngưỡng điểm vào đại học theo quy định của Bộ Giáo Dục. ❖ Phương thức 2 (PT2): Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 ghi trong học bạ của học sinh tốt nghiệp THPT. Thí sinh có kết quả học tập lớp 12 đạt: <ul style="list-style-type: none"> - Điểm trung bình chung các môn học trong tổ hợp xét tuyển không nhỏ hơn 6,0. - Hoặc điểm trung bình chung của năm học lớp 12 không nhỏ hơn 6,0. ❖ Phương thức 3 (PT3): Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của các trường đại học trên toàn quốc. <p>Thông tin chi tiết về Đề án Tuyển sinh 2019 xem tại: https://bit.ly/2XTJt37</p>
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>* Kỹ sư ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông được trang bị kiến thức khoa học cơ bản và chuyên môn để thực hiện các công tác về các Công trình giao thông bao gồm: công tác khảo sát, thiết kế, xây dựng và vận hành khai thác, duy tu bảo dưỡng công trình giao thông. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Có khả năng lập các hồ sơ dự án, tiến hành thực hiện các công việc của giai đoạn chuẩn bị, giai đoạn thiết kế, giai đoạn thi công, công tác hoàn thiện các công trình giao thông. + Có khả năng lập tiến độ thi công, tổ chức thi công, giám sát thi công công trình, quản lý dự án xây dựng cũng như vận hành các công trình giao thông. <p>* Trình độ ngoại ngữ, Tin học đạt được:</p>

		<p>- Ngoại ngữ: Tiếng Anh đạt bậc 2 của theo chuẩn VSTEP theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hoặc các trình độ khác tương đương, am hiểu kiến thức tiếng Anh chuyên ngành.</p> <p>- Tin học: đạt chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản do Bộ thông tin và truyền thông ban hành tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/03/2014; sử dụng được các phần mềm vi tính chuyên ngành để phục vụ công tác tính toán thiết kế các công trình giao thông.</p>
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	Hỗ trợ tốt cơ sở vật chất học tập tại trường Hỗ trợ, xây dựng các liên kết với các Doanh nghiệp
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, ban hành kèm theo Quyết định số:684/2017/QĐ-ĐHKT ngày 29 tháng 06 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Sau khi ra trường sinh viên có thể tiếp tục học lên cao học trong và ngoài nước
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	Sau khi tốt nghiệp các kỹ sư kỹ thuật công trình giao thông có thể làm việc tại các công ty tư vấn, thiết kế đầu tư và các cơ quan quản lý, khai thác công trình cầu, đường, các cơ quan khoa học công nghệ và đào tạo trong lĩnh vực xây dựng công trình giao thông. Các công ty trong nước hoặc nước ngoài về tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, nhà thầu thi công ở các lĩnh vực như Giao thông, Xây dựng.
11. Ngành Kỹ thuật cơ sở hạ tầng – Khoa Xây dựng		
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	<p>1. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trên phạm vi cả nước.</p> <p>2. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển</p> <p>Trường tổ chức xét tuyển vào đại học, theo ba phương thức sau:</p> <p>❖ Phương thức 1 (PT1): Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia đối với các thí sinh dự kỳ thi THPT quốc gia trong cùng năm tuyển sinh. Thí sinh phải có kết quả thi đạt ngưỡng điểm vào đại học theo quy định của Bộ Giáo Dục.</p> <p>❖ Phương thức 2 (PT2): Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 ghi trong học bạ của học sinh tốt nghiệp THPT. Thí sinh có kết quả học tập lớp 12 đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm trung bình chung các môn học trong tổ hợp xét tuyển không nhỏ hơn 6,0. - Hoặc điểm trung bình chung của năm học lớp 12 không

		<p>nhỏ hơn 6,0.</p> <p>❖ Phương thức 3 (PT3): Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của các trường đại học trên toàn quốc.</p> <p>Thông tin chi tiết về Đề án Tuyển sinh 2019 xem tại: https://bit.ly/2XTJt37</p>
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>* Kỹ sư ngành Kỹ thuật cơ sở hạ tầng được trang bị kiến thức khoa học cơ bản và chuyên môn để thực hiện các công tác về kỹ thuật hạ tầng đô thị bao gồm: qui hoạch, thiết kế, thi công xây dựng, quản lý và vận hành thuộc các lĩnh vực Điện, Giao thông, Cấp thoát nước và Xử lý môi trường đô thị. Cụ thể:</p> <p>+ Có khả năng lập quy hoạch, lập các dự án đầu tư, tính toán thiết kế các hạng mục của các công trình hạ tầng Đô thị như: mạng điện đô thị, giao thông đô thị, mạng lưới cấp thoát nước, môi trường đô thị.</p> <p>+ Có khả năng lập tiến độ thi công, tổ chức và giám sát thi công công trình, quản lý dự án xây dựng cũng như vận hành các công trình hạ tầng đô thị liên quan đến Điện, Nước, Giao thông, Môi trường.</p> <p>* Trình độ ngoại ngữ, Tin học đạt được:</p> <p>- Ngoại ngữ: Tiếng Anh đạt bậc 2 của theo chuẩn VSTEP theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hoặc các trình độ khác tương đương, am hiểu kiến thức tiếng Anh chuyên ngành.</p> <p>- Tin học: đạt chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản do Bộ thông tin và truyền thông ban hành tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/03/2014; sử dụng được các phần mềm vi tính chuyên ngành để phục vụ công tác tính toán thiết kế, lập dự toán, thẩm tra, quyết toán các công trình kỹ thuật cơ sở hạ tầng.</p>
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	<p>- Hỗ trợ tốt cơ sở vật chất học tập tại trường</p> <p>- Hỗ trợ, xây dựng các liên kết với các Doanh nghiệp</p>
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật cơ sở hạ tầng, ban hành kèm theo Quyết định số:684/2017/QĐ-ĐHKT ngày 29 tháng 06 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Sau khi ra trường sinh viên có thể tiếp tục học lên cao học trong và ngoài nước
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	Sinh viên sau khi ra trường có thể làm việc ở các Bộ, Sở Giao thông -Vận tải; Bộ, Sở Xây dựng; Các Ban Quản lý dự án thuộc Bộ, thuộc UBND tỉnh/UBND huyện; Các Phòng Hạ

		tầng, Phòng Xây dựng - Giao thông, Phòng Tài nguyên môi trường, Thanh tra xây dựng... thuộc UBND các Quận huyện; Các công ty trong nước hoặc nước ngoài về tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, nhà thầu thi công ở các lĩnh vực như Điện, Cấp thoát nước, Giao thông, Môi trường và Xây dựng.
12. Ngành Công nghệ thông tin – Khoa Công nghệ		
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	<p>1. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trên phạm vi cả nước.</p> <p>2. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển</p> <p>Trường tổ chức xét tuyển vào đại học, theo ba phương thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> ❖ Phương thức 1 (PT1): Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia đối với các thí sinh dự kỳ thi THPT quốc gia trong cùng năm tuyển sinh. Thí sinh phải có kết quả thi đạt ngưỡng điểm vào đại học theo quy định của Bộ Giáo Dục. ❖ Phương thức 2 (PT2): Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 ghi trong học bạ của học sinh tốt nghiệp THPT. Thí sinh có kết quả học tập lớp 12 đạt: <ul style="list-style-type: none"> - Điểm trung bình chung các môn học trong tổ hợp xét tuyển không nhỏ hơn 6,0. - Hoặc điểm trung bình chung của năm học lớp 12 không nhỏ hơn 6,0. ❖ Phương thức 3 (PT3): Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của các trường đại học trên toàn quốc. <p>Thông tin chi tiết về Đề án Tuyển sinh 2019 xem tại: https://bit.ly/2XTJt37</p>
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	<ul style="list-style-type: none"> - Có kiến thức nền tảng tốt trong lĩnh vực công nghệ thông tin, kiến thức chuyên ngành đầy đủ để thích ứng cao và làm việc tối ưu với các hệ điều hành và ngôn ngữ lập trình khác nhau. - Có tư duy sáng tạo để luôn tìm tòi, sáng tạo ra những sản phẩm mới. - Có khả năng học tập liên tục để tự trang bị, bổ sung thêm những tri thức mới trong lĩnh vực công nghệ thông tin để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao và sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ thông tin. - Có trình độ tiếng Anh đạt bậc 2 của theo chuẩn VSTEP theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hoặc các trình độ khác tương đương, am hiểu kiến thức tiếng Anh chuyên ngành.
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ sinh viên thực hiện các thủ tục vay vốn học tập, tìm nơi cư trú và quản lý trong thời gian học tập tại trường. - Có các CLB và tổ chức đoàn thể giúp sinh viên rèn luyện các

		kỹ năng mềm, phát triển năng khiếu cá nhân và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp.
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	Chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin, ban hành theo Quyết định số 684/2017/QĐ-ĐHKTĐN ngày 29 tháng 6 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng tự học tập, nghiên cứu khoa học theo đúng chuyên ngành đào tạo. - Có thể học tập lên Thạc sĩ, Tiến sĩ các ngành: Công nghệ thông tin, Khoa học máy tính, Hệ thống thông tin.
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Làm việc trong các công ty sản xuất, gia công phần mềm trong nước, ngoài nước. - Làm việc ở bộ phận công nghệ thông tin hoặc cần ứng dụng công nghệ thông tin của các đơn vị có nhu cầu (hành chính sự nghiệp, ngân hàng, viễn thông, hàng không, xây dựng...) - Làm việc trong các công ty tư vấn đề xuất giải pháp, xây dựng và bảo trì các hệ thống thông tin, hệ thống mạng và truyền thông, hệ thống nhúng. - Giảng dạy các môn học thuộc về lĩnh vực công nghệ thông tin trong các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, các trường nghề và các trường phổ thông - Nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin: công nghệ phần mềm, công nghệ mạng và các hệ thống nhúng ở các viện nghiên cứu, các trung tâm và các cơ quan nghiên cứu.

13. Ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử - Khoa Công nghệ

I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	<p>1. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trên phạm vi cả nước.</p> <p>2. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển</p> <p>Trường tổ chức xét tuyển vào đại học, theo ba phương thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> ❖ Phương thức 1 (PT1): Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia đối với các thí sinh dự kỳ thi THPT quốc gia trong cùng năm tuyển sinh. Thí sinh phải có kết quả thi đạt ngưỡng điểm vào đại học theo quy định của Bộ Giáo Dục. ❖ Phương thức 2 (PT2): Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 ghi trong học bạ của học sinh tốt nghiệp THPT. Thí sinh có kết quả học tập lớp 12 đạt: <ul style="list-style-type: none"> - Điểm trung bình chung các môn học trong tổ hợp xét tuyển không nhỏ hơn 6,0. - Hoặc điểm trung bình chung của năm học lớp 12 không nhỏ hơn 6,0.
---	------------------------------	--

		<p>❖ Phương thức 3 (PT3): Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của các trường đại học trên toàn quốc.</p> <p>Thông tin chi tiết về Đề án Tuyển sinh 2019 xem tại: https://bit.ly/2XTJt37</p>
<p>II</p>	<p>Mục tiêu, kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được</p>	<p>Yêu cầu về kiến thức</p> <p>a) Kiến thức chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng, có tác phong quân sự, có tinh thần sẵn sàng phục vụ trong các lực lượng vũ trang để bảo vệ Tổ quốc. - Có hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin; Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh; có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với chuyên ngành đào tạo. - Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, có khả năng vận dụng chúng vào việc tiếp cận thông tin và kiến thức mới; có khả năng khai thác, nghiên cứu và ứng dụng khoa học cơ bản vào ngành học. <p>b) Kiến thức chuyên môn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực điện, điện tử; nắm vững kỹ thuật và có kiến thức thực tế đáp ứng yêu cầu công việc. - Có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật liên quan đến lĩnh vực điện, điện tử. - Có khả năng sáng tạo trong công việc để khai thác tối ưu các thiết bị điện, điện tử, các hệ thống điều khiển tự động. - Có khả năng nghiên cứu thiết kế, cải tiến nâng cấp, chế tạo các hệ thống, dây chuyền tự động phục vụ các yêu cầu khác nhau để chuyển giao công nghệ cho các đơn vị cần sử dụng. - Có khả năng vận hành, bảo trì, sửa chữa các hệ thống điện, điện tử, các thiết bị điện, điện tử dân dụng và công nghiệp. - Có khả năng sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên ngành. - Có khả năng cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công việc. <p>Yêu cầu về kỹ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng tiếp cận công nghệ và kỹ năng sử dụng hiệu quả các thiết bị, dây chuyền công nghệ trong lĩnh vực điện, điện tử. - Có thể giải quyết các vấn đề chuyên môn điện, điện tử ở những vị trí công tác trong các lĩnh vực sản xuất công nghiệp, dân dụng, sử dụng năng lượng điện hiệu quả.

		<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng phân tích, tổng hợp, đánh giá và đưa ra giải pháp giải quyết những vấn đề kỹ thuật liên quan, lân cận. - Có khả năng làm việc độc lập; có khả năng tổ chức, lãnh đạo và kỹ năng làm việc nhóm đa ngành hiệu quả. - Tiếng Anh đạt 400 điểm trở lên theo chuẩn TOEIC (tương đương B1 theo chuẩn ngoại ngữ châu Âu). Có khả năng sử dụng được tài liệu tiếng Anh chuyên ngành phục vụ cho ngành học. - Đạt trình độ B Tin học ứng dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. <p>Yêu cầu về thái độ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức trách nhiệm công dân, có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; có ý thức kỷ luật, tác phong làm việc công nghiệp, tinh thần làm việc nhóm; khả năng tự nghiên cứu, tư duy sáng tạo và làm việc độc lập. - Có phương pháp làm việc khoa học, biết phân tích và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử. - Tham gia có hiệu quả trong việc chuyển giao công nghệ, tổ chức sản xuất, nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật.
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ sinh viên thực hiện các thủ tục vay vốn học tập, tìm nơi cư trú và quản lý trong thời gian học tập tại trường. - Có các CLB và tổ chức đoàn thể giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng mềm, phát triển năng khiếu cá nhân và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp.
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	Chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử, ban hành theo Quyết định số 684/2017/QĐ-ĐHKTĐN ngày 29 tháng 6 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng.
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu triển khai các ứng dụng của ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử trong thực tế. - Tích cực tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng tiếp tục học tập ở bậc học cao hơn.
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ quản lý, kỹ thuật viên ở các xí nghiệp có lĩnh vực điện, điện tử. - Cán bộ tư vấn, giám sát, lập dự án, thiết kế điện, điện tử trong các công ty tư vấn. - Kỹ sư lắp đặt, chuyển giao công nghệ, quản lý vận hành, sửa chữa, bảo trì, cải tiến các hệ thống điện, điện tử trong các xí nghiệp công nghiệp và dân dụng.

		<p>- Giảng dạy các môn học của ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử ở các trường Đại học, Cao đẳng và Trung cấp chuyên nghiệp.</p> <p>- Các cơ quan quản lý nhà nước về ngành điện, điện tử như: Sở Công thương, Sở Khoa học Công nghệ, v.v...</p>
14. Ngành ngôn ngữ Anh – Khoa Ngoại ngữ		
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	<p>1. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trên phạm vi cả nước.</p> <p>2. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển</p> <p>Trường tổ chức xét tuyển vào đại học, theo ba phương thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> ❖ Phương thức 1 (PT1): Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia đối với các thí sinh dự kỳ thi THPT quốc gia trong cùng năm tuyển sinh. Thí sinh phải có kết quả thi đạt ngưỡng điểm vào đại học theo quy định của Bộ Giáo Dục. ❖ Phương thức 2 (PT2): Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 ghi trong học bạ của học sinh tốt nghiệp THPT. Thí sinh có kết quả học tập lớp 12 đạt: <ul style="list-style-type: none"> - Điểm trung bình chung các môn học trong tổ hợp xét tuyển không nhỏ hơn 6,0. - Hoặc điểm trung bình chung của năm học lớp 12 không nhỏ hơn 6,0. ❖ Phương thức 3 (PT3): Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của các trường đại học trên toàn quốc. <p>Thông tin chi tiết về Đề án Tuyển sinh 2019 xem tại: https://bit.ly/2XTJt37</p>
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>Đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh:</p> <p>a) Chuyên ngành Tiếng Anh biên-phiên dịch: có phẩm chất chính trị, đạo đức, có sức khỏe tốt; có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học công nghệ phục vụ cho việc học tập chuyên môn; có kiến thức nền tảng về các khía cạnh ngôn ngữ Anh, văn hóa, văn học Anh-Mỹ phù hợp với chuyên môn đào tạo; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về chuyên ngành Tiếng Anh biên-phiên dịch đáp ứng với nhu cầu của xã hội; có khả sử dụng tương đối thành thạo tiếng anh trong giao tiếp hàng ngày, chuyên môn và một số lĩnh vực khác có sử dụng tiếng anh; có tinh thần trách nhiệm, làm việc nhóm, chủ động trong học tập và nghiên cứu, có tinh thần tự học, học suốt đời để luôn nâng cao chuyên môn và đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.</p> <p>b) Chuyên ngành Tiếng anh Du lịch: có phẩm chất chính trị, đạo đức, có sức khỏe tốt; có kiến thức cơ bản về khoa học xã</p>

		<p>hội và nhân văn, khoa học công nghệ phục vụ cho việc học tập chuyên môn; có kiến thức nền tảng về các khía cạnh ngôn ngữ Anh, văn hóa, văn học Anh-Mỹ phù hợp với chuyên môn đào tạo; có kiến thức, kỹ năng và nghiệp vụ chuyên sâu về chuyên ngành tiếng anh du lịch đáp ứng với nhu cầu của xã hội; có khả năng sử dụng tương đối thành thạo tiếng Anh trong giao tiếp hàng ngày, chuyên môn và một số lĩnh vực khác có sử dụng tiếng Anh; có tinh thần trách nhiệm, làm việc nhóm, chủ động trong học tập và nghiên cứu, có tinh thần tự học, học suốt đời để luôn nâng cao chuyên môn và đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.</p> <p>+ Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh: IELTS 6.5; Ngoại ngữ 2 (Tiếng Trung): Tiếng Trung Quốc đạt trình độ A2</p> <p>+ Tin học: đạt chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản do Bộ thông tin và truyền thông ban hành tại thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/03/2014.</p>
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	<p>Hỗ trợ tốt cơ sở vật chất học tập tại trường</p> <p>Hỗ trợ, xây dựng các liên kết với các Doanh nghiệp</p>
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	<p>Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh, ban hành kèm theo Quyết định số: 684/2017/QĐ-ĐHKT ngày 29 tháng 06 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng</p>
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<p>Sau khi ra trường sinh viên có thể tiếp tục học lên cao học trong và ngoài nước</p>
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	<p>- Sinh viên tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh, Chuyên ngành biên-phiên dịch, có thể đảm nhận các vị trí công việc sau: Cán bộ biên- phiên dịch của các sở Ngoại vụ; Biên-phiên dịch viên ở các cơ quan và doanh nghiệp có nhu cầu biên-phiên dịch; Biên- phiên dịch viên ở các dự án phi chính phủ; Cộng tác viên ở các cơ quan báo chí và đài truyền hình; Biên- phiên dịch viên tự do; Giảng dạy Tiếng Anh nếu có thêm chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm và công việc khác có sử dụng tiếng Anh.</p> <p>- Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Tiếng Anh Du lịch, có thể đảm nhận các vị trí sau: Hướng dẫn viên du lịch bằng tiếng Anh, nhân viên lễ tân, nhân viên văn phòng ở các khách sạn lớn hoặc khu nghỉ mát, nhân viên tổ chức và điều hành tour du lịch, trợ lý cho các trưởng bộ phận hay giám đốc ở các khách sạn, nhân viên sở ngoại vụ, và các công việc cần tiếng Anh. Ngoài ra, có thể làm biên phiên dịch và giảng dạy tiếng Anh (nếu có chứng chỉ</p>

		ng nghiệp vụ giảng dạy).
15. Ngành Ngôn ngữ Trung Quốc – Khoa Ngoại ngữ		
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	<p>1. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trên phạm vi cả nước.</p> <p>2. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển</p> <p>Trường tổ chức xét tuyển vào đại học, theo ba phương thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> ❖ Phương thức 1 (PT1): Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia đối với các thí sinh dự kỳ thi THPT quốc gia trong cùng năm tuyển sinh. Thí sinh phải có kết quả thi đạt ngưỡng điểm vào đại học theo quy định của Bộ Giáo Dục. ❖ Phương thức 2 (PT2): Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 ghi trong học bạ của học sinh tốt nghiệp THPT. Thí sinh có kết quả học tập lớp 12 đạt: <ul style="list-style-type: none"> - Điểm trung bình chung các môn học trong tổ hợp xét tuyển không nhỏ hơn 6,0. - Hoặc điểm trung bình chung của năm học lớp 12 không nhỏ hơn 6,0. ❖ Phương thức 3 (PT3): Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của các trường đại học trên toàn quốc. <p>Thông tin chi tiết về Đề án Tuyển sinh 2019 xem tại: https://bit.ly/2XTJt37</p>
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>Cử nhân ngành Tiếng Trung biên-phiên dịch được trang bị kiến thức khoa học cơ bản và chuyên môn, có kỹ năng giao tiếp tiếng Trung thành thạo và hiệu quả, có khả năng đạt điểm tương đương bậc 4 HSK theo thang quy chiếu chuẩn quốc tế (tương đương thang năng lực Ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam); nắm vững và thực hiện hiệu quả các kỹ năng biên dịch Trung – Việt, Việt – Trung đối với các thể loại văn bản khác nhau, có kiến thức khái quát về tiếng Trung chuyên ngành du lịch, thương mại, kinh tế và kỹ thuật, có thể thể hiện hiệu quả các kỹ năng dịch đuổi, dịch hội nghị Trung – Việt, Việt – Trung; làm phiên dịch theo nhóm; nói trước công chúng thành thạo.</p> <p>*Khả năng sử dụng ngoại ngữ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tiếng Trung: có khả năng đạt điểm tương đương trình độ HSK cấp 4 (tương đương thang năng lực Ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam). + Ngoại ngữ 2 (Tiếng Anh): Tiếng Anh đạt chuẩn Bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (VSTEP) theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

		+ Tin học: đạt chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản do Bộ thông tin và truyền thông ban hành tại thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/03/2014; sử dụng thành thạo các phần mềm ứng dụng văn phòng và kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin phục vụ cho công việc thực tế; có khả năng ứng dụng phần mềm SPSS trong nghiên cứu và khảo sát.
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	Hỗ trợ tốt cơ sở vật chất học tập tại trường Hỗ trợ, xây dựng các liên kết với các Doanh nghiệp
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, ban hành kèm theo Quyết định số: 684/2017/QĐ-ĐHKT ngày 29 tháng 06 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Sau khi ra trường sinh viên có thể tiếp tục học lên cao học trong và ngoài nước
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	Sau khi tốt nghiệp ra trường, các Cử nhân ngành Ngôn ngữ Trung Quốc có thể làm việc tại các cơ quan nhà nước, các tổ chức trong và ngoài nước liên quan đến việc sử dụng tiếng Trung; tại các cơ quan ngôn ngữ - văn hóa trong và ngoài nước; tại các tập đoàn, công ty, doanh nghiệp có liên quan đến công việc giao dịch quốc tế, đối ngoại, biên dịch hay phiên dịch tại các cơ quan, doanh nghiệp thuộc lĩnh vực du lịch và một số lĩnh vực dịch vụ - kinh tế khác.

16. Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành – Khoa Du lịch

I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	<p>1. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trên phạm vi cả nước.</p> <p>2. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển</p> <p>Trường tổ chức xét tuyển vào đại học, theo ba phương thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> ❖ Phương thức 1 (PT1): Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia đối với các thí sinh dự kỳ thi THPT quốc gia trong cùng năm tuyển sinh. Thí sinh phải có kết quả thi đạt ngưỡng điểm vào đại học theo quy định của Bộ Giáo Dục. ❖ Phương thức 2 (PT2): Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 ghi trong học bạ của học sinh tốt nghiệp THPT. Thí sinh có kết quả học tập lớp 12 đạt: <ul style="list-style-type: none"> - Điểm trung bình chung các môn học trong tổ hợp xét tuyển không nhỏ hơn 6,0. - Hoặc điểm trung bình chung của năm học lớp 12 không nhỏ hơn 6,0. ❖ Phương thức 3 (PT3): Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi
---	------------------------------	---

		<p>đánh giá năng lực của các trường đại học trên toàn quốc. Thông tin chi tiết về Đề án Tuyển sinh 2019 xem tại: https://bit.ly/2XTJt37</p>
<p>II</p>	<p>Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được</p>	<p>Về kiến thức:</p> <p>MT1: Hiểu được những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng Đảng cộng sản Việt Nam; từ đó hình thành nên thế giới quan, nhân sinh quan trong học tập, nghiên cứu và giải quyết vấn đề thực tiễn;</p> <p>MT2: Biết được kiến thức chung về chính trị - pháp luật nói chung và pháp luật liên quan đến Du lịch; kiến thức cơ bản về kinh tế, văn hóa - xã hội, quản trị kinh doanh và nghiên cứu khoa học; và kiến thức tổng quát về du lịch, tâm lý khách du lịch và tuyến điểm du lịch của Việt Nam.</p> <p>MT3: Vận dụng được các kiến thức về Marketing, nhân sự, quản trị chất lượng... vào hoạt động cung ứng dịch vụ và hoạt động quản trị một doanh nghiệp trong các doanh nghiệp du lịch.</p> <p>MT4: Vận dụng được các kiến thức đã học vào việc khởi sự doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp du lịch, đồng thời biết cách hoạch định chiến thuật và chiến lược cho sự phát triển của doanh nghiệp trong tương lai.</p> <p>Về kỹ năng</p> <p>MT5: Biết được cách rèn luyện sức khỏe và sẵn sàng phục vụ Tổ quốc khi cần.</p> <p>MT6: Hiểu và vận dụng được cách thiết kế và tổ chức bán chương trình du lịch trong nước và quốc tế; biết được cách tổ chức và điều hành tour du lịch trọn gói và tour có dịch vụ từng phần.</p> <p>MT7: Vận dụng được các kiến thức đã học để phát triển kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng thuyết trình các vấn đề chuyên môn.</p> <p>MT8: Vận dụng được các nghiệp vụ đã học như nghiệp vụ lưu trú, nghiệp vụ nhà hàng, nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, nghiệp vụ lễ hành và nghiệp vụ bar... vào thực tế công việc trong lĩnh vực du lịch và lễ hành.</p> <p>MT9: Thực hiện được các hoạt động Marketing, nhân sự, cung ứng dịch vụ và tổ chức sự kiện; và biết cách đánh giá năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp du lịch; nhận diện các cơ hội, nguy cơ, điểm mạnh, điểm yếu của doanh nghiệp; phân tích thông tin đánh giá chất lượng dịch vụ; từ đó đề xuất cho các doanh nghiệp du lịch giải pháp nâng cao chất lượng</p>

		<p>dịch vụ, hoạch định chiến lược và chính sách kinh doanh của doanh nghiệp du lịch và lữ hành.</p> <p>Về thái độ</p> <p>MT10: Có lòng yêu thích công việc phục vụ và giao tiếp với khách hàng, và sẵn sàng chấp nhận khó khăn, phức tạp của việc phục vụ khách.</p> <p>MT11: Có tinh thần khởi nghiệp và tạo lập doanh nghiệp du lịch, đặc biệt là doanh nghiệp lữ hành quốc tế, lữ hành nội địa và doanh nghiệp vận chuyển du lịch,</p> <p>MT12: Có thái độ tuân thủ nghiêm ngặt nội quy và văn hóa của doanh nghiệp cũng như quy định của pháp luật, chính sách của Đảng và nhà nước.</p> <p>MT13: Có thái độ cầu tiến và cầu thị, luôn cập nhật và đổi mới kiến thức và làm việc với sự chuyên nghiệp cao; có lập trường tư tưởng kiên định, vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, lễ độ, khiêm tốn, kiên trì, chăm chỉ, nhiệt tình, đam mê, sáng tạo; và có trách nhiệm với cộng đồng, xã hội và môi trường.</p> <p>Về trình độ ngoại ngữ:</p> <p>Tiếng Anh đạt chuẩn Bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (VSTEP) theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; có thể giao tiếp kinh doanh bằng tiếng Anh.</p> <p>Về trình độ tin học:</p> <p>Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản do Bộ thông tin và truyền thông ban hành tại thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/03/2014; sử dụng thành thạo các phần mềm ứng dụng liên quan đến chuyên ngành quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; sử dụng thành thạo công cụ máy tính và các thiết bị ngoại vi trong công việc.</p>
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	<p>Có các cơ sở thực hành tại trường</p> <p>Có liên kết với các cơ sở thực hành tại Doanh nghiệp (Đã và sẽ ký kết Hợp đồng hợp tác đào tạo và sử dụng nhân lực với ĐH Kiến trúc Đà Nẵng)</p>
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	<p>Chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (Ban hành kèm theo Quyết định số: 17/2018 /QĐ-ĐHKTDN ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng)</p>
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<p>Có thể đăng ký học Cao học tại các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước.</p> <p>Có thể đăng ký học nâng cao các nghiệp vụ liên quan đến du lịch tại các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước.</p>
VI	Vị trí làm sau khi tốt	<p>Ngành Du lịch là ngành kinh tế đầy tiềm năng, 100% sinh</p>

	nghiệp	<p>viên ra trường đều có việc làm tại Đà Nẵng cũng như các tỉnh lân cận (Quảng Nam, Thừa thiên Huế) và các Thành phố lớn. Sinh viên Ngành Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại các đơn vị như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Các Khách sạn, Nhà hàng; + Các Resort (Khu nghỉ mát); + Các Khu du lịch; + Các tàu du lịch + Các cơ quan Quản lý Nhà nước về du lịch; + Các nhà khách của các cơ quan Nhà nước; + Các công ty kinh doanh du lịch, công ty lữ hành, đại lý lữ hành; + Giảng dạy ở các trường Đại học, Cao đẳng,...
Ngành		Trình độ đào tạo: ĐH Liên thông CQ
1. Ngành Kỹ thuật xây dựng		
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	Theo quy định của BGDĐT hiện hành. Quy chế tuyển sinh của trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>- Kiến thức lý luận chính trị Hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin; Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh.</p> <p>- Kiến thức chuyên môn Có kiến thức cơ bản về khoa học cơ bản, có trình độ ngoại ngữ để giao tiếp và phục vụ nhu cầu tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập ở trình độ cao hơn. Có kiến thức cơ bản về khoa học cơ sở cho ngành xây dựng gồm: Trắc địa công trình, Địa chất công trình, Nền móng công trình, Cơ học đất, Cơ học kết cấu, Kết cấu bê tông cốt thép, Kết cấu thép; hiểu biết rõ tính chất và sự làm việc của các vật liệu xây dựng như bê tông, thép, vật liệu đất, cát, đá... Nắm vững kiến thức về chuyên ngành xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp như Kết cấu nhà Bê tông cốt thép, Kết cấu Bê tông cốt thép đặc biệt, Chuyên đề kết cấu bê tông, Kết cấu nhà thép, Kỹ thuật thi công, Kỹ thuật thi công lắp ghép, Tổ chức thi công, Công nghệ thi công hiện đại.</p> <p>- Năng lực nghề nghiệp Có khả năng lập các dự án đầu tư, thiết kế, thi công, tổ chức và quản lý các công trình xây dựng; có khả năng tiếp cận khoa học công nghệ mới thuộc lĩnh vực xây dựng dân dụng và công nghiệp để áp dụng vào thực tiễn; có khả năng phân tích kết cấu; có định hướng tư duy sáng tạo để có thể đề xuất các loại</p>

		<p>kết cấu mới, các kết cấu tối ưu.</p> <p>* Trình độ ngoại ngữ, Tin học đạt được:</p> <p>- Ngoại ngữ: Tiếng Anh đạt bậc 2 của theo chuẩn VSTEP theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hoặc các trình độ khác tương đương, am hiểu kiến thức tiếng Anh chuyên ngành.</p> <p>- Tin học: đạt chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản do Bộ thông tin và truyền thông ban hành tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/03/2014; sử dụng được các phần mềm vi tính chuyên ngành để phục vụ công tác tính toán thiết kế các công trình giao thông.</p>
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	Hỗ trợ tốt cơ sở vật chất học tập tại trường Hỗ trợ, xây dựng các liên kết với các Doanh nghiệp
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng, ban hành kèm theo Quyết định số:684a/2017/QĐ-ĐHKT ngày 29 tháng 06 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Sau khi ra trường sinh viên có thể tiếp tục học lên cao học trong và ngoài nước
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	Sau khi tốt nghiệp các kỹ sư Kỹ thuật Xây dựng có thể làm việc tại các công ty tư vấn thiết kế - đầu tư trong lĩnh vực xây dựng, các công ty thi công xây dựng công trình, các công ty quản lý dự án, các công ty tư vấn giám sát, các cơ quan kiểm định chất lượng xây dựng, các cơ quan nghiên cứu khoa học công nghệ xây dựng, các cơ quan quản lý các cấp và các trường đào tạo trong lĩnh vực xây dựng .

Biểu mẫu 18

Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế năm học 2018 -2019

A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại (đến ngày 11/5/2019)

STT	Khối ngành	Quy mô sinh viên hiện tại							
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học		Cao đẳng sư phạm		Trung cấp sư phạm	
				Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học
	Tổng số								
1	Khối ngành I								
2	Khối ngành II			286		x	x	x	x
3	Khối ngành III			700		x	x	x	x
4	Khối ngành IV					x	x	x	x
5	Khối ngành V			2615		x	x	x	x
6	Khối ngành VI					x	x	x	x
7	Khối ngành VII			1256		x	x	x	x

B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)			Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	
	Tổng số					
1	Khối ngành I					
2	Khối ngành II	34	0	6	26	97,06%
3	Khối ngành III	156	2	13	26	91,67%
4	Khối ngành IV					
5	Khối ngành V	729	2	22	327	93,00%
6	Khối ngành VI					
7	Khối ngành VII	29	0	6	22	93,10%

(*) Tỷ lệ SVTN có việc làm tính theo công thức: ((SL SVTN có việc làm + SL SVTN đang học nâng cao)/tổng số SVTN được khảo sát)* 100

C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngành/chuyên ngành	Khối kiến thức	Mục đích môn học	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Nhập môn ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	INT118	1	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Đại cương			
2	Kỹ thuật điện tử	ELE101	2	Công nghệ thông tin	Đại cương			
3	Ngôn ngữ lập trình C	CPL101	4	Công nghệ thông tin	Đại cương			
4	Nhập môn lập trình	ITP101	4	Công nghệ thông tin	Đại cương			
5	Phương pháp nghiên cứu khoa học khối kỹ thuật	RSM102	2	Công nghệ thông tin	Đại cương			
6	Tương tác người- máy	HCI301	3	Công nghệ thông tin	Đại cương			
7	Tiếng Anh chuyên ngành	EEE201	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Đại cương			
8	Mỹ học đại cương	GAS103	2	Thiết kế đồ họa	Đại cương			
9	Lịch sử văn minh thế giới	HWC102	2	Thiết kế đồ họa Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Đại cương			
10	Nhập môn ngành Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	INT117	2	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Đại cương			
11	Toán ứng dụng trong kinh tế	AMB109	3	Kế toán Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh	Đại cương			

12	Phương pháp nghiên cứu khoa học khối kinh tế	RSM101	2	Kế toán Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Đại cương			
13	Phương pháp nghiên cứu khoa học khối năng khiếu	RSM103	2	Kiến trúc Thiết kế đồ họa Thiết kế nội thất	Đại cương			
14	Kỹ năng mềm	SSK101	2	Kiến trúc Thiết kế đồ họa Thiết kế nội thất Công nghệ thông tin Kế toán Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh Ngôn ngữ Trung quốc	Đại cương			
15	Cơ sở văn hóa Việt Nam	BVC106	2	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị Thiết kế đồ họa Thiết kế nội thất Ngôn ngữ Anh Quản trị kinh doanh du lịch Ngôn ngữ Trung quốc Tiếng Anh du lịch	Đại cương			
16	Nhập môn ngành Quản lý xây dựng	ICM101	2	Quản lý xây dựng	Đại cương			

17	Phương pháp định lượng trong kinh tế	QME101	3	Quản trị kinh doanh	Đại cương			
18	Kỹ năng mềm	SSK104	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Đại cương			
19	Ngoại ngữ 2 - Học phần 1	SFL101	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Đại cương			
20	Ngoại ngữ 2 - học phần 2	CFL108	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Đại cương			
21	Ngoại ngữ 2 - học phần 3	CFL109	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Đại cương			
22	Môi trường và con người	EAP114	2	Ngôn ngữ Anh Ngôn ngữ Trung quốc Tiếng Anh du lịch	Đại cương			
23	Phương pháp nghiên cứu khoa học ngành Ngoại ngữ	RSM104	2	Ngôn ngữ Anh Ngôn ngữ Trung quốc Tiếng Anh du lịch	Đại cương			

24	Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	RCV101	3 <ul style="list-style-type: none"> Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị Thiết kế đồ họa Thiết kế nội thất Kỹ thuật xây dựng Quản lý xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Công nghệ thông tin Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử Kế toán Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành Ngôn ngữ Anh Tiếng anh du lịch Ngôn ngữ Trung quốc 	Đại cương			
----	--	--------	---	-----------	--	--	--

25	Giáo dục quốc phòng 1	EDS101	3	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị Thiết kế đồ họa Thiết kế nội thất Kỹ thuật xây dựng Quản lý xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Công nghệ thông tin Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử Kế toán Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành Ngôn ngữ Anh Tiếng anh du lịch Ngôn ngữ Trung quốc	Đại cương			
26	Giáo dục quốc phòng 2	EDS102	2	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị Thiết kế đồ họa Thiết kế nội thất Kỹ thuật xây dựng Quản lý xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao	Đại cương			

			<p>thông</p> <p>Kỹ thuật cơ sở hạ tầng</p> <p>Công nghệ thông tin</p> <p>Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử</p> <p>Kế toán</p> <p>Tài chính - Ngân hàng</p> <p>Quản trị kinh doanh</p> <p>Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành</p> <p>Ngôn ngữ Anh</p> <p>Tiếng anh du lịch</p> <p>Ngôn ngữ Trung quốc</p>				
27	Giáo dục quốc phòng 3	EDS103	3 <p>Kiến trúc</p> <p>Quy hoạch vùng và Đô thị</p> <p>Thiết kế đồ họa</p> <p>Thiết kế nội thất</p> <p>Kỹ thuật xây dựng</p> <p>Quản lý xây dựng</p> <p>Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông</p> <p>Kỹ thuật cơ sở hạ tầng</p> <p>Công nghệ thông tin</p> <p>Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử</p> <p>Kế toán</p> <p>Tài chính - Ngân hàng</p> <p>Quản trị kinh doanh</p>	Đại cương			

				Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành Ngôn ngữ Anh Tiếng anh du lịch Ngôn ngữ Trung quốc				
28	Giáo dục thể chất 1	PHE101	1	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị Thiết kế đồ họa Thiết kế nội thất Kỹ thuật xây dựng Quản lý xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Công nghệ thông tin Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử Kế toán	Đại cương			

				Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành Ngôn ngữ Anh Tiếng anh du lịch Ngôn ngữ Trung quốc				
29	Giáo dục thể chất 2	PHE102	1	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị Thiết kế đồ họa Thiết kế nội thất Kỹ thuật xây dựng Quản lý xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Công nghệ thông tin Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử Kế toán Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành Ngôn ngữ Anh Tiếng anh du lịch Ngôn ngữ Trung quốc	Đại cương			

30	Giáo dục thể chất 3	PHE103	1	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị Thiết kế đồ họa Thiết kế nội thất Kỹ thuật xây dựng Quản lý xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Công nghệ thông tin Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử Kế toán Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành Ngôn ngữ Anh Tiếng anh du lịch Ngôn ngữ Trung quốc	Đại cương			
31	Giáo dục thể chất 4	PHE104	1	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị Thiết kế đồ họa Thiết kế nội thất Kỹ thuật xây dựng Quản lý xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao	Đại cương			

			<p>thông</p> <p>Kỹ thuật cơ sở hạ tầng</p> <p>Công nghệ thông tin</p> <p>Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử</p> <p>Kế toán</p> <p>Tài chính - Ngân hàng</p> <p>Quản trị kinh doanh</p> <p>Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành</p> <p>Ngôn ngữ Anh</p> <p>Tiếng anh du lịch</p> <p>Ngôn ngữ Trung quốc</p>				
32	Giáo dục thể chất 5	PHE105	<p>1</p> <p>Kiến trúc</p> <p>Quy hoạch vùng và Đô thị</p> <p>Thiết kế đồ họa</p> <p>Thiết kế nội thất</p> <p>Kỹ thuật xây dựng</p> <p>Quản lý xây dựng</p> <p>Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông</p> <p>Kỹ thuật cơ sở hạ tầng</p> <p>Công nghệ thông tin</p> <p>Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử</p> <p>Kế toán</p> <p>Tài chính - Ngân hàng</p> <p>Quản trị kinh doanh</p>	Đại cương			

				Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành Ngôn ngữ Anh Tiếng anh du lịch Ngôn ngữ Trung quốc				
33	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	PML101	3	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị Thiết kế đồ họa Thiết kế nội thất Kỹ thuật xây dựng Quản lý xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Công nghệ thông tin Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử Kế toán Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành	Đại cương			

				Ngôn ngữ Anh Tiếng anh du lịch Ngôn ngữ Trung quốc				
34	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	PML102	2	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị Thiết kế đồ họa Thiết kế nội thất Kỹ thuật xây dựng Quản lý xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Công nghệ thông tin Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử Kế toán Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành Ngôn ngữ Anh Tiếng anh du lịch Ngôn ngữ Trung quốc	Đại cương			

35	Pháp luật đại cương	LAW101	2	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị Thiết kế đồ họa Thiết kế nội thất Kỹ thuật xây dựng Quản lý xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Công nghệ thông tin Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử Kế toán Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành Ngôn ngữ Anh Tiếng anh du lịch Ngôn ngữ Trung quốc	Đại cương		
36	Tiếng anh cơ bản 1	GNE101	3	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị Thiết kế đồ họa Thiết kế nội thất Kỹ thuật xây dựng Quản lý xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao	Đại cương		

			<p>thông</p> <p>Kỹ thuật cơ sở hạ tầng</p> <p>Công nghệ thông tin</p> <p>Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử</p> <p>Kế toán</p> <p>Tài chính - Ngân hàng</p> <p>Quản trị kinh doanh</p> <p>Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành</p> <p>Ngôn ngữ Anh</p> <p>Tiếng anh du lịch</p> <p>Ngôn ngữ Trung quốc</p>				
37	Tiếng anh cơ bản 2	GNE102	<p>3</p> <p>Kiến trúc</p> <p>Quy hoạch vùng và Đô thị</p> <p>Thiết kế đồ họa</p> <p>Thiết kế nội thất</p> <p>Kỹ thuật xây dựng</p> <p>Quản lý xây dựng</p> <p>Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông</p> <p>Kỹ thuật cơ sở hạ tầng</p> <p>Công nghệ thông tin</p> <p>Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử</p> <p>Kế toán</p> <p>Tài chính - Ngân hàng</p> <p>Quản trị kinh doanh</p>	Đại cương			

				Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành Ngôn ngữ Anh Tiếng anh du lịch Ngôn ngữ Trung quốc				
38	Tiếng anh cơ bản 3	GNE103	2	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị Thiết kế đồ họa Thiết kế nội thất Kỹ thuật xây dựng Quản lý xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Công nghệ thông tin Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử Kế toán Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành Ngôn ngữ Anh Tiếng anh du lịch	Đại cương			

				Ngôn ngữ Trung quốc				
39	Tin học đại cương	INF101	3	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị Thiết kế đồ họa Thiết kế nội thất Kỹ thuật xây dựng Quản lý xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Công nghệ thông tin Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử Kế toán Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh	Đại cương			

				Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành Ngôn ngữ Anh Tiếng anh du lịch Ngôn ngữ Trung quốc				
40	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCM101	2	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị Thiết kế đồ họa Thiết kế nội thất Kỹ thuật xây dựng Quản lý xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Công nghệ thông tin Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử Kế toán Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành Ngôn ngữ Anh Tiếng anh du lịch Ngôn ngữ Trung quốc	Đại cương			
41	Ngoại ngữ 2 học phần 1	CFL101	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Đại cương			
42	Ngoại ngữ 2 học phần 2	CFL102	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Đại cương			
43	Ngoại ngữ 2 học phần 3	CFL103	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Đại cương			

44	Ngôn ngữ học đối chiếu	CAN108	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Đại cương			
45	Hóa học đại cương	CMT101	2	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Quản lý xây dựng	Đại cương			
46	Xác suất thống kê B	PMS102	2	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Quản lý xây dựng	Đại cương			
47	Vật lý	PHY101	3	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Quản lý xây dựng Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Đại cương			
48	Giải tích 1	CAL101	3	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Quản lý xây dựng Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử Công nghệ thông tin	Đại cương			

49	Giải tích 2	CAL102	2	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Quản lý xây dựng Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử Công nghệ thông tin	Đại cương			
50	Đại số	AGR101	2	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Quản lý xây dựng Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử Công nghệ thông tin	Đại cương			
51	Adobe Illustrator	AIT205	3	Thiết kế đồ họa	Cơ sở ngành			
52	Adobe Photoshop	APS206	3	Thiết kế đồ họa Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			
53	Âm học và Quang học kiến trúc	AAL204	2	Kiến trúc	Cơ sở ngành			
54	Âm thanh ánh sáng	SAL213	2	Thiết kế nội thất	Cơ sở ngành			
55	An toàn điện	ESA201	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			
56	Architectural Programming	APR208	2	Kiến trúc	Cơ sở ngành			
57	Autocad	AUC201	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			
58	Bố cục tạo hình	GMD207	2	Thiết kế nội thất	Cơ sở ngành			
59	Bố cục tạo hình	VIC202	2	Thiết kế đồ họa	Cơ sở ngành			

60	Bố cục tạo hình 2	GMD208	2	Thiết kế nội thất	Cơ sở ngành			
61	Bố cục tạo hình 3	GMD209	2	Thiết kế nội thất	Cơ sở ngành			
62	Bố cục tạo hình Kiến trúc	GMD210	2	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị	Cơ sở ngành			
63	Cấp thoát nước	WSU206	2	Kiến trúc Kỹ thuật xây dựng Quản lý xây dựng	Cơ sở ngành			
64	Cấu tạo kiến trúc	ARD203	3	Quy hoạch vùng và Đô thị	Cơ sở ngành			
65	Cấu tạo kiến trúc 1	ARD201	2	Kiến trúc	Cơ sở ngành			
66	Cấu tạo kiến trúc 2	ARD202	2	Kiến trúc	Cơ sở ngành			
67	Cấu trúc dữ liệu	DTS201	3	Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			
68	Chương trình dịch	CPL201	3	Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			
69	Cơ học cơ sở 1	MEC203	3	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Quản lý xây dựng	Cơ sở ngành			
70	Cơ học cơ sở 2	MEC204	2	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Cơ sở ngành			
71	Cơ học công trình	CME220	3	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị	Cơ sở ngành			
72	Cơ học đất	SOM212	3	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Cơ sở ngành			

73	Cơ học đất và nền móng	SMF221	3	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Quản lý xây dựng	Cơ sở ngành			
74	Cơ học kết cấu 1	SME207	3	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Quản lý xây dựng	Cơ sở ngành			
75	Cơ học kết cấu 2	SME208	3	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Cơ sở ngành			
76	Cơ sở dữ liệu	DBS201	3	Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			
77	Cơ sở kiến trúc 1	AGP205	2	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị	Cơ sở ngành			
78	Cơ sở kiến trúc 2	AGP206	2	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị	Cơ sở ngành			
79	Cơ sở kiến trúc 3	AGP207	2	Kiến trúc	Cơ sở ngành			
80	Cơ sở kiến trúc nội thất 1	BIA204	2	Thiết kế nội thất	Cơ sở ngành			
81	Cơ sở kiến trúc nội thất 2	BIA205	2	Thiết kế nội thất	Cơ sở ngành			
82	Cơ sở kiến trúc nội thất 3	BIA206	2	Thiết kế nội thất	Cơ sở ngành			
83	Cơ sở Quy hoạch	PGP208	2	Quy hoạch vùng và Đô thị	Cơ sở ngành			
84	Cơ sở tạo hình 1	FOB221	2	Thiết kế nội thất	Cơ sở ngành			
85	Cơ sở tạo hình 2	FOB222	2	Thiết kế nội thất	Cơ sở ngành			
86	Cơ sở văn hóa Việt Nam	FVC213	3	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Cơ sở ngành			
87	Cơ ứng dụng	AME201	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			
88	Công nghệ phần mềm	SWE201	3	Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			

89	Công nghệ WEB	WEB202	3	Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			
90	Công thái học - Ergonomics	ERG215	2	Thiết kế nội thất	Cơ sở ngành			
91	Cú pháp học - hình thái học	SYN221	3	Ngôn ngữ Anh	Cơ sở ngành			
92	Cú pháp tiếng Trung	CSY248	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			
93	Địa chất công trình	GEO211	2	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Quản lý xây dựng	Cơ sở ngành			
94	Điện tử công suất	POE201	3	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			
95	Điện tử ứng dụng	APE201	3	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			
96	Điều khắc	SCT203	2	Kiến trúc	Cơ sở ngành			
97	Đồ án giải thuật và lập trình	AAD203	2	Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			
98	Đồ án Kết cấu bê tông cốt thép A	PRC202	2	Kỹ thuật xây dựng Quản lý xây dựng	Cơ sở ngành			
99	Đồ án Kết cấu bê tông cốt thép B	PRC203	1	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Cơ sở ngành			
100	Đồ án Kết cấu thép	PSS219	1	Kỹ thuật xây dựng	Cơ sở ngành			
101	Đồ án Kiến trúc dân dụng và Công nghiệp	PCA209	2	Quản lý xây dựng	Cơ sở ngành			
102	Đồ án lập trình hệ thống	SYP202	3	Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			
103	Đồ án Nền và móng	FPR217	2	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Cơ sở ngành			

104	Đồ án phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	ISD202	3	Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			
105	Đồ họa ảnh	PHG204	3	Thiết kế đồ họa	Cơ sở ngành			
106	Đọc - Viết 1	IRW204	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
107	Đọc - Viết 2	IRW205	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
108	Đọc 1	CRE201	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			
109	Đọc 1	REA201	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
110	Đọc 2	CRE202	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			
111	Đọc 2	REA202	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
112	Đọc 3	CRE203	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			
113	Đọc 3	REA203	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
114	Đọc 4	CRE204	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			
115	Giải phẫu tạo hình	ANT213	2	Thiết kế đồ họa	Cơ sở ngành			
116	Hán Ngữ cổ đại	CCL264	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			
117	Hán Nôm Việt Nam	CSV263	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			
118	Hệ điều hành	OPS201	3	Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			
119	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	DMS201	3	Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			
120	Hệ thống cung cấp điện	ESS201	3	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			
121	Hệ thống thông tin trong ngân hàng	ISB201	2	Tài chính - Ngân hàng	Cơ sở ngành			

122	Hình chiếu phối cảnh và bóng	PSA202	2	Kiến trúc	Cơ sở ngành			
123	Hình họa - Vẽ kỹ thuật	DGD201	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			
124	Hình họa 1	DEG208	4	Thiết kế đồ họa	Cơ sở ngành			
125	Hình họa 2	DEG209	4	Thiết kế đồ họa	Cơ sở ngành			
126	Hình họa 3	DEG210	4	Thiết kế đồ họa	Cơ sở ngành			
127	Hình họa 4	DEG211	3	Thiết kế đồ họa	Cơ sở ngành			
128	Hình họa 5	DEG212	3	Thiết kế đồ họa	Cơ sở ngành			
129	Hình học họa hình	DGM201	2	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kiến trúc Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Quản lý xây dựng	Cơ sở ngành			
130	Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa	ASM220	2	Kế toán	Cơ sở ngành			
131	Kế toán quản trị nâng cao	AMA222	2	Kế toán	Cơ sở ngành			
132	Kế toán quốc tế	IAC223	2	Kế toán	Cơ sở ngành			
133	Kế toán tài chính	FAC229	3	Quản trị kinh doanh Quản trị kinh doanh du lịch	Cơ sở ngành			
134	Kế toán tài chính doanh nghiệp	FAC224	3	Tài chính - Ngân hàng	Cơ sở ngành			
135	Kết cấu bê tông cốt thép	RCS201	3	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Quản lý xây dựng	Cơ sở ngành			

136	Kết cấu bê tông cốt thép B	RCS202	2	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Cơ sở ngành			
137	Kết cấu thép B	SST236	2	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Quản lý xây dựng	Cơ sở ngành			
138	Kết cấu thép, gỗ	SWS204	3	Kỹ thuật xây dựng	Cơ sở ngành			
139	Khí cụ điện	EDE201	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			
140	Khí hậu kiến trúc	CLA203	2	Kiến trúc	Cơ sở ngành			
141	Khoa học màu sắc	CLT214	2	Thiết kế đồ họa Thiết kế nội thất	Cơ sở ngành			
142	Kiểm soát nội bộ	ICO221	2	Kế toán Tài chính - Ngân hàng	Cơ sở ngành			
143	Kiến trúc dân dụng và công nghiệp ngành QLXD	CIA207	3	Quản lý xây dựng	Cơ sở ngành			
144	Kiến trúc máy tính	COS201	3	Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			
145	Kiến trúc nhập môn	IAC209	2	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị	Cơ sở ngành			
146	Kiến trúc Nội thất nhập môn	IAI203	2	Thiết kế nội thất	Cơ sở ngành			
147	Kinh tế học	ECO201	2	Quản lý xây dựng	Cơ sở ngành			
148	Kinh tế lượng	ECM204	3	Kế toán Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Cơ sở ngành			

149	Kinh tế quốc tế	IEC206	2	Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh Quản trị kinh doanh du lịch	Cơ sở ngành			
150	Kinh tế vi mô	MIC201	3	Kế toán Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Cơ sở ngành			
151	Kinh tế vĩ mô	MAC202	3	Kế toán Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Cơ sở ngành			
152	Kỹ năng đọc nâng cao	ADR236	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
153	Kỹ năng thực hành nâng cao 1	ADS201	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
154	Kỹ năng thực hành nâng cao 2	ADS202	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
155	Kỹ năng thực hành nâng cao 3	ADS203	2	Ngôn ngữ Anh	Cơ sở ngành			
156	Kỹ năng thực hành nâng cao 4	ADS204	2	Ngôn ngữ Anh	Cơ sở ngành			
157	Kỹ thuật cảm biến	SEN201	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			
158	Kỹ thuật cơ điện	MEE202	2	Kiến trúc Kỹ thuật xây dựng Quản lý xây dựng	Cơ sở ngành			

159	Kỹ thuật điện	EEN202	2	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Cơ sở ngành			
160	Kỹ thuật đo lường điện	EME201	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			
161	Kỹ thuật mô hình	MMT208	3	Thiết kế đồ họa	Cơ sở ngành			
162	Kỹ thuật mô hình Nội thất	MTI212	2	Thiết kế nội thất	Cơ sở ngành			
163	Kỹ thuật nhiệt	THE203	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			
164	Kỹ thuật sân vườn	GAT210	2	Thiết kế nội thất	Cơ sở ngành			
165	Kỹ thuật thể hiện đồ án	PRL211	2	Thiết kế nội thất	Cơ sở ngành			
166	Kỹ thuật xung số	PDE201	3	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			
167	Lập trình di động	MOB201	3	Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			
168	Lập trình hệ thống	SYP201	3	Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			
169	Lập trình hướng đối tượng	OOP201	3	Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			
170	Lập trình JAVA cơ bản	BJP201	4	Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			
171	Lập trình Java nâng cao	AJP201	3	Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			
172	Lập trình trò chơi trên máy tính	GAP201	3	Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			
173	Lập trình trong windows	PRW201	3	Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			
174	Lập trình Web	WEB201	3	Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			
175	Lịch sử mỹ thuật	FAH217	2	Thiết kế đồ họa Thiết kế nội thất	Cơ sở ngành			
176	Lịch sử Thiết kế đồ họa	HGD201	2	Thiết kế đồ họa	Cơ sở ngành			
177	Luật kinh tế	BLA201	2	Kế toán Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Cơ sở ngành			
178	Luật phối cảnh	LWP210	2	Thiết kế nội thất	Cơ sở ngành			

179	Luật sở hữu trí tuệ	IPL218	2	Thiết kế đồ họa Thiết kế nội thất	Cơ sở ngành			
180	Luật xe gắn	PET219	3	Thiết kế đồ họa	Cơ sở ngành			
181	Luật xây dựng	BLA202	2	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Quản lý xây dựng	Cơ sở ngành			
182	Luyện âm	CST244	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			
183	Luyện âm	SPT217	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
184	Lý thuyết mạch điện 1	TEC201	4	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			
185	Lý thuyết mạch điện 2	TEC202	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			
186	Lý thuyết trường điện từ	TEF201	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			
187	Mạng lưới điện	ELN205	2	Quy hoạch vùng và Đô thị	Cơ sở ngành			
188	Mạng máy tính	CPN201	3	Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			
189	Marketing căn bản	MKT205	3	Kế toán Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Cơ sở ngành			
190	Máy điện 1	ELM201	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			
191	Máy điện 2	ELM202	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			
192	Nền và móng	FOU216	3	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Cơ sở ngành			

193	Nghe - Nói 1	LSP201	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
194	Nghe - Nói 2	LSP202	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
195	Nghe - Nói 3	LSP203	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
196	Nghe - Nói 4	LSP204	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
197	Nghe - Nói 5	LSP205	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
198	Nghe - Nói 6	LSP206	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
199	Nghe - Nói 7	LSP207	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
200	Nghe - Nói 8	LSP208	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
201	Nghe 1	CLI201	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			
202	Nghe 2	CLI202	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			
203	Nghe 3	CLI203	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			
204	Nghe 4	CLI204	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			
205	Nghe 5	CLI205	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			
206	Nghệ thuật chữ	TYP203	3	Thiết kế đồ họa	Cơ sở ngành			
207	Nghiên cứu marketing	MKR207	3	Quản trị kinh doanh	Cơ sở ngành			
208	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	TOG250	3	Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
209	Ngôn ngữ hình thức và	FLA201	3	Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			

	ô tô máy							
210	Ngôn ngữ và văn hóa	LAC243	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
211	Ngữ âm – Âm vị học	PHO220	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
212	Ngữ âm văn tự Tiếng Trung	CPH247	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			
213	Ngữ dụng học	PRA223	2	Ngôn ngữ Anh	Cơ sở ngành			
214	Ngữ nghĩa học	SEM222	2	Ngôn ngữ Anh	Cơ sở ngành			
215	Ngữ pháp 1	GRA201	3	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
216	Ngữ pháp 2	GRA202	3	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
217	Nguyên lý thống kê kinh tế	PBS203	2	Kế toán Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Cơ sở ngành			
218	Nói 1	CSP201	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			
219	Nói 2	CSP202	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			
220	Nói 3	CSP203	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			
221	Nói 4	CSP204	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			
222	Nói 5	CSP205	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			
223	Nói nâng cao	SPK205	2	Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
224	Phần mềm 3Ds Max	MAX202	3	Thiết kế nội thất	Cơ sở ngành			
225	Phân tích và thiết kế giải thuật	AAD201	3	Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			

226	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	ISD201	3	Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			
227	Sức bền vật liệu 1	MRM205	3	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Quản lý xây dựng	Cơ sở ngành			
228	Sức bền vật liệu 2	MRM206	2	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Cơ sở ngành			
229	Tâm lý khách du lịch	PTG249	2	Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
230	Tâm lý khách du lịch và kỹ năng giao tiếp	TPS211	3	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Cơ sở ngành			
231	Thẩm mỹ công nghiệp	INB212	2	Thiết kế đồ họa	Cơ sở ngành			
232	Tham quan nghề nghiệp	CAF240	1	Kỹ thuật xây dựng	Cơ sở ngành			
233	Thí nghiệm cơ học đất	SMT213	1	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Cơ sở ngành			
234	Thí nghiệm Điện tử công suất	POE202	1	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			
235	Thí nghiệm Khí cụ điện	EDE202	1	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			
236	Thí nghiệm Kỹ thuật xung số	PDE202	1	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			
237	Thí nghiệm Lý thuyết mạch điện	TEC203	1	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			
238	Thí nghiệm Máy điện	ELM203	1	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			

239	Thí nghiệm Truyền động điện	EDR202	1	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			
240	Thí nghiệm vật liệu xây dựng	BMT215	1	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Quản lý xây dựng	Cơ sở ngành			
241	Thiết kế hệ thống hướng đối tượng	OOD201	3	Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			
242	Thực hành Điện cơ bản	BEP201	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			
243	Thực hành Kỹ thuật đo lường điện	EME202	1	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			
244	Thực hành máy điện	ELM205	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			
245	Thực tập nhận thức	INT201	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			
246	Thủy lực	HYD209	2	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Quản lý xây dựng	Cơ sở ngành			
247	Tiếng Anh chuyên ngành công nghệ thông tin	ENG201	2	Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			
248	Tiếng Anh giảng dạy 1	EFT261	2	Ngôn ngữ Anh	Cơ sở ngành			
249	Tiếng Anh giảng dạy 2	EFT262	2	Ngôn ngữ Anh	Cơ sở ngành			
250	Tiếng Anh kế toán	EFA238	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			

251	Tiếng Anh ngành Kiến trúc	EAC201	2	Kiến trúc	Cơ sở ngành			
252	Tiếng Anh ngành Quy hoạch	EIP201	2	Quy hoạch vùng và Đô thị	Cơ sở ngành			
253	Tiếng Anh thương mại	EFB237	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
254	Tiếng Anh trong đàm phán	EIN244	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
255	Tiếng Anh trong giao tiếp quốc tế	EIC227	2	Ngôn ngữ Anh	Cơ sở ngành			
256	Tiếng Trung du lịch	CCT261	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			
257	Tiếng Trung thương mại	CCB265	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			
258	Tiếng Trung văn phòng	CCO262	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			
259	Tin học chuyên ngành 1	DCO203	2	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị	Cơ sở ngành			
260	Tin học chuyên ngành 2	DCO204	3	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị	Cơ sở ngành			
261	Tổ chức lễ hội và sự kiện	CFV253	2	Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
262	Toán chuyên ngành	MEE201	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			
263	Toán rời rạc	DCM201	3	Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			
264	Trắc địa cơ sở	BSU218	2	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Quản lý xây dựng	Cơ sở ngành			
265	Trang trí cơ bản	DCB216	2	Thiết kế đồ họa	Cơ sở ngành			
266	Truyền động điện	EDR201	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Cơ sở ngành			
267	Tư duy phản biện	CRT242	2	Ngôn ngữ Anh	Cơ sở ngành			
268	Từ pháp tiếng Trung	CLE249	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			

269	Từ vựng tiếng Trung	CMO249	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			
270	Tuyên điểm du lịch Việt Nam	TOR248	2	Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
271	Văn hóa Anh - Mỹ	CUL224	3	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
272	Văn hóa doanh nghiệp	CAS272	4	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			
273	Văn hóa Trung Quốc	CAS271	4	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			
274	Văn học Anh-Mỹ	BAL252	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
275	Văn học Trung Quốc	CLT252	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			
276	Vật liệu xây dựng	BMA214	2	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Quản lý xây dựng	Cơ sở ngành			
277	Vật lý kiến trúc	BPS206	3	Quy hoạch vùng và Đô thị	Cơ sở ngành			
278	Vẽ cách điệu thiên nhiên	SNA215	2	Thiết kế đồ họa Thiết kế nội thất	Cơ sở ngành			
279	Vẽ ghi	ABD211	1	Kiến trúc	Cơ sở ngành			
280	Vẽ ghi nội thất	INS209	1	Thiết kế nội thất	Cơ sở ngành			
281	Vẽ kỹ thuật	DRA201	2	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Quản lý xây dựng	Cơ sở ngành			

282	Vẽ kỹ thuật xây dựng	CED202	2	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Quản lý xây dựng	Cơ sở ngành			
283	Vẽ mỹ thuật 1	FDR204	2	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị Thiết kế nội thất	Cơ sở ngành			
284	Vẽ mỹ thuật 2	FDR205	2	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị Thiết kế nội thất	Cơ sở ngành			
285	Vi xử lý	MIP201	3	Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			
286	Viết 1	CWR201	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			
287	Viết 1	WRI201	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
288	Viết 2	CWR202	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Cơ sở ngành			
289	Viết 2	WRI202	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
290	Viết 3	WRI203	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Cơ sở ngành			
291	Xử lý ảnh	IMP201	3	Công nghệ thông tin	Cơ sở ngành			
292	3Ds Max	MAX328	3	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
293	Adobe InDesign	AID210	3	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
294	An toàn lao động	CSA338	2	Kỹ thuật xây dựng	Chuyên ngành			

295	An toàn lao động	SAF318	2	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
296	Bảo tồn di sản kiến trúc	AHP334	2	Kiến trúc	Chuyên ngành			
297	Bảo vệ Role và tự động hóa	RPA311	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			
298	Biên dịch 1	CTR301	3	Ngôn ngữ Trung quốc	Chuyên ngành			
299	Biên dịch 1	TRA301	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Chuyên ngành			
300	Biên dịch 2	CTR302	3	Ngôn ngữ Trung quốc	Chuyên ngành			
301	Biên dịch 2	TRA302	2	Ngôn ngữ Anh	Chuyên ngành			
302	Biên dịch 3	TRA303	2	Ngôn ngữ Anh	Chuyên ngành			
303	CAD trong kỹ thuật điện	CEE311	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			
304	Cấp nước đô thị	UWS317	3	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
305	Cấu tạo nội thất	INS319	2	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
306	Chiếu sáng đô thị	ULI335	2	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
307	Chuẩn bị kỹ thuật khu đất xây dựng đô thị	PBL315	2	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
308	Chuyên đề cầu	BSE325	2	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
309	Chuyên đề đường	RSE324	2	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
310	Chuyên đề Kết cấu bê tông cốt thép	TRC321	2	Kỹ thuật xây dựng	Chuyên ngành			
311	Chuyên đề Kết cấu thép	TSS323	2	Kỹ thuật xây dựng	Chuyên ngành			
312	Chuyên đề Kỹ thuật lập trình	PRE302	1	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			
313	Chuyên đề Nền và móng	TFO324	2	Kỹ thuật xây dựng	Chuyên ngành			

314	Công cụ tài chính phái sinh	FDE320	2	Tài chính - Ngân hàng	Chuyên ngành			
315	Công nghệ xây dựng hiện đại	MCT335	2	Kiến trúc	Chuyên ngành			
316	Công trình cầu	BRW341	2	Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
317	Công trình đô thị, công trình ngầm	UUW327	3	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
318	Công trình đô thị, công trình ngầm	UUW328	2	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
319	Công trình đường	ROW304	2	Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
320	Công trình thủy lợi - thủy điện	IHS318	2	Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
321	Đặc tả hình thức	FOS301	3	Công nghệ thông tin	Chuyên ngành			
322	Đàm phán trong kinh doanh	NIB319	2	Quản trị kinh doanh	Chuyên ngành			
323	Đánh giá tác động môi trường	EIA328	2	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
324	Đất nước học Trung Quốc	CIS301	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Chuyên ngành			
325	Đấu thầu	BID313	2	Kỹ thuật xây dựng Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
326	Đề án Kế toán tài chính	PFA314	2	Kế toán	Chuyên ngành			
327	Đề án Khởi sự kinh doanh	ETR311	2	Quản trị kinh doanh Quản trị kinh doanh du lịch	Chuyên ngành			
328	Đề án Nhập môn tài chính tiền tệ	MFT302	2	Tài chính - Ngân hàng	Chuyên ngành			
329	Dịch vụ du lịch lữ hành	TTS301	2	Tiếng Anh du lịch	Chuyên ngành			
330	Điều khiển Điện – Khí nén	EPC301	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			
331	Điều khiển lập trình PLC	PLC301	3	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			

332	Điều khiển số	DIC311	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			
333	Điều khiển truyền động điện	EDC311	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			
334	Điều khiển và ghép nối thiết bị ngoại vi	PCL301	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			
335	Định giá sản phẩm xây dựng	VBP307	3	Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
336	Định mức kỹ thuật trong xây dựng	CNO308	3	Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
337	Định mức xây dựng	CNO306	4	Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
338	Đồ án Ấn phẩm văn phòng	GPD317	3	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
339	Đồ án Bao bì sản phẩm	GPD318	4	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
340	Đồ án Cấp nước đô thị	PUW318	2	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
341	Đồ án Catalogue - Brochure	GPD320	3	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
342	Đồ án cấu tạo kiến trúc	ADD342	2	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị	Chuyên ngành			
343	Đồ án Chuẩn bị kỹ thuật khu đất xây dựng đô thị	PLC317	2	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
344	Đồ án chuyên ngành công nghệ phần mềm	SOP301	2	Công nghệ thông tin	Chuyên ngành			
345	Đồ án Cung cấp điện	ESS302	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			
346	Đồ án Điện tử công suất	POE302	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			
347	Đồ án Điều khiển lập trình PLC	PLC304	3	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			
348	Đồ án đồ họa 1	GPR316	3	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
349	Đồ án đồ họa 10	GPR325	3	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
350	Đồ án đồ họa 11	GPR326	5	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			

351	Đồ án đồ họa 2	GPR317	3	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
352	Đồ án đồ họa 3	GPR318	3	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
353	Đồ án đồ họa 4	GPR319	3	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
354	Đồ án đồ họa 5	GPR320	4	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
355	Đồ án đồ họa 6	GPR321	3	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
356	Đồ án đồ họa 7	GPR322	3	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
357	Đồ án đồ họa 8	GPR323	3	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
358	Đồ án đồ họa 9	GPR324	3	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
359	Đồ án Kết cấu nhà bê tông cốt thép	PRB306	2	Kỹ thuật xây dựng	Chuyên ngành			
360	Đồ án Kết cấu nhà thép	PSB308	2	Kỹ thuật xây dựng	Chuyên ngành			
361	Đồ án Kiến trúc 1	ADS329	3	Quy hoạch vùng và Đô thị	Chuyên ngành			
362	Đồ án Kiến trúc 2	ADS330	3	Quy hoạch vùng và Đô thị	Chuyên ngành			
363	Đồ án Kiến trúc 3	ADS331	3	Quy hoạch vùng và Đô thị	Chuyên ngành			
364	Đồ án Kiến trúc 4	ADS332	3	Quy hoạch vùng và Đô thị	Chuyên ngành			
365	Đồ án Kiến trúc 5	ADS333	3	Quy hoạch vùng và Đô thị	Chuyên ngành			
366	Đồ án Kiến trúc công cộng 1	ADS320	3	Kiến trúc	Chuyên ngành			
367	Đồ án Kiến trúc công cộng 2	ADS321	3	Kiến trúc	Chuyên ngành			
368	Đồ án Kiến trúc công cộng 2 - 5TC	ADS328	5	Kiến trúc	Chuyên ngành			
369	Đồ án Kiến trúc công cộng 3	ADS322	3	Kiến trúc	Chuyên ngành			
370	Đồ án Kiến trúc công cộng 4	ADS323	3	Kiến trúc	Chuyên ngành			
371	Đồ án Kiến trúc công cộng 5	ADS324	3	Kiến trúc	Chuyên ngành			
372	Đồ án Kiến trúc công cộng 6	ADS325	3	Kiến trúc	Chuyên ngành			
373	Đồ án Kiến trúc công cộng 7	ADS326	3	Kiến trúc	Chuyên ngành			

374	Đồ án Kiến trúc Công nghiệp	ADS327	3	Kiến trúc	Chuyên ngành			
375	Đồ án Kiến trúc dân dụng ngành Xây dựng	DAC340	2	Kỹ thuật xây dựng Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
376	Đồ án Kiến trúc nhà ở 1	ADS318	3	Kiến trúc	Chuyên ngành			
377	Đồ án Kiến trúc nhà ở 2	ADS319	3	Kiến trúc	Chuyên ngành			
378	Đồ án Kiến trúc nhỏ	ACD312	2	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị	Chuyên ngành			
379	Đồ án Kiến trúc tổng hợp	PFP328	5	Kiến trúc	Chuyên ngành			
380	Đồ án Kinh tế đầu tư	PIE324	2	Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
381	Đồ án Kinh tế đầu tư và quản trị dự án	IEP309	2	Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
382	Đồ án Kỹ thuật thi công	PCT310	2	Kỹ thuật xây dựng Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
383	Đồ án Lịch - Thiệp	GPD319	3	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
384	Đồ án Logo	GPD316	3	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
385	Đồ án Mạng điện đô thị	PUP322	2	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
386	Đồ án Minh họa tạp chí	GPD322	3	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
387	Đồ án Nội - Ngoại thất	IED314	3	Kiến trúc	Chuyên ngành			
388	Đồ án Nội thất 1	INP323	2	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
389	Đồ án Nội thất 10	INP332	3	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
390	Đồ án Nội thất 11	INP333	3	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
391	Đồ án Nội thất 2	INP324	3	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
392	Đồ án Nội thất 3	INP325	3	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
393	Đồ án Nội thất 4	INP326	3	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
394	Đồ án Nội thất 5	INP327	3	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			

395	Đồ án Nội thất 6	INP328	3	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
396	Đồ án Nội thất 7	INP329	3	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
397	Đồ án Nội thất 8	INP330	3	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
398	Đồ án Nội thất 9	INP331	3	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
399	Đồ án Nội thất tổng hợp	INP334	5	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
400	Đồ án Poster thương nghiệp	GPD321	4	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
401	Đồ án Poster Văn hóa - Xã hội - Chính trị	GPD324	4	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
402	Đồ án Quản lý và xử lý chất thải rắn	PMD325	2	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
403	Đồ án Quản trị chi phí xây dựng	PCC325	2	Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
404	Đồ án Quản trị doanh nghiệp xây dựng	CCM312	2	Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
405	Đồ án Quy hoạch	UPS319	3	Kiến trúc	Chuyên ngành			
406	Đồ án Quy hoạch giao thông đô thị	PUT330	2	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
407	Đồ án Thi công cầu	BCP317	2	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
408	Đồ án Thi công mặt đường	PCP315	2	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
409	Đồ án Thi công nền đường	ECP313	2	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
410	Đồ án Thiết kế cầu bê tông cốt thép	CBP307	2	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			

411	Đồ án Thiết kế cầu thép	SBP311	2	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
412	Đồ án Thiết kế hình học và khảo sát đường ô tô	RDP303	2	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
413	Đồ án Thiết kế nền mặt đường	EPP305	2	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
414	Đồ án thiết kế nhanh 1	SDE315	1	Kiến trúc	Chuyên ngành			
415	Đồ án thiết kế nhanh 2	SDE316	1	Kiến trúc	Chuyên ngành			
416	Đồ án thiết kế nhanh 3	SDE317	1	Kiến trúc	Chuyên ngành			
417	Đồ án Thiết kế và thi công móng trụ cầu	DCP309	2	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
418	Đồ án Thoát nước đô thị	PUD320	2	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
419	Đồ án Tổ chức giao thông công cộng	PPT333	2	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
420	Đồ án Tổng hợp	GPD325	5	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
421	Đồ án Truyện tranh minh họa	GPD323	4	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
422	Đồ họa sáng tác	GRO328	3	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
423	Đồ họa sự kiện	GRE329	3	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
424	Đồ họa Web	WEG315	3	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
425	Dự toán công trình	PCE343	2	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
426	Dự toán xây dựng	COE319	2	Kỹ thuật xây dựng	Chuyên ngành			
427	Flash	FLA327	3	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
428	Hành vi người tiêu dùng	CSB318	2	Quản trị kinh doanh	Chuyên ngành			
429	Hệ cơ sở dữ liệu phân tán	DDS301	3	Công nghệ thông tin	Chuyên ngành			

430	Hệ thống cấp thoát nước công trình	WSD332	2	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
431	Hệ thống thông tin địa lý (GIS)	GIS331	2	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
432	Hệ thống thông tin đo lường	MIS311	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			
433	Hệ thống thông tin kế toán	AIS310	3	Kế toán	Chuyên ngành			
434	Hoạt động ngoại khóa	EXA402	1	Quản trị kinh doanh Quản trị kinh doanh du lịch	Chuyên ngành			
435	Học tập thực tế	PRL313	2	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
436	Học tập thực tế	PTL334	1	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
437	Kế hoạch và dự báo xây dựng	CPF316	2	Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
438	Kế toán công ty	COA312	3	Kế toán	Chuyên ngành			
439	Kế toán doanh nghiệp thương mại - dịch vụ	ACS315	2	Kế toán	Chuyên ngành			
440	Kế toán doanh nghiệp xây dựng	ACC316	2	Kế toán	Chuyên ngành			
441	Kế toán hành chính sự nghiệp	ANP317	2	Kế toán	Chuyên ngành			
442	Kế toán kho bạc	ACT319	2	Kế toán	Chuyên ngành			
443	Kế toán máy	ACS308	3	Kế toán	Chuyên ngành			
444	Kế toán ngân hàng	BAC313	3	Tài chính - Ngân hàng	Chuyên ngành			
445	Kế toán ngân hàng đại cương	BAC323	2	Kế toán	Chuyên ngành			
446	Kế toán quản trị	MNA307	3	Kế toán	Chuyên ngành			
447	Kế toán quản trị cơ bản	MNA308	2	Quản trị kinh doanh	Chuyên ngành			

448	Kế toán tài chính doanh nghiệp 1	FAC302	3	Kế toán	Chuyên ngành			
449	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	FAC303	3	Kế toán	Chuyên ngành			
450	Kế toán tài chính doanh nghiệp 3	FAC304	3	Kế toán	Chuyên ngành			
451	Kế toán thương mại - dịch vụ	ACS314	3	Kế toán	Chuyên ngành			
452	Kế toán xây dựng	ACC315	4	Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
453	Kết cấu bê tông cốt thép đặc biệt	SRC320	2	Kỹ thuật xây dựng	Chuyên ngành			
454	Kết cấu công trình	BST233	2	Quy hoạch vùng và Đô thị	Chuyên ngành			
455	Kết cấu công trình ngành Kiến trúc	BST232	3	Kiến trúc	Chuyên ngành			
456	Kết cấu nhà bê tông cốt thép	RCB305	3	Kỹ thuật xây dựng	Chuyên ngành			
457	Kết cấu nhà thép	SBS307	3	Kỹ thuật xây dựng	Chuyên ngành			
458	Khóa luận tốt nghiệp	CGR404	8	Ngôn ngữ Trung quốc	Chuyên ngành			
459	Khởi nghiệp	ETR312	2	Thiết kế đồ họa Thiết kế nội thất Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Quản lý xây dựng Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử Tài chính - Ngân hàng Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành	Chuyên ngành			

460	Khởi sự kinh doanh	ETR310	3	Quản trị kinh doanh	Chuyên ngành			
461	Kiểm định cầu đường	CQA323	2	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
462	Kiểm định, gia cố và sửa chữa công trình giao thông	IRW337	2	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
463	Kiểm thử phần mềm	SOT301	3	Công nghệ thông tin	Chuyên ngành			
464	Kiểm toán căn bản	PAU326	2	Tài chính - Ngân hàng	Chuyên ngành			
465	Kiểm toán cơ bản	PAU306	3	Kế toán	Chuyên ngành			
466	Kiểm toán tài chính	FAU313	4	Kế toán	Chuyên ngành			
467	Kiến trúc cảnh quan	LAC309	2	Kiến trúc	Chuyên ngành			
468	Kiến trúc cảnh quan và cây xanh đô thị	LAG308	3	Quy hoạch vùng và Đô thị	Chuyên ngành			
469	Kiến trúc công nghiệp	INA310	2	Kiến trúc Kỹ thuật xây dựng	Chuyên ngành			
470	Kiến trúc dân dụng ngành Kiến trúc	CVA309	3	Kiến trúc	Chuyên ngành			
471	Kiến trúc dân dụng ngành Xây dựng	CAS339	3	Kỹ thuật xây dựng	Chuyên ngành			
472	Kiến trúc dân dụng và công nghiệp ngành Quy hoạch	CIA311	3	Quy hoạch vùng và Đô thị	Chuyên ngành			
473	Kiến trúc đương đại	CAC337	2	Kiến trúc	Chuyên ngành			
474	Kiến trúc và môi trường	ARE336	2	Kiến trúc	Chuyên ngành			
475	Kiến trúc và văn hóa Phương Đông	OCA338	2	Kiến trúc	Chuyên ngành			

476	Kinh doanh xuất nhập khẩu	IEM315	2	Kế toán Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh	Chuyên ngành			
477	Kinh tế bảo hiểm	ISE316	2	Tài chính - Ngân hàng	Chuyên ngành			
478	Kinh tế đầu tư	IES323	3	Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
479	Kinh tế đầu tư và quản trị dự án	IEP308	3	Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
480	Kinh tế du lịch	TRE323	3	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Chuyên ngành			
481	Kinh tế môi trường	ENE333	2	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
482	Kinh tế ngành	ESE311	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			
483	Kinh tế và quản lý đô thị	EUM332	2	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
484	Kinh tế xây dựng	CEC304	2	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
485	Kinh tế xây dựng chuyên ngành	CEC303	3	Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
486	Kỹ năng viết nâng cao	ADW235	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Chuyên ngành			
487	Kỹ thuật chiếu sáng	LIE311	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			
488	Kỹ thuật điện lạnh	REE311	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			
489	Kỹ thuật In	PRT310	3	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
490	Kỹ thuật lập trình	PRE301	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			

491	Kỹ thuật thi công	CTE309	3	Kỹ thuật xây dựng Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
492	Kỹ thuật thi công lắp ghép	BPT312	2	Kỹ thuật xây dựng	Chuyên ngành			
493	Kỹ thuật thông gió và điều hòa không khí	VAE323	3	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
494	Kỹ thuật và tổ chức thi công	CTP331	3	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
495	Lập báo cáo tài chính	FRP309	2	Kế toán	Chuyên ngành			
496	Lịch sử kiến trúc phương Đông và Việt Nam	HOV313	3	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị	Chuyên ngành			
497	Lịch sử kiến trúc phương Tây	HWA312	3	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
498	Lịch sử thiết kế nội thất	HID320	2	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
499	Linux và phần mềm nguồn mở	LIO301	3	Công nghệ thông tin	Chuyên ngành			
500	Lý thuyết dịch	CTT354	2	Ngôn ngữ Trung quốc	Chuyên ngành			
501	Lý thuyết dịch	INT328	2	Ngôn ngữ Anh	Chuyên ngành			
502	Lý thuyết và thiết kế tổ chức	TOD314	2	Quản trị kinh doanh	Chuyên ngành			
503	Mạng điện đô thị	UPN321	3	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
504	Mạng truyền thông công nghiệp và SCADA	ICN301	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			
505	Marketing du lịch	TMR327	3	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Chuyên ngành			
506	Marketing ngân hàng	BMK315	2	Tài chính - Ngân hàng	Chuyên ngành			
507	Máy xây dựng	CMA316	2	Kỹ thuật xây dựng	Chuyên ngành			
508	Máy xây dựng và an toàn lao	CMS316	2	Kỹ thuật xây dựng	Chuyên ngành			

	động							
509	Mô hình hóa và mô phỏng hệ thống điều khiển	MSC311	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			
510	Môi giới bất động sản	REB317	2	Tài chính - Ngân hàng	Chuyên ngành			
511	Môi trường trong xây dựng	EIC101	2	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
512	Năng lượng tái tạo	REN311	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			
513	Ngân hàng trung ương	CEB306	2	Tài chính - Ngân hàng	Chuyên ngành			
514	Nghiên cứu chuyên đề	RET333	2	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
515	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	TOG331	4	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Chuyên ngành			
516	Nghiệp vụ khách sạn	HTO332	2	Quản trị kinh doanh du lịch	Chuyên ngành			
517	Nghiệp vụ ngân quỹ	CAS301	2	Tài chính - Ngân hàng	Chuyên ngành			
518	Nghiệp vụ nhà hàng	REO332	4	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Chuyên ngành			
519	Nguyên lý kế toán	PAC301	3	Kế toán Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Chuyên ngành			
520	Nguyên lý thiết kế Đồ họa	PGD309	3	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
521	Nguyên lý thiết kế nội thất	IDP317	3	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
522	Nhập môn ngành xây dựng	ICE137	2	Kỹ thuật xây dựng	Chuyên ngành			
523	Nhập môn tài chính tiền tệ	MFT301	3	Kế toán Tài chính - Ngân hàng	Chuyên ngành			

524	Phần mềm Auto Cad	ACA201	2	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
525	Phần mềm Photoshop	PHO337	2	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
526	Phần mềm Sketchup	SKU336	2	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
527	Phân tích các mô hình quản lý trong xây dựng	MMC321	2	Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
528	Phân tích hoạt động kinh doanh	ABU305	3	Kế toán	Chuyên ngành			
529	Phân tích hoạt động kinh tế	ABU325	2	Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh	Chuyên ngành			
530	Phân tích kiến trúc	APA335	2	Kiến trúc	Chuyên ngành			
531	Phân tích tài chính doanh nghiệp	FAL311	3	Kế toán	Chuyên ngành			
532	Phân tích tín dụng và cho vay	CLA309	3	Tài chính - Ngân hàng	Chuyên ngành			
533	Phát triển kỹ năng quản trị	DMS311	2	Quản trị kinh doanh Quản trị kinh doanh du lịch	Chuyên ngành			
534	Phiên dịch 1	CIN301	3	Ngôn ngữ Trung quốc	Chuyên ngành			
535	Phiên dịch 1	INT301	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Chuyên ngành			
536	Phiên dịch 2	CIN302	3	Ngôn ngữ Trung quốc	Chuyên ngành			
537	Phiên dịch 2	INT302	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Chuyên ngành			
538	Phiên dịch 3	INT303	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Chuyên ngành			
539	Phiên dịch du lịch	IFT367	2	Tiếng Anh du lịch	Chuyên ngành			

540	Phong thủy trong kiến trúc đô thị	FSU325	2	Kiến trúc Quy hoạch vùng và Đô thị	Chuyên ngành			
541	Phong thủy trong kiến trúc nội thất	FSI342	2	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
542	Phỏng vấn xin việc làm	JIN269	2	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Chuyên ngành			
543	Quản lý chất lượng xây dựng	CQC310	2	Kỹ thuật xây dựng Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
544	Quản lý dự án	PRM301	3	Công nghệ thông tin	Chuyên ngành			
545	Quản lý dự án nội thất	IPM342	2	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
546	Quản lý dự án xây dựng	CPM320	2	Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
547	Quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị	MUI334	2	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
548	Quản lý nguồn nước	WRM327	2	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
549	Quản lý tài nguyên và môi trường	REM330	2	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
550	Quản lý và khai thác cầu đường	MAS326	2	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
551	Quản lý và xử lý chất thải rắn	MDS324	3	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
552	Quản lý và xử lý khí thải	MGT326	3	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
553	Quản trị bán hàng	SLM312	3	Quản trị kinh doanh	Chuyên ngành			
554	Quản trị chất lượng dịch vụ	SQM322	3	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Chuyên ngành			

555	Quản trị chiến lược	STM306	3	Quản trị kinh doanh Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành	Chuyên ngành			
556	Quản trị chuỗi cung ứng	SCM307	3	Quản trị kinh doanh	Chuyên ngành			
557	Quản trị cung ứng dịch vụ	SSM321	3	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Chuyên ngành			
558	Quản trị danh mục đầu tư	PMA314	3	Tài chính - Ngân hàng	Chuyên ngành			
559	Quản trị doanh nghiệp xây dựng	CCM311	3	Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
560	Quản trị dự án đầu tư	IPM308	3	Quản trị kinh doanh	Chuyên ngành			
561	Quản trị hành chính văn phòng	AOM316	2	Quản trị kinh doanh	Chuyên ngành			
562	Quản trị hoạt động ngân hàng 1	BAM307	3	Tài chính - Ngân hàng	Chuyên ngành			
563	Quản trị hoạt động ngân hàng 2	BAM311	3	Tài chính - Ngân hàng	Chuyên ngành			
564	Quản trị học	FMA301	3	Kế toán Tài chính - Ngân hàng Quản trị kinh doanh Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Chuyên ngành			
565	Quản trị kinh doanh lữ hành	TTM324	3	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Chuyên ngành			
566	Quản trị kinh doanh lưu trú	HIM325	3	Quản trị kinh doanh du lịch	Chuyên ngành			
567	Quản trị kinh doanh lưu trú	MHC301	2	Tiếng Anh du lịch	Chuyên ngành			
568	Quản trị kinh doanh nhà hàng	FBM326	3	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Chuyên ngành			
569	Quản trị kinh doanh nhà hàng	MRB302	2	Tiếng Anh du lịch	Chuyên ngành			
570	Quản trị kinh doanh quốc tế	IBA313	2	Quản trị kinh doanh	Chuyên ngành			

				Quản trị kinh doanh du lịch				
571	Quản trị marketing	MKM304	3	Quản trị kinh doanh	Chuyên ngành			
572	Quản trị nguồn nhân lực	HRM302	3	Quản trị kinh doanh Quản trị kinh doanh du lịch	Chuyên ngành			
573	Quản trị quan hệ khách hàng	CRM329	2	Quản trị kinh doanh Quản trị kinh doanh du lịch	Chuyên ngành			
574	Quản trị sản xuất	PRM309	3	Quản trị kinh doanh	Chuyên ngành			
575	Quản trị sự thay đổi	CHM317	2	Quản trị kinh doanh	Chuyên ngành			
576	Quản trị tài chính	FIM303	3	Quản trị kinh doanh Quản trị kinh doanh du lịch	Chuyên ngành			
577	Quy hoạch đô thị	UBP304	2	Kiến trúc Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
578	Quy hoạch du lịch di sản	HTP322	2	Quy hoạch vùng và Đô thị	Chuyên ngành			
579	Quy hoạch giao thông đô thị	UTP328	2	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
580	Tài chính công	PUF313	3	Tài chính - Ngân hàng	Chuyên ngành			
581	Tài chính doanh nghiệp 1	COF303	3	Kế toán Tài chính - Ngân hàng	Chuyên ngành			
582	Tài chính doanh nghiệp 2	COF304	3	Tài chính - Ngân hàng	Chuyên ngành			
583	Tài chính doanh nghiệp xây dựng	CEF315	3	Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
584	Tài chính quốc tế	INF304	3	Tài chính - Ngân hàng	Chuyên ngành			
585	Thẩm định dự án đầu tư	PAP319	2	Tài chính - Ngân hàng	Chuyên ngành			
586	Tham quan nhận thức	AWT314	1	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			

587	Tham quan nhận thức	FTR404	1	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
588	Tham quan nhận thức	VIA337	1	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
589	Tham quan thực tế	ACV335	1	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
590	Tham quan thực tế	FTR401	1	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Chuyên ngành			
591	Tham quan thực tế	FTR402	1	Ngôn ngữ Trung quốc	Chuyên ngành			
592	Tham quan thực tế	FTR441	1	Kiến trúc	Chuyên ngành			
593	Thanh quyết toán trong xây dựng	SCW322	2	Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
594	Thanh toán quốc tế	INP311	2	Kế toán	Chuyên ngành			
595	Thi công cầu	BCO316	3	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
596	Thi công mặt đường	PCO314	3	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
597	Thi công nền đường	ECO312	3	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
598	Thi công nội thất	INC342	2	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
599	Thí nghiệm công trình cầu đường	EXP321	3	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
600	Thí nghiệm công trình giao thông	EXP336	2	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
601	Thí nghiệm công trình xây dựng	STE318	2	Kỹ thuật xây dựng	Chuyên ngành			
602	Thị trường chứng khoán	STM318	2	Tài chính - Ngân hàng	Chuyên ngành			

603	Thiết trường và các định chế tài chính	FAI305	2	Tài chính - Ngân hàng	Chuyên ngành			
604	Thiết kế cầu bê tông cốt thép	CBD306	3	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
605	Thiết kế cầu thép	SBD310	2	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
606	Thiết kế điện dân dụng và công nghiệp	CED301	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			
607	Thiết kế đô thị ngành Kiến trúc	UBD307	2	Kiến trúc	Chuyên ngành			
608	Thiết kế Đồ trang trí Nội thất	IDD338	2	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
609	Thiết kế đường đô thị	URD334	2	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
610	Thiết kế hình học và khảo sát đường Ôtô	RDE302	3	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
611	Thiết kế mạch điện tử	ECD301	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			
612	Thiết kế nền mặt đường	EPD304	3	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
613	Thiết kế và thi công mố trụ cầu	DCB308	3	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
614	Thoát nước đô thị	UDR319	3	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
615	Thống kê doanh nghiệp xây dựng	SCB314	2	Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
616	Thực hành Điện tử ứng dụng	APE202	1	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			
617	Thực hành Điều khiển Điện – Khí nén	EPC302	1	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			

618	Thực hành Điều khiển lập trình PLC	PLC302	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			
619	Thực hành hướng dẫn du lịch	TOP305	2	Tiếng Anh du lịch	Chuyên ngành			
620	Thực hành phiên dịch nâng cao	AIN341	2	Ngôn ngữ Anh	Chuyên ngành			
621	Thực hành thí nghiệm công trình giao thông	EXP339	2	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
622	Thực hành Thiết kế mạch điện tử	ECD302	1	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			
623	Thực hành Trang bị điện	ELI302	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			
624	Thực hành Vi điều khiển	MCO303	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			
625	Thực tập công nhân	INT313	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			
626	Thực tập công nhân	IWO336	2	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
627	Thực tập công nhân	TEP420	2	Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
628	Thực tập công nhân	TPR425	2	Kỹ thuật xây dựng	Chuyên ngành			
629	Thực tập công nhân	WTP403	2	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
630	Thực tập địa chất công trình	EGP401	1	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
631	Thực tập nhận thức	FIT421	1	Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
632	Thực tập nhận thức	FTR426	1	Kỹ thuật xây dựng	Chuyên ngành			
633	Thực tập tốt nghiệp	CRP404	3	Ngôn ngữ Trung quốc	Chuyên ngành			
634	Thực tập tốt nghiệp	INP431	2	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			

635	Thực tập trắc địa	SUP402	1	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
636	Thương mại điện tử	ECO301	3	Công nghệ thông tin	Chuyên ngành			
637	Thương mại điện tử	ECO320	2	Quản trị kinh doanh	Chuyên ngành			
638	Thủy văn	HYD301	2	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
639	Tiếng Anh chuyên ngành cầu đường	ECO309	2	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
640	Tiếng Anh chuyên ngành Đồ họa	EGD304	2	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
641	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán	EAC301	2	Kế toán	Chuyên ngành			
642	Tiếng Anh chuyên ngành Ngân hàng	EBK303	2	Tài chính - Ngân hàng	Chuyên ngành			
643	Tiếng Anh chuyên ngành Nội thất	EID306	2	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
644	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh	EBA302	2	Quản trị kinh doanh	Chuyên ngành			
645	Tiếng Anh chuyên ngành Xây dựng	ECO308	2	Kỹ thuật xây dựng Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			

646	Tiếng Anh du lịch 1	EFT301	2	Tiếng Anh du lịch Quản trị kinh doanh du lịch	Chuyên ngành			
647	Tiếng Anh du lịch 2	EFT302	2	Tiếng Anh du lịch Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành	Chuyên ngành			
648	Tiếng Anh Du lịch nâng cao	EFT305	2	Tiếng Anh du lịch	Chuyên ngành			
649	Tiếng Anh khách sạn	EHC303	2	Tiếng Anh du lịch	Chuyên ngành			
650	Tiếng Anh nhà hàng	EFR304	2	Tiếng Anh du lịch	Chuyên ngành			
651	Tiếng Trung tổng hợp 1	CGE301	4	Ngôn ngữ Trung quốc	Chuyên ngành			
652	Tiếng Trung tổng hợp 2	CGE302	4	Ngôn ngữ Trung quốc	Chuyên ngành			
653	Tiếng Trung Tổng hợp 3	CGE303	4	Ngôn ngữ Trung quốc	Chuyên ngành			
654	Tiếng Trung Tổng hợp 4	CGE304	4	Ngôn ngữ Trung quốc	Chuyên ngành			
655	Tiếng Trung Tổng hợp 5	CGE305	4	Ngôn ngữ Trung quốc	Chuyên ngành			
656	Tiếng Trung Tổng hợp 6	CGE306	4	Ngôn ngữ Trung quốc	Chuyên ngành			
657	Tiếng Trung Tổng hợp 7	CGE307	4	Ngôn ngữ Trung quốc	Chuyên ngành			
658	Tiếng Việt	VIE107	2	Ngôn ngữ Anh Ngôn ngữ Trung quốc Tiếng Anh du lịch	Chuyên ngành			
659	Tín dụng và thanh toán quốc tế	INP310	3	Tài chính - Ngân hàng	Chuyên ngành			
660	Tin học ứng dụng thiết kế cầu	AIB320	2	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
661	Tin học ứng dụng thiết kế đường	AIR319	2	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			

662	Tin học ứng dụng trong kỹ thuật xây dựng	AIE335	3	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
663	Tin học ứng dụng trong quản lý xây dựng	AIN316	3	Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
664	Tin học ứng dụng trong xây dựng	ITC317	2	Kỹ thuật xây dựng	Chuyên ngành			
665	Tổ chức giao thông công cộng	PTO331	2	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Chuyên ngành			
666	Tổ chức lễ hội và sự kiện	FEO328	3	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Chuyên ngành			
667	Tổ chức thi công	CPS313	3	Kỹ thuật xây dựng Quản lý xây dựng	Chuyên ngành			
668	Toán tài chính	FIM308	2	Tài chính - Ngân hàng	Chuyên ngành			
669	Trang bị điện	ELI301	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			
670	Trang thiết bị công trình	ITE341	2	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
671	Trang trí chuyên ngành	SPD311	3	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
672	Tự động hóa quá trình sản xuất	APP311	2	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			
673	Tuyển điểm du lịch	TRD333	2	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Chuyên ngành			
674	Ứng dụng Revit trong xây dựng	ARC330	2	Kỹ thuật xây dựng	Chuyên ngành			
675	Vật liệu mới trong xây dựng Cầu Đường	NMA322	2	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chuyên ngành			
676	Vật liệu nội thất	INM321	2	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
677	Vật liệu tái chế	REM345	2	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
678	Vật liệu và kết cấu hiện đại	MMS334	2	Kiến trúc	Chuyên ngành			

679	Vật liệu và thi công công trình quảng cáo	MCA312	2	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
680	Vi điều khiển	MCO301	3	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Chuyên ngành			
681	Xã hội học đô thị	URS327	2	Kiến trúc	Chuyên ngành			
682	Xu hướng thiết kế Kiến trúc nội thất	IOC343	2	Thiết kế nội thất	Chuyên ngành			
683	Xử lý chất liệu	MAH330	2	Thiết kế đồ họa	Chuyên ngành			
684	Đồ án tốt nghiệp	CAP430	12	Quy hoạch vùng và Đô thị	Tốt nghiệp			
685	Đồ án tốt nghiệp	CAP432	12	Thiết kế đồ họa	Tốt nghiệp			
686	Đồ án tốt nghiệp	CAP443	12	Kiến trúc	Tốt nghiệp			
687	Đồ án tốt nghiệp	CAP449	12	Thiết kế nội thất	Tốt nghiệp			
688	Đồ án tốt nghiệp	FIP401	10	Công nghệ thông tin	Tốt nghiệp			
689	Đồ án tốt nghiệp	GPR429	10	Kỹ thuật xây dựng	Tốt nghiệp			
690	Đồ án tốt nghiệp	GPR430	6	Kỹ thuật xây dựng	Tốt nghiệp			
691	Đồ án tốt nghiệp	GRP409	10	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Tốt nghiệp			
692	Đồ án tốt nghiệp	PGR406	10	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Tốt nghiệp			
693	Đồ án tốt nghiệp	PGR439	10	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Tốt nghiệp			
694	Đồ án tốt nghiệp	THE423	10	Quản lý xây dựng	Tốt nghiệp			
695	Khóa luận tốt nghiệp	GRA401	6	Tài chính - Ngân hàng	Tốt nghiệp			
696	Khóa luận tốt nghiệp	GRA402	6	Kế toán	Tốt nghiệp			
697	Khóa luận tốt nghiệp	GRA403	6	Quản trị kinh doanh	Tốt nghiệp			
698	Khóa luận tốt nghiệp	GRA404	8	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Tốt nghiệp			
699	Khóa luận tốt nghiệp	GRA408	6	Quản trị kinh doanh du lịch	Tốt nghiệp			

700	Thực tập nhận thức	COP402	1	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Tốt nghiệp			
701	Thực tập nhận thức	COP403	1	Ngôn ngữ Trung quốc	Tốt nghiệp			
702	Thực tập tốt nghiệp	GTP405	3	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Tốt nghiệp			
703	Thực tập tốt nghiệp	ARP442	2	Kiến trúc	Tốt nghiệp			
704	Thực tập tốt nghiệp	GIN427	4	Kỹ thuật xây dựng	Tốt nghiệp			
705	Thực tập tốt nghiệp	GPR438	4	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Tốt nghiệp			
706	Thực tập tốt nghiệp	GRP401	4	Tài chính - Ngân hàng	Tốt nghiệp			
707	Thực tập tốt nghiệp	GRP402	4	Kế toán	Tốt nghiệp			
708	Thực tập tốt nghiệp	GRP403	4	Quản trị kinh doanh Quản trị kinh doanh du lịch	Tốt nghiệp			
709	Thực tập tốt nghiệp	GRP404	3	Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh du lịch	Tốt nghiệp			
710	Thực tập tốt nghiệp	GRP408	4	Quản trị kinh doanh du lịch	Tốt nghiệp			
711	Thực tập tốt nghiệp	GRP446	2	Thiết kế nội thất	Tốt nghiệp			
712	Thực tập tốt nghiệp	INT401	3	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	Tốt nghiệp			
713	Thực tập tốt nghiệp	INT402	4	Công nghệ thông tin	Tốt nghiệp			
714	Thực tập tốt nghiệp	INT422	4	Quản lý xây dựng	Tốt nghiệp			

D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
1		2018 - 2019	Giáo trình “Marketing căn bản” - ThS. Đỗ Thị Thủy, ThS. Lê Thị Quỳnh Anh, ThS. Mai Thị Thảo Chi
2		2018 - 2019	Nền và móng, Hướng dẫn đồ án nền và móng - TS. Nguyễn Phương Ngọc
3	Giáo trình lý luận về nhà nước pháp quyền - TS. Lê Văn Thao, NGUT.PGS.TS Nguyễn Hữu Ái	2019	
4	Hình học họa hình Tập 1 (Lý thuyết – bài tập có hướng dẫn và bài giải) - TS. Nguyễn Tư Đôn - Nxb GDVN	2013	
5	Bài tập kinh tế vi mô - ThS. Nguyễn Thị Đà, ThS. Nguyễn Thị Bích Thủy, ThS. Trương Hồng Trình - Xnb Tài chính	2010	
6	Giáo trình Kinh tế vi mô - PGS. Lê Thế giới (cb), ThS. Nguyễn Thị Đà - Xnb Tài chính	2010	
7	Ngân hàng Trung Ương - ThS. Lê Thị Minh Hương	2018	
8	Kế toán quốc tế - ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	2018	
9	Quản trị chất lượng dịch vụ - ThS. Mai Thị Thảo Chi	2018	
10	Quản trị hoạt động ngân hàng 1 - ThS. Vũ Hoàng Vy	2018	
11	Quản trị kinh doanh lưu trú - ThS. Nguyễn Thị Lê Loan	2018	
12	Cơ sở dữ liệu - ThS. Nguyễn Tất Phú Cường	2018	
13	Toán rời rạc - ThS. Triệu Thị Vy Vy	2017	

14	Lập trình Java cơ bản - ThS. Nguyễn Thị Vũ Thảo	2017	
15	Quản trị cung ứng dịch vụ - ThS. Trần Thị Hải	2017	
16	Cơ sở văn hóa Việt Nam - Nguyễn Xuân Hiệp	2017	
17	Thuế và báo cáo thuế - Phạm Thị Bích Vân	2017	
18	Lập trình hướng đối tượng - Đỗ Phúc Hào	2017	
19	Phát triển kỹ năng quản trị - Lê Thị Quỳnh Anh	2017	
20	Quản trị tài chính - ThS. Trần Thị Hải	2017	
21	Toán tài chính - ThS. Nguyễn Thị Nga My	2017	
22	Lý thuyết kiến trúc cảnh quan - TS. Nguyễn Ngọc Nương	2017	
23	Tổ chức lễ hội và sự kiện - ThS. Đỗ Thị Thủy	2017	
24	Kinh doanh xuất nhập khẩu - ThS. Trần Thị Hải	2016	
25	Lập báo cáo tài chính - ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	2016	
26	Kế toán ngân hàng - ThS. Lê Thị Minh Hương	2016	
27	Lập báo cáo tài chính - ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	2016	
28	Nhập môn tài chính - Tiên tậ - Phan Nguyên Thùy Trâm	2016	
29	Kế toán ngân hàng - Nguyễn Thị Ngọc	2016	
30	Ngân hàng Trung Ương - ThS. Trần Ngọc Minh Trang	2016	
31	Nguyên lý thống kê kinh tế - ThS. Nguyễn Thị Thu Hà	2016	
32	Tiếng Trung tổng hợp - ThS. Nguyễn Thị Ngọc Anh	2016	
33	Chuyên ngành ngôn ngữ Trung Quốc -Nghe 2 - ThS. Nguyễn Thị Ngọc Anh	2016	
34	Tiếng Trung tổng hợp II - ThS. Phạm Chu Uyên	2016	
35	Đồ án kết cấu nhà thép - Dương Thanh Huyền	2016	
36	Nguyên lý kế toán - ThS. Phan Thị Thu Hà	2016	

37	Phương pháp nghiên cứu khoa học - ThS. Trần Thị Yên Vinh	2016	
38	Lịch sử văn minh phương Tây – ThS. Đặng Thị Phượng	2016	
39	Phân tích tài chính doanh nghiệp - ThS. Trần Phụng Trân	2016	
40	Kế toán tài chính 1 - Nguyễn Thị Thanh Phương	2016	
41	Quy hoạch mạng lưới giao thông đô thị - Dương Văn Hoàng	2016	
42	Nói II - ThS. Phạm Chu Uyên	2016	
43	Quy hoạch mạng lưới giao thông đô thị - KTS. Dương Văn Hoàng	2016	
44	Quản trị Marketing - Đỗ Thị Thủy	2016	
45	Kế toán máy - Huỳnh Thị Trang	2016	
46	Kết cấu bê tông cốt thép - ThS. Nguyễn Quang Thịnh	2016	
47	Tài chính doanh nghiệp - ThS. Nguyễn Hồng Diệu Hương	2016	
48	Hệ thống thông tin kế toán - ThS. Lê Thị Cẩm Giang	2016	
49	Cấu tạo kiến trúc 2 - ThS. KTS Nguyễn Quang Bảo	2016	
50	Thị trường chứng khoán - ThS. Vũ Hoàng Vy	2016	
51	Kế toán quản trị - ThS. Lâm Xuân Đào	2016	
52	Thị trường chứng khoán - ThS. Vũ Hoàng Vy	2016	
53	Translation theory - M.A Trần Thị Thu Hương	2016	
54	Dự toán xây dựng	2016	
55	Ngôn ngữ lập trình C - ThS. Nguyễn Thị Xuân Thủy	2016	
56	Thị trường chứng khoán - ThS. Phan Thoại Chiêu	2016	
57	Phương pháp nghiên cứu khoa học - Trần Thị Ngọc Thương	2015	
58	Quy hoạch du lịch di sản - ThS.KTS. Nguyễn Lê Ngọc Thanh	2015	
59	Kết cấu bê tông cốt thép 1 - Nguyễn Quang Thịnh	2015	
60	Thuế và báo thuế - Nguyễn Xuân Hiệp	2015	

61	Hệ thống thông tin kế toán - ThS. Lê Thị Cẩm Giang	2015	
62	Research Methods - Bạch Quốc Hưng	2015	
63	Kiến trúc dân dụng - KTS. Phan Hoàng Trọng	2015	
64	Kỹ thuật thi công - TS. Nguyễn Hải Hoàn	2015	
65	Sức bền vật liệu 2 - Ngô Thị Kiều Linh	2015	
66	Thủy văn - Nguyễn Văn Hòa	2015	
67	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam - Ngô Thị Thu Trang	2015	
68	Quản trị học - CN. Ngô Lê Uyên	2015	
69	Kế toán tài chính doanh nghiệp 1 (quyển 1) - ThS. Phạm Minh Phương	2015	
70	Kế toán tài chính doanh nghiệp 1 (quyển 2) - ThS. Phạm Minh Phương	2015	
71	Phương pháp nghiên cứu khoa học - Trần Thị Ngọc Thương	2015	
72	Thiết kế đô thị - ThS. KTS. Phan Trần Kiều Trang	2015	
73	Kiểm toán tài chính - ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	2015	
74	Quản trị hành chính văn phòng -ThS. Nguyễn Thị Lê Loan	2015	
75	Hình học họa hình 1 - ThS. Lê Xuân Hòa	2015	
76	Phát triển kỹ năng quản trị - ThS. Lưu Khánh Hiền	2015	
77	Kinh tế vi mô - CN.Lê Thị Kim Ngân	2015	
78	Kinh tế bảo hiểm - Lê Thị Minh Tâm	2015	
79	A thesis submitted in partial fulfillment of the requirements for the degree of master of fine arts program in visual arts at Mahasarakham University 2015 - Đặng Thị Phương	2015	
80	A thesis submitted in partial fulfillment of the requirements for the degree of master of fine arts program in visual arts at Mahasarakham	2015	

	University 2015 - Nguyễn Văn Quốc Tuấn		
81	Marketing căn bản - ThS. Lưu Cẩm Trúc	2015	
82	Kiểm toán cơ bản - ThS. Phạm Thị Minh Phương	2015	
83	Thị trường và các định chế tài chính - ThS. Ngô Đức Chiến	2015	
84	Tổ chức thi công và đồ án tổ chức thi công - KS. Nguyễn Thái Minh Tiên	2015	
85	Hình học họa hình 1 (hình chiếu vuông góc) - KTS. Ngô Tú	2015	
86	Hình chiếu phối cảnh - CN. Lê Thị Thùy Dung	2015	
87	Kế toán tài chính doanh nghiệp 3 - Nguyễn Thị Hà My	2015	
88	Tài chính quốc tế - ThS. Vũ Hoàng Vy	2015	
89	Kỹ năng mềm - ThS. Lưu Khánh Hiền	2015	
90	Lập báo cáo tài chính - ThS. Phạm Thị Bích Vân	2015	
91	Kinh tế vĩ mô - Nguyễn Thị Kim Liên	2015	

E. Công khai thông tin về đề án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp

- Trình độ Tiến sĩ: Không
- Trình độ Thạc sĩ: Không
- Trình độ Đại học: Chi tiết như sau

NGÀNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn 1	Họ và tên người hướng dẫn 2	Nội dung tóm tắt
1	Đại học chính quy	Trường Cao đẳng Xây dựng thành phố Vinh	Bùi Thanh Cao	ThS. Nguyễn Hoàng Thu Thủy	ThS. Đỗ Thanh Vũ	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
2	Đại học chính quy	Bệnh viện VINMEC Thành phố Quảng Ngãi	Bùi Khương Duy	ThS. Nguyễn Hoàng Thu Thủy	ThS. Đỗ Thanh Vũ	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
3	Đại học chính quy	Ký túc xá Đại học Y dược TP Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Giai	ThS. Nguyễn Hoàng Thu Thủy	ThS. Đỗ Thanh Vũ	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
4	Đại học chính quy	Chung cư Anh ngữ quốc tế Thành phố Quy Nhơn	Phan Phước Hiếu	ThS. Nguyễn Hoàng Thu Thủy	ThS. Đỗ Thanh Vũ	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
5	Đại học chính quy	Nhà làm việc Sở giáo dục và đào tạo - TP Tam Kỳ	Phan Đình Hoàng	ThS. Nguyễn Hoàng Thu Thủy	ThS. Đỗ Thanh Vũ	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
6	Đại học chính quy	Nhà làm việc UBND TP Đà Nẵng	Lê Tiến Hùng	ThS. Nguyễn Thế Sơn	ThS. Nguyễn Quang Trung	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
7	Đại học chính quy	Chung cư NTH TP Buôn Mê Thuật - Đắk Lắk	Nguyễn Phi Hùng	ThS. Nguyễn Thế Sơn	ThS. Nguyễn Quang Trung	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
8	Đại học	Chung cư Nam Hà - TP Đông	Lê Công Huy	ThS. Nguyễn	ThS. Đỗ Thanh	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện

	chính quy	Hà		Hoàng Thu Thủy	Vũ	pháp thi công cho công trình
9	Đại học chính quy	Trường Đại học Quy Nhơn	Trần Quốc Huy	ThS. Nguyễn Thế Sơn	ThS. Nguyễn Quang Trung	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
10	Đại học chính quy	Nhà điều trị lưu trú bệnh viện Đa khoa TP Vinh	Phạm Xuân Hưng	ThS. Đinh Thị Như Thảo	ThS. Nguyễn Quang Trung	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
11	Đại học chính quy	Ký túc xá Học viện Kỹ thuật Quân sự TP Hồ Chí Minh	Mai Chí Linh	ThS. Đinh Thị Như Thảo	ThS. Nguyễn Quang Trung	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
12	Đại học chính quy	Chung cư Khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc	Nguyễn Văn Minh	ThS. Đinh Thị Như Thảo	ThS. Nguyễn Quang Trung	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
13	Đại học chính quy	Trụ sở liên cơ quan tỉnh Thừa Thiên Huế - TP Huế	Đặng Hoàng Lê Na	ThS. Nguyễn Hoàng Thu Thủy	ThS. Đỗ Thanh Vũ	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
14	Đại học chính quy	Nhà làm việc trường Cao đẳng thương mại TPHCM	Trần Thành Nam	ThS. Nguyễn Hoàng Thu Thủy	ThS. Đỗ Thanh Vũ	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
15	Đại học chính quy	Block B - Khu chung cư Tân Thành - Quận 2 - TPHCM	Nguyễn Thành Nghĩa	ThS. Đinh Thị Như Thảo	ThS. Nguyễn Quang Trung	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
16	Đại học chính quy	Trụ sở công an tỉnh Quảng Ngãi	Trần Anh Quyền	ThS. Đinh Thị Như Thảo	ThS. Nguyễn Quang Trung	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
17	Đại học chính quy	Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Quảng Bình	Nguyễn Đức Tài	ThS. Đinh Thị Như Thảo	ThS. Nguyễn Quang Trung	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
18	Đại học chính quy	Chung cư An Thịnh - Quận 2 - TP Hồ Chí Minh	Trịnh Đình Tiến	ThS. Đinh Thị Như Thảo	ThS. Nguyễn Quang Trung	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
19	Đại học chính quy	Nhà làm việc VB Bank - Gia Lai	Quách Anh Tuấn	ThS. Nguyễn Thị Huyền Vân	ThS. Phan Quang Vinh	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình

20	Đại học chính quy	Khu chức năng Bệnh viện Ninh Thuận	Trần Nguyễn Song Tuấn	ThS. Nguyễn Thị Huyền Vân	ThS. Phan Quang Vinh	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
21	Đại học chính quy	Khu chung cư Phú Bình - TP Huế	Trần Quang Tuệ	ThS. Nguyễn Thị Huyền Vân	ThS. Phan Quang Vinh	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
22	Đại học chính quy	Khu chung cư Công đoàn - TP Đông Hà	Nguyễn Duy Tùng	ThS. Nguyễn Thị Huyền Vân	ThS. Phan Quang Vinh	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
23	Đại học chính quy	Khu chung cư - TP Nha Trang	Phan Xuân Tứ	ThS. Nguyễn Thị Huyền Vân	ThS. Phan Quang Vinh	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
24	Đại học chính quy	Văn phòng cho thuê - TP Đông Hà	Trương Quang Thắng	ThS. Nguyễn Thị Huyền Vân	ThS. Phan Quang Vinh	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
25	Đại học chính quy	Ban quản lý Khu kinh tế mở Gia Lai	Hồ Diễm Thương	ThS. Nguyễn Hoàng Thu Thủy	ThS. Đỗ Thanh Vũ	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
26	Đại học chính quy	Chung cư Nhà ở xã hội TP Huế	Lô Thị Quỳnh Trang	ThS. Dương Thanh Huyền	ThS. Phan Quang Vinh	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
27	Đại học chính quy	Khách sạn Trà Lam - TP Tam Kỳ	Hồ Tấn Trúc	ThS. Dương Thanh Huyền	ThS. Nguyễn Quốc Toàn	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
28	Đại học chính quy	Chung cư NTT TP Quảng Ngãi	Nguyễn Ngọc Trung	ThS. Dương Thanh Huyền	ThS. Nguyễn Quốc Toàn	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
29	Đại học chính quy	Nhà sách thành phố Buôn Mê Thuột	Nguyễn Thành Trung	ThS. Nguyễn Thị Huyền Vân	ThS. Phan Quang Vinh	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
30	Đại học chính quy	Nhà làm việc trường Cao đẳng Kinh tế kế hoạch - TP Hà Tĩnh	Nguyễn Văn Trung	ThS. Dương Thanh Huyền	ThS. Nguyễn Quốc Toàn	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
31	Đại học chính quy	Nhà xuất bản Quy Nhơn	Trần Huỳnh Đức Việt	ThS. Dương Thanh Huyền	ThS. Nguyễn Quốc Toàn	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình

32	Đại học chính quy	Khách sạn Future - TP Quảng Ngãi	Đặng Quốc Chí	TS. Bùi Thiên Lam	ThS. Trần Đình Mạnh Linh	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
33	Đại học chính quy	Ngân hàng BIDV Quảng Nam	Phạm Nguyễn Thiện Chí	TS. Bùi Thiên Lam	ThS. Trần Đình Mạnh Linh	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
34	Đại học chính quy	Khách sạn TADU Thành phố Đà Nẵng	Nguyễn Tăng Dũng	TS. Bùi Thiên Lam	ThS. Trần Đình Mạnh Linh	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
35	Đại học chính quy	Mabelle Hotel - Quận Ngũ Hành Sơn - TP Đà Nẵng	Nguyễn Hoài Tường Duy	ThS. Nguyễn Hồng Chinh	ThS. Nguyễn Quốc Toàn	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
36	Đại học chính quy	Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Đắk Lắk	Lê Văn Dự	TS. Bùi Thiên Lam	ThS. Trần Đình Mạnh Linh	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
37	Đại học chính quy	Mabelle Hotel - Quận Ngũ Hành Sơn - TP Đà Nẵng	Phan Trùng Dương	ThS. Nguyễn Hồng Chinh	ThS. Nguyễn Quốc Toàn	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
38	Đại học chính quy	Chung cư The Sun - TP Quy Nhơn	Trần Văn Đại	TS. Bùi Thiên Lam	ThS. Trần Đình Mạnh Linh	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
39	Đại học chính quy	Chung cư Hòa Bình Green Hà Nội	Phạm Mạnh Đình	ThS. Phạm Văn An	ThS. Trần Đình Mạnh Linh	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
40	Đại học chính quy	Ký túc xá Hà Nam	Chu Thanh Hà	TS. Bùi Thiên Lam	ThS. Trần Đình Mạnh Linh	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
41	Đại học chính quy	Cao ốc Nguyên An Thành phố Đông Hà	Nguyễn Công Hiếu	ThS. Phạm Xuân Hiệu	TS. Lê Khánh Toàn	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
42	Đại học chính quy	Ký túc xá Đại học Xây dựng	Bùi Đình Huy	ThS. Phạm Văn An	ThS. Trần Đình Mạnh Linh	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
43	Đại học chính quy	Nhà làm việc trường Cao đẳng Thương mại Quảng Nam	Nguyễn Trọng Huy	ThS. Phạm Văn An	TS. Lê Khánh Toàn	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình

44	Đại học chính quy	Khu căn hộ Quận Sơn Trà - TP Đà Nẵng	Phan Anh Kiệt	TS. Bùi Thiên Lam	ThS. Trần Đình Mạnh Linh	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
45	Đại học chính quy	Bệnh viện Y học cổ truyền Quân đội - TP Hà Nội	Nguyễn Huy Minh	ThS. Phạm Văn An	TS. Lê Khánh Toàn	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
46	Đại học chính quy	Chung cư Hòa Xuân - Quận Cẩm Lệ - TP Đà Nẵng	Nguyễn Thành Minh	ThS. Phạm Văn An	TS. Lê Khánh Toàn	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
47	Đại học chính quy	Trường Đại học TP Pleiku	Lương Quý Nhân	ThS. Phạm Xuân Hiệu	TS. Lê Khánh Toàn	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
48	Đại học chính quy	Chung cư Shome Thành phố Hồ Chí Minh	Phạm Hữu Phát	ThS. Phạm Văn An	TS. Lê Khánh Toàn	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
49	Đại học chính quy	Khách sạn Hải Hà - TP Đà Nẵng	Nguyễn Xuân Quý	ThS. Phạm Xuân Hiệu	TS. Lê Khánh Toàn	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
50	Đại học chính quy	Trụ sở UBND Thành phố Thanh Hóa	Lê Văn Toán	ThS. Phạm Xuân Hiệu	TS. Lê Khánh Toàn	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
51	Đại học chính quy	Khách sạn Hải Hà - TP Nha Trang	Văn Đình Tú	ThS. Nguyễn Thế Sơn	ThS. Phan Quang Vinh	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
52	Đại học chính quy	Ký túc xá sinh viên Số 1 - TP Đà Nẵng	Đặng Trần Khánh Tuấn	ThS. Nguyễn Thế Sơn	ThS. Phan Quang Vinh	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
53	Đại học chính quy	Chung cư HT 95 - TP Vinh - tỉnh Nghệ An	Nguyễn Trọng Thông	ThS. Phạm Xuân Hiệu	TS. Lê Khánh Toàn	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
54	Đại học chính quy	Nhà xuất bản Đà Nẵng	Võ Thành Thông	ThS. Phạm Xuân Hiệu	TS. Lê Khánh Toàn	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
55	Đại học chính quy	Khách sạn Duyên hải - TP Đà Nẵng	Võ Đăng Trí	ThS. Phạm Xuân Hiệu	TS. Lê Khánh Toàn	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình

56	Đại học chính quy	Ký túc xá sinh viên TP Đà Nẵng	Hoàng Văn Trường	ThS. Nguyễn Thế Sơn	ThS. Phan Quang Vinh	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
57	Đại học chính quy	Khách sạn Seven Thành phố Đà Nẵng	Nguyễn Văn Trường	ThS. Nguyễn Thế Sơn	ThS. Phan Quang Vinh	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
58	Đại học chính quy	Chung cư SHB Hội An	Nguy Như Vương	ThS. Trần Thị Nhật Nguyên	ThS. Nguyễn Trần Vũ	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
59	Đại học chính quy	Trường Đại học Tôn Đức Thắng - TPHCM	Đoàn Văn Yên	ThS. Trần Thị Nhật Nguyên	ThS. Nguyễn Trần Vũ	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
60	Đại học chính quy	Chung cư cao cấp Ngôi sao - Quận 1 - TPHCM	Võ Ngọc Bang	ThS. Nguyễn Thạc Vũ	ThS. Trần Minh Trí Thành	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
61	Đại học chính quy	Trường Cao đẳng Y tế Nha Trang	Huỳnh Phú Cang	ThS. Bùi Minh Cảnh	ThS. Ngô Trí Phước	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
62	Đại học chính quy	Khối lớp học Cao đẳng nghề Hải Phòng	Lê Đình Dũng	ThS. Bùi Minh Cảnh	ThS. Ngô Trí Phước	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
63	Đại học chính quy	Nhà sách Bạch Đằng	Đình Hải Dương	ThS. Nguyễn Thị Ngọc Anh	ThS. Nguyễn Trần Vũ	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
64	Đại học chính quy	Trường Đại học Vinh - tỉnh Nghệ An	Phan Trùng Dương	ThS. Nguyễn Thị Ngọc Anh	ThS. Nguyễn Trần Vũ	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
65	Đại học chính quy	Trung tâm Giới thiệu việc làm	Võ Thành Đạt	ThS. Nguyễn Thị Ngọc Anh	ThS. Nguyễn Trần Vũ	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
66	Đại học chính quy	Chung cư Hòa Xuân	Trần Trọng Hân	ThS. Nguyễn Thị Ngọc Anh	ThS. Nguyễn Trần Vũ	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
67	Đại học chính quy	Trụ sở làm việc tỉnh Quảng Nam	Hồ Đức Hòa	ThS. Nguyễn Thị Ngọc Anh	ThS. Nguyễn Trần Vũ	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình

68	Đại học chính quy	Công ty TNHH Tiên Lợi	Nguyễn Văn Hùng	ThS. Nguyễn Thị Ngọc Anh	ThS. Nguyễn Trần Vũ	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
69	Đại học chính quy	Nhà điều trị lưu trú bệnh viện Đa khoa TP Quảng Ngãi	Lê Văn Huy	ThS. Nguyễn Thạc Vũ	ThS. Trần Minh Trí Thành	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
70	Đại học chính quy	Cao ốc Á Châu - TP Hồ Chí Minh	Trần Nhật Huy	ThS. Nguyễn Thị Ngọc Anh	ThS. Nguyễn Trần Vũ	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
71	Đại học chính quy	Nhà làm việc công ty Tư vấn Xây dựng và phát triển Gia Lai	Nguyễn Đình Khương	ThS. Nguyễn Thạc Vũ	ThS. Trần Minh Trí Thành	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
72	Đại học chính quy	Trụ sở làm việc báo Tuổi trẻ Thành phố Hồ Chí Minh	Bùi Thanh Liêm	ThS. Nguyễn Thạc Vũ	ThS. Trần Minh Trí Thành	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
73	Đại học chính quy	Chung cư Hoàng Ngân - P.Hòa Xuân - Q. Cẩm Lệ - TP Đà Nẵng	Phan Văn Lĩnh	ThS. Nguyễn Minh Trung	ThS. Trần Minh Trí Thành	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
74	Đại học chính quy	Chung cư Vinaconex TP Đà Nẵng	Nguyễn Hoàng Lộc	ThS. Nguyễn Minh Trung	ThS. Trần Minh Trí Thành	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
75	Đại học chính quy	Ký túc xá Đại học	Dương Ngọc Nhớ	ThS. Phan Xuân Bình	TS. Đặng Công Thuật	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
76	Đại học chính quy	Khách sạn Marilyn Hotel	Nguyễn Đình Phước	ThS. Phạm Văn An	ThS. Trần Đình Mạnh Linh	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
77	Đại học chính quy	Nhà làm việc công ty Phúc Gia	Đình Xuân Quý	ThS. Phan Xuân Bình	TS. Đặng Công Thuật	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
78	Đại học chính quy	Văn phòng Ban quản lý khu Kinh tế mở Chu Lai	Trương Đăng Sâm	ThS. Nguyễn Minh Trung	TS. Đặng Công Thuật	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
79	Đại học chính quy	Blue Diamond Hotel - Phường Đông Lễ - TP Đông Hà	Trương Đình Thanh Sơn	ThS. Nguyễn Minh Trung	TS. Đặng Công Thuật	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình

80	Đại học chính quy	Bệnh viện Nhân Ái - Huyện Đô Lương - Tỉnh Nghệ An	Nguyễn Hữu Tài	ThS. Nguyễn Minh Trung	TS. Đặng Công Thuật	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
81	Đại học chính quy	Chung cư Trịnh Gia Đà Nẵng	Trịnh Văn Tân	ThS. Phan Xuân Bình	TS. Đặng Công Thuật	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
82	Đại học chính quy	Chung cư cao cấp Diamond - TP Đà Nẵng	Nguyễn Văn Tuấn	ThS. Phan Xuân Bình	TS. Đặng Công Thuật	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
83	Đại học chính quy	Chung cư Quận Ngũ Hành Sơn - TP Đà Nẵng	Lê Văn Tự	ThS. Nguyễn Minh Trung	ThS. Trần Minh Trí Thành	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
84	Đại học chính quy	Khách sạn Seven Hải Châu - TP Đà Nẵng	Nguyễn Huy Tý	ThS. Nguyễn Minh Trung	ThS. Trần Minh Trí Thành	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
85	Đại học chính quy	Ký túc xá Đại học Kiến trúc Đà Nẵng	Nguyễn Trọng Thắng	ThS. Phan Xuân Bình	TS. Đặng Công Thuật	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
86	Đại học chính quy	Trường Cao đẳng Thương mại Đà Nẵng	Phan Văn Thắng	ThS. Phan Xuân Bình	TS. Đặng Công Thuật	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
87	Đại học chính quy	Bệnh viện Đa khoa huyện Tư Nghĩa - Quảng Ngãi	Trần Đăng Thật	ThS. Nguyễn Thạc Vũ	ThS. Trần Minh Trí Thành	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
88	Đại học chính quy	Chung cư Hòa Xuân Thành phố Đà Nẵng	Nguyễn Đình Vinh	ThS. Nguyễn Thạc Vũ	ThS. Trần Minh Trí Thành	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
89	Đại học chính quy	Chi cục thuế Quận Hải Châu - TP Đà Nẵng	Thân Đức Yên	ThS. Nguyễn Thạc Vũ	ThS. Trần Minh Trí Thành	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
90	Đại học chính quy	Ký túc xá sinh viên Quảng Trị	Phan Châu Tuấn Anh	ThS. Phan Xuân Bình	TS. Đặng Công Thuật	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
91	Đại học chính quy	Nhà sách Vinpearl TP Nha Trang	Nguyễn Thanh Bình	ThS. Nguyễn Hoàng Thu Thủy	ThS. Đỗ Thanh Vũ	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình

92	Đại học chính quy	Khách sạn Sakura - Quận Ngũ Hành Sơn - TP Đà Nẵng	Cao Đăng Chung	ThS. Nguyễn Hoàng Thu Thủy	ThS. Đỗ Thanh Vũ	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
93	Đại học chính quy	Chung cư An Phú - TP Hồ Chí Minh	Bùi Khương Duy	ThS. Bùi Minh Cảnh	ThS. Ngô Trí Phước	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
94	Đại học chính quy	Nhà điều hành Tập đoàn viễn thông Cần Thơ	Phạm Văn Đệ	ThS. Bùi Minh Cảnh	ThS. Ngô Trí Phước	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
95	Đại học chính quy	Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Bình	Lê Thị Thúy Hằng	ThS. Nguyễn Hoàng Thu Thủy	ThS. Đỗ Thanh Vũ	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
96	Đại học chính quy	Khối lớp học Đại học Huế	Nguyễn Văn Hoàng	ThS. Nguyễn Văn Nam	ThS. Ngô Quốc Khánh	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
97	Đại học chính quy	Trụ sở làm việc công an Từ Sơn	Tổng Thanh Hoàng	ThS. Bùi Minh Cảnh	ThS. Ngô Trí Phước	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
98	Đại học chính quy	Ngân hàng BIDV TP Thanh Hóa	Nguyễn Ngọc Khiêm	ThS. Nguyễn Hoàng Thu Thủy	ThS. Đỗ Thanh Vũ	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
99	Đại học chính quy	Nhà làm việc công ty cổ phần nhựa Opec	Nguyễn Phú Nghĩa	ThS. Bùi Minh Cảnh	ThS. Ngô Trí Phước	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
100	Đại học chính quy	Nhà làm việc Ban quản lý khu công nghiệp Dĩ An	Doãn Hữu Ngọc	ThS. Bùi Minh Cảnh	ThS. Ngô Trí Phước	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
101	Đại học chính quy	Khu A - Bệnh viện Quận 9 - TPHCM	Nguyễn Bảo Nguyên	ThS. Bùi Minh Cảnh	ThS. Ngô Trí Phước	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
102	Đại học chính quy	Trụ sở cục Hải quan TP Đà Nẵng	Đặng Văn Phúc	ThS. Nguyễn Văn Nam	ThS. Ngô Quốc Khánh	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
103	Đại học chính quy	Trụ sở Tổng công ty xây dựng Đại Nam - Gia Lai	Lê Văn Quang	ThS. Nguyễn Văn Nam	ThS. Ngô Quốc Khánh	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình

104	Đại học chính quy	Khách sạn Ngọc Phương - TP Đồng Hới - Quảng Bình	Đình Việt Quân	ThS. Nguyễn Văn Nam	ThS. Ngô Quốc Khánh	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
105	Đại học chính quy	Trung tâm quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai	Nguyễn Đức Sâm	ThS. Nguyễn Văn Nam	ThS. Ngô Quốc Khánh	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
106	Đại học chính quy	Bệnh viện Đa khoa TP Đồng Hới - Tỉnh Quảng Bình	Phan Ngọc Sơn	ThS. Nguyễn Văn Nam	ThS. Ngô Quốc Khánh	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
107	Đại học chính quy	Văn phòng cho thuê Trần Hưng Đạo - TP Tam Kỳ - Quảng Nam	Nguyễn Văn Tín	ThS. Nguyễn Văn Nam	ThS. Ngô Quốc Khánh	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
108	Đại học chính quy	Khách sạn Decima - TP Tam Kỳ - Quảng Nam	Hà Đức Tịnh	ThS. Nguyễn Hồng Chinh	ThS. Nguyễn Quốc Toàn	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
109	Đại học chính quy	Trụ sở cơ quan TP Tam Kỳ - Quảng Nam	Trần Xuân Thịnh	ThS. Nguyễn Hồng Chinh	ThS. Nguyễn Quốc Toàn	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
110	Đại học chính quy	Khu nhà ở Sinh viên Đại học Sư phạm Quảng Ngãi	Võ Minh Trình	ThS. Nguyễn Hồng Chinh	ThS. Nguyễn Quốc Toàn	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
111	Đại học chính quy	Văn phòng làm việc Ban quản lý Cảng Quy Nhơn - Bình Định	Nguyễn Văn Trường	ThS. Nguyễn Hồng Chinh	ThS. Nguyễn Quốc Toàn	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
112	Đại học chính quy	Chung cư An Bàng - TP Hội An - Quảng Nam	Đỗ Văn Vũ	ThS. Nguyễn Hồng Chinh	ThS. Nguyễn Quốc Toàn	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
113	Đại học chính quy	Ký túc xá trường Cao đẳng Y - TP Hà Tĩnh	Đậu Ngọc Hùng	ThS. Nguyễn Hoàng Thu Thủy	ThS. Đỗ Thanh Vũ	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
114	Đại học chính quy	Trường THPT Trần Hưng Đạo - tỉnh Nghệ An	Nguyễn Phúc Đước	ThS. Nguyễn Hoàng Thu Thủy	ThS. Đỗ Thanh Vũ	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
115	Đại học chính quy	Ký túc xá ĐH Nông lâm -TP Pleiku - Gia Lai	Nguyễn Hữu Bảo	ThS. Dương Thanh Huyền	ThS. Nguyễn Quốc Toàn	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình

116	Đại học chính quy	Chung cư Xuân Phú - TP Huế	Trần Công Đôn	ThS. Dương Thanh Huyền	ThS. Nguyễn Quốc Toàn	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
117	Liên thông đại học	Chung cư Golden View - TP Hồ Chí Minh	Phạm Tấn Chung	ThS. Phạm Xuân Hiệu	ThS. Trần Đình Mạnh Linh	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
118	Liên thông đại học	Trường Đại học Pleiku	Nguyễn Tác Hải	ThS. Phạm Xuân Hiệu	ThS. Trần Đình Mạnh Linh	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
119	Liên thông đại học	Trường CĐ Giao thông vận tải II - Q. Liên Chiểu - TP Đà Nẵng	Huỳnh Công Hậu	ThS. Phạm Xuân Hiệu	ThS. Trần Đình Mạnh Linh	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
120	Liên thông đại học	Văn phòng chi cục thuế Q. Ngũ Hành Sơn - TP Đà Nẵng	Phạm Thị Hồng Huyền	ThS. Phạm Xuân Hiệu	ThS. Trần Đình Mạnh Linh	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
121	Liên thông đại học	Nhà làm việc trường CĐ Thương mại - Quận Thanh Khê	Trần Văn Khánh	ThS. Phan Xuân Bình	ThS. Nguyễn Dương Khánh Tâm	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
122	Liên thông đại học	Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn - Thanh Hóa	Ngô Văn Khương	ThS. Bùi Minh Cảnh	ThS. Ngô Trí Phước	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
123	Liên thông đại học	Chung cư An Phú Hưng - TP Hà Nội	Trần Duy Linh	ThS. Bùi Minh Cảnh	ThS. Ngô Trí Phước	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
124	Liên thông đại học	Chung cư Hòa Phú - TPHCM	Lê Văn Minh	ThS. Bùi Minh Cảnh	ThS. Ngô Trí Phước	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
125	Liên thông đại học	Nhà khách UBND tỉnh Khánh Hòa	Nguyễn Lương Phong	ThS. Bùi Minh Cảnh	ThS. Ngô Trí Phước	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
126	Liên thông đại học	Trường THPT Nguyễn Hiền - Duy Xuyên - Quảng Nam	Lê Trung Quốc	ThS. Phan Xuân Bình	ThS. Nguyễn Dương Khánh Tâm	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình

127	Liên thông đại học	Ký túc xá trường Đại học Vinh	Nguyễn Hồng Quyết	ThS. Phan Xuân Bình	ThS. Nguyễn Dương Khánh Tâm	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
128	Liên thông đại học	Chung cư An Cựu - Thành phố Đà Nẵng	Lê Hồng Sơn	ThS. Phan Xuân Bình	ThS. Nguyễn Dương Khánh Tâm	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
129	Liên thông đại học	Nhà làm việc trường cao đẳng Kinh tế Huế	Phan Thanh Sơn	ThS. Nguyễn Thị Huyền Vân	ThS. Ngô Quốc Khánh	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
130	Liên thông đại học	Trụ sở UBND huyện Phù Mỹ	Nguyễn Trung Tín	ThS. Nguyễn Thị Huyền Vân	ThS. Ngô Quốc Khánh	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
131	Liên thông đại học	Ký túc xá trường Cao đẳng Công nghệ Đà Nẵng	Nguyễn Đình Thành	ThS. Nguyễn Thị Huyền Vân	ThS. Ngô Quốc Khánh	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình
132	Liên thông đại học	Trụ sở làm việc công ty TNHH TV&XD Quang Trung	Nguyễn Duy Trung	ThS. Nguyễn Thị Huyền Vân	ThS. Ngô Quốc Khánh	Thiết kế kiến trúc, kết cấu, lập biện pháp thi công cho công trình

NGÀNH NỘI THẤT

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện		Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Đại học	TKNT Resort Pullman Đà Nẵng	Đinh Thị Hồng	Nhung	GV. Huỳnh Lê Minh	
2	Đại học	TKNT Tropical House	Lê Văn	Thành	KTS. Đặng Hải Triều	
3	Đại học	TKNT Khu du lịch nghỉ dưỡng Moom Hotel	Trần Thị	Phương	GV. Nguyễn Văn Hiếu	
4	Đại học	TKNT Khách sạn Viễn Đông	Nguyễn Hữu	Đạt	GV. Trần Phan Anh Tú	
5	Đại học	TKNT Khách sạn Vinpearl Hotel	Nguyễn Văn	Lợi	GV. Trần Phan Anh Tú	
6	Đại học	TKNT Nhà trưng bày Hoàng Sa	Nguyễn Văn	Vinh	GV. Trần Vũ Thành Nhân	
7	Đại học	TKNT Trung tâm nghỉ dưỡng và chăm sóc Người cao tuổi " Uri Home"	Huỳnh Thị	Thảo	GV. Huỳnh Lê Minh	
8	Đại học	TKNT Khu du lịch nghỉ dưỡng The Dreamer Village	Lương Thị Hiền	Anh	GV. Nguyễn Văn Hiếu	
9	Đại học	TKNT Khách sạn A. Giàng	Phạm Văn	Hạnh	GV. Nguyễn Văn Hiếu	
10	Đại học	TKNT Café Home KITO	Hoàng Trọng	Kiều	GV. Đỗ Như Bảo	
11	Đại học	TKNT Biệt thự Hoa Phượng	Trần Văn	Nguyên	GV. Huỳnh Lê Minh	
12	Đại học	TKNT Homestay DUY House	Huỳnh Nguyên	Hậu	GV. Đỗ Như Bảo	
13	Đại học	TKNT Khách sạn Cao Nguyên	Đoàn Lê	Nam	GV. Đỗ Như Bảo	
14	Đại học	TKNT Khách sạn nghỉ dưỡng Suối Cạn	Nguyễn Hoài	Mỹ	GV. Nguyễn Văn Hiếu	
15	Đại học	TKNT Nursing Home	Trần Thị Thúy	Hằng	GV. Trần Vũ Thành Nhân	
16	Đại học	TKNT Villa Anshin	Hoàng Thị Thanh	Huyền	GV. Trần Phan Anh Tú	
17	Đại học	TKNT Bảo tàng Khoa học Hàng Không	Vũ Minh	Đạt	GV. Trần Vũ Thành Nhân	

18	Đại học	TKNT Penhouse	Nguyễn Thúy	Ly	GV. Trần Phan Anh Tú	
19	Đại học	TKNT Khách sạn Tân Khai Hoàn	Nguyễn Trung	Tường	GV. Nguyễn Văn Hiếu	
20	Đại học	TKNT Khách sạn nghỉ dưỡng Pullman	Trần Ngọc Kiều	Diễn	GV. Trần Phan Anh Tú	
21	Đại học	TKNT Resort Villa Beach Cửa Đại	Nguyễn Duy	Vũ	KTS. Đặng Hải Triều	
22	Đại học	TKNT Khách sạn Paradise Đà Lạt	Nguyễn Thị Huyền	Trang	GV. Trần Phan Anh Tú	
23	Đại học	TKNT Vinpearl Chăm Đà Nẵng	Phạm Thị Thúy	Uyên	GV. Đỗ Như Bảo	
24	Đại học	TKNT Nhà trưng bày làng nghề Cẩm Nê	Nguyễn Bá	Hung	ThS. Nguyễn Thị Hồng Tươi	
25	Đại học	TKNT Thư viện 43	Nguyễn Trọng	Phú	ThS. Nguyễn Thị Hồng Tươi	
26	Đại học	TKNT Bảo tàng Tỉnh Quảng Trị	Hồ Thị	Thanh	ThS. Nguyễn Văn Quốc Tuấn	
27	Đại học	TKNT Văn phòng Gallery CAO	Cao Tiến	Quang	ThS. Nguyễn Thị Hồng Tươi	
28	Đại học	TKNT Khu du lịch nghỉ dưỡng Mang Yang	Trần Nguyễn Anh	Thư	ThS. Nguyễn Văn Quốc Tuấn	
29	Đại học	TKNT Salf Spa	Mai Thị	Chung	ThS. Nguyễn Thị Hồng Tươi	
30	Đại học	TKNT Văn phòng thời trang trẻ em	Lê Thanh	Hoàng	GV. Trần Hải Hậu	
31	Đại học	TKNT Viện Hải dương học Đà Nẵng	Mai Thị	Phương	GV. Trần Hải Hậu	
32	Đại học	TKNT Văn phòng Hà Nội Hub	Đặng Thị Linh	Giang	ThS. Huỳnh Kim Phúc	
33	Đại học	TKNT Trung tâm bảo tồn phát triển thiên nhiên Sơn Trà	Nguyễn Hồng	Khánh	ThS. Nguyễn Thị Hồng Tươi	
34	Đại học	TKNT Khách Sạn	Phạm Thùy Anh	Thư	GV. Trần Hải Hậu	
35	Đại học	TKNT Resort Aqua	Cung Huỳnh Huyền	Trang	ThS. Nguyễn Văn Quốc Tuấn	
36	Đại học	TKNT Thư viện Tổng hợp Đà Nẵng	Lê Đoàn Thúy	Nga	GV. Trần Hải Hậu	
37	Đại học	TKNT Văn phòng thời trang Thom Browne	Trần Quỳnh	Thy	ThS. Nguyễn Thị Hồng Tươi	
38	Đại học	TKNT Trung tâm Giáo dục Cộng đồng	Phạm Thị Mỹ	Dung	ThS. Huỳnh Kim Phúc	
39	Đại học	TKNT Khu du lịch Khánh Long- Mỹ Khê	Lê Phan Yên	Nhi	KTS. Đặng Hải Triều	

40	Đại học	TKNT Công trình giáo dục Trường học Lũng Luông	Phạm Thị	Hải	ThS. Nguyễn Văn Quốc Tuấn	
41	Đại học	TKNT Khu nghỉ dưỡng Đảo Lý Sơn	Huỳnh Thị Ngọc	Trang	ThS. Huỳnh Kim Phúc	
42	Đại học	TKNT Khách san Liberty	Hoàng Đức	Hào	ThS. Huỳnh Kim Phúc	
43	Đại học	TKNT Trung tâm bảo tồn làng nghề Phú Văn - Kinh đô Quốc Mộc	Nguyễn Hoài	Nam	ThS. Nguyễn Thị Hồng Tươi	
44	Đại học	TKNT Văn phòng thiết kế thời trang An Kỳ	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	KTS. Đặng Hải Triều	
45	Đại học	TKNT Villa Richat	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	ThS. Nguyễn Thị Hồng Tươi	

NGÀNH QUẢN LÝ XÂY DỰNG

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn 1	Họ và tên người hướng dẫn 2	Nội dung tóm tắt
1	Đại học chính quy	Lập hồ sơ dự thầu xây lắp công trình Ký túc xá Đại học Kỹ thuật Y dược Đà Nẵng	Bùi Văn An	ThS. Đỗ Thanh Vũ	ThS. Ngô Thị Thanh Hiền	Thiết kế kiến trúc, lập biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công, tính giá dự thầu cho công trình
2	Đại học chính quy	Lập hồ sơ dự thầu xây lắp công trình Trung tâm Y tế dự phòng Đà Nẵng	Huỳnh Tiến Anh	ThS. Nguyễn Quốc Toàn	ThS. Lê Thị Phước	Thiết kế kiến trúc, lập biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công, tính giá dự thầu cho công trình
3	Đại học chính quy	Lập hồ sơ dự thầu xây lắp công trình Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên TP Vũng Tàu	Lê Gia Bảo	ThS. Nguyễn Quốc Toàn	ThS. Lê Thị Phước	Thiết kế kiến trúc, lập biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công, tính giá dự thầu cho công trình
4	Đại học chính quy	Lập dự án triển khai thi công công trình Ký túc xá công nhân thép Hòa Phát	Lê Tùng Dương	ThS. Đỗ Thanh Vũ	ThS. Ngô Thị Thanh Hiền	Thiết kế kiến trúc, lập biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công, tính doanh thu - chi phí triển khai thi công công trình
5	Đại học chính quy	Lập dự án triển khai thi công công trình Căn hộ khách sạn Sunhome Bà Nà - Hòa Vang - TP Đà Nẵng	Võ Văn Hiền	ThS. Đỗ Thanh Vũ	ThS. Ngô Thị Thanh Hiền	Thiết kế kiến trúc, lập biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công, tính doanh thu - chi phí triển khai thi công công trình
6	Đại học chính quy	Lập hồ sơ dự thầu xây lắp công trình Căn hộ khách sạn Sunhome Bà Nà - Hòa Vang - TP Đà Nẵng	Phùng Hữu Hiếu	ThS. Đỗ Thanh Vũ	ThS. Ngô Thị Thanh Hiền	Thiết kế kiến trúc, lập biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công, tính giá dự thầu cho công trình

7	Đại học chính quy	Lập hồ sơ dự thầu xây lắp công trình Chung cư Sông Hàn Plaza - TP Đà Nẵng	Trần Công Huệ	ThS. Đỗ Thanh Vũ	ThS. Ngô Thị Thanh Hiền	Thiết kế kiến trúc, lập biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công, tính giá dự thầu cho công trình
8	Đại học chính quy	Lập hồ sơ dự thầu xây lắp công trình Viện Kỹ thuật - Tài chính Đà Nẵng	Lê Thị Mỹ Lệ	ThS. Đỗ Thanh Vũ	ThS. Ngô Thị Thanh Hiền	Thiết kế kiến trúc, lập biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công, tính giá dự thầu cho công trình
9	Đại học chính quy	Lập hồ sơ dự thầu xây lắp công trình Bệnh viện chuyên khoa Sản nhi Thái Hòa - tỉnh Đồng Tháp	Lê Thị Linh	ThS. Nguyễn Quốc Toàn	ThS. Lê Thị Phước	Thiết kế kiến trúc, lập biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công, tính giá dự thầu cho công trình
10	Đại học chính quy	Lập hồ sơ dự thầu xây lắp công trình Nhà ứng dụng khoa học công nghệ - tỉnh Khánh Hòa	Cao Văn Lực	ThS. Nguyễn Quốc Toàn	ThS. Lê Thị Phước	Thiết kế kiến trúc, lập biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công, tính giá dự thầu cho công trình
11	Đại học chính quy	Lập hồ sơ dự thầu xây lắp công trình Chung cư CT8 - Hà Đông - TP Hà Nội	Bùi Trọng Nghĩa	ThS. Nguyễn Quốc Toàn	ThS. Lê Thị Phước	Thiết kế kiến trúc, lập biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công, tính giá dự thầu cho công trình
12	Đại học chính quy	Lập hồ sơ dự thầu xây lắp công trình Trụ sở UBND Thành phố Đồng Hới - Tỉnh Quảng Bình	Nguyễn Minh Nghĩa	ThS. Đỗ Thanh Vũ	ThS. Ngô Thị Thanh Hiền	Thiết kế kiến trúc, lập biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công, tính giá dự thầu cho công trình
13	Đại học chính quy	Lập hồ sơ dự thầu xây lắp công trình Khách sạn City View - TP Đà Nẵng	Nguyễn Thị Quý	ThS. Đỗ Thanh Vũ	ThS. Ngô Thị Thanh Hiền	Thiết kế kiến trúc, lập biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công, tính giá dự thầu cho công trình
14	Đại học chính quy	Lập hồ sơ dự thầu xây lắp công trình Tòa nhà làm việc công ty TCL - TPHCM	Nguyễn Thị Linh Sang	ThS. Nguyễn Quốc Toàn	ThS. Lê Thị Phước	Thiết kế kiến trúc, lập biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công, tính giá dự thầu cho công trình

15	Đại học chính quy	Lập hồ sơ dự thầu xây lắp công trình Tòa nhà Viettel Bình Dương - Tỉnh Bình Dương	Đặng Công Sĩ	ThS. Nguyễn Quốc Toàn	ThS. Lê Thị Phước	Thiết kế kiến trúc, lập biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công, tính giá dự thầu cho công trình
16	Đại học chính quy	Lập hồ sơ dự thầu xây lắp công trình Khách sạn Đặng Trâm - TP Đà Nẵng	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	ThS. Nguyễn Quốc Toàn	ThS. Lê Thị Phước	Thiết kế kiến trúc, lập biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công, tính giá dự thầu cho công trình
17	Đại học chính quy	Lập hồ sơ dự thầu xây lắp công trình Nhà làm việc Vietcombank Trà Nóc - TP Cần Thơ	Phạm Hoàng Tùng	ThS. Nguyễn Quốc Toàn	ThS. Lê Thị Phước	Thiết kế kiến trúc, lập biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công, tính giá dự thầu cho công trình

NGÀNH KIẾN TRÚC

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Đại học	Học viện Âm nhạc	Nguyễn Thị Thúy An	ThS.KTS. Trương Kim Minh Châu	
2	Đại học	Khách sạn Du Lịch-4 sao, 300 phòng	Lê Hoàng Anh	ThS.KTS. Trương Kim Minh Châu	
3	Đại học	Khách sạn Du Lịch Biển TP.Đà Nẵng	Nguyễn Trọng Anh	ThS.KTS. Nguyễn Phạm Kim Toàn	
4	Đại học	Khu phức hợp thương mại - ở - văn phòng	Phạm Đức Anh	ThS.KTS. Nguyễn Nho Viên	
5	Đại học	Khách sạn sinh thái 5 sao quận Ngũ Hành Sơn	Phạm Thành Công	ThS.KTS. Bùi Công Đoàn	
6	Đại học	Trường tiểu học Liên Chiểu - TP Đà Nẵng	Lưu Tấn Chí	ThS.KTS. Trương Kim Minh Châu	
7	Đại học	Trung tâm giao lưu, bảo tồn hò ví dặm tỉnh Nghệ An	Nguyễn Quang Dũng	ThS.KTS. Nguyễn Phạm Kim Toàn	
8	Đại học	Trung tâm văn hóa quảng bá du lịch tỉnh Bình Định	Hồ Tấn Đạt	ThS.KTS. Nguyễn Quang Bảo	
9	Đại học	Thiền Viện Trúc Lâm Măng Đen - Komtum	Phạm Bùi Minh Đạt	ThS.KTS. Trần Xuân Tuấn	
10	Đại học	Thư Viện Tổng hợp TP Đà Nẵng	Hoàng Hải Đông	ThS.KTS. Nguyễn Quang Bảo	
11	Đại học	Bảo tàng Văn hóa các dân tộc thiểu số vùng Tây Nguyên , tỉnh Gia Lai	Nguyễn Bùi Trần Đức	KTS. Mai Nhựt	
12	Đại học	Trung tâm giao lưu văn hóa quốc tế TP Đà Nẵng	Nguyễn Thanh Đức	TS.KTS. Lê Thị Ly Na	
13	Đại học	Trung tâm văn hóa-nghệ thuật tỉnh Hà Nam	Đỗ Tùng Hải	ThS.KTS. Nguyễn Quang Bảo	
14	Đại học	Trung tâm nghiên cứu ứng dụng trưng bày vật liệu Kiến trúc xanh	Nguyễn Minh Hải	ThS.KTS. Nguyễn Quang Bảo	

15	Đại học	Nhà ở Xã hội Hòa Xuân - TP Đà Nẵng	Nguyễn Văn Hải	ThS.KTS. Tôn Nữ Yến Ly	
16	Đại học	Trung tâm giao lưu văn hóa thanh thiếu niên Huyện Núi Thành	Nguyễn Thế Linh	ThS.KTS. Trương Kim Minh Châu	
17	Đại học	Trung tâm sinh hoạt dã ngoại thanh thiếu niên Đà Nẵng	Nguyễn Anh Long	ThS.KTS. Nguyễn Nho Viên	
18	Đại học	Trung tâm văn hóa thanh thiếu niên TP Đà Nẵng	Nguyễn Văn Mạnh	ThS.KTS. Nguyễn Thị Thanh Huyền	
19	Đại học	Ký túc xá sinh viên 400 phòng Tp Đà Nẵng	Đậu Thị Mến	KTS. Âu Ngọc Sơn	
20	Đại học	Trung tâm bảo tồn và phát triển voi Tây Nguyên	Nguyễn Hữu Nhân	ThS.KTS. Trần Xuân Tuấn	
21	Đại học	Trung tâm sinh hoạt và giao lưu văn hóa thanh niên Tỉnh Hà Tĩnh	Lê Văn Phúc	ThS.KTS. Nguyễn Xuân Sơn	
22	Đại học	Trung tâm văn hóa thanh thiếu niên Tp Đà Nẵng	Quách Hữu Quân	ThS.KTS. Phạm Bá Tất Thành	
23	Đại học	Bảo tàng làng mộc Kim Bồng - Hội An	Phạm Ngọc Tuấn	TS.KTS. Lê Thị Ly Na	
24	Đại học	Làng trẻ em SOS Tp. Pleiku, T Gia Lai	Lê Anh Thi	TS.KTS. Lê Thị Ly Na	
25	Đại học	Trường khiếm thị cho trẻ 5-15 tuổi	Trần Thị Hương Trang	ThS.KTS. Trương Kim Minh Châu	
26	Đại học	Trại trẻ mồ côi tỉnh Daklak	Nguyễn Thị Uyên	ThS.KTS. Trần Xuân Tuấn	
27	Đại học	Trung tâm bảo trợ người già T. Gia Lai	Nguyễn Thị Ái Vi	ThS.KTS. Lê Hữu Trình	
28	Đại học	Trung tâm Nghiên cứu và bảo tồn Động, thực vật Bán Đảo Sơn Trà	Phạm Thị Kim Viên	ThS.KTS. Dương Văn Hoàng	
29	Đại học	Khách sạn Paradise	Nguyễn Quốc Vương	ThS.KTS. Phạm Bá Tất Thành	
30	Đại học	Trường học nội trú vùng cao	Nguyễn Thị Phương Anh	ThS.KTS. Bùi Công Đoàn	

31	Đại học	Bảo tàng thất bại	Phan Thanh Việt	Anh	KTS. Hồ Phước Phương	
32	Đại học	Bảo tàng các làng nghề truyền thống ĐB Sông Hồng	Phạm Ngọc	Diệp	ThS.KTS. Lưu Hoàng Long	
33	Đại học	Nhà Văn hóa Đa năng TP Đà Nẵng	Nguyễn Kỳ	Duyên	KTS. Nguyễn Hữu Thành	
34	Đại học	Khách sạn nghỉ dưỡng ven biển	Nguyễn Hữu	Dương	ThS.KTS. Trần Xuân Tuấn	
35	Đại học	Khu phức hợp thương mại, dịch vụ cao ốc văn phòng Sơn Trà, Đà Nẵng.	Đậu Ngọc	Đức	ThS.KTS. Tôn Nữ Yến Ly	
36	Đại học	Thư viện tổng hợp TP. Thái Nguyên	Nguyễn Huy	Đức	ThS.KTS. Phan Trần Kiều Trang	
37	Đại học	Khách sạn du lịch biển TP Đà Nẵng	Đường Hoàng	Giang	ThS.KTS. Lê Thủy Tiên	
38	Đại học	Bảo tàng chứng tích chiến tranh Gia Lai	Đào Xuân	Hải	ThS.KTS. Phạm Thị Thùy Dương	
39	Đại học	Trường Nội Trú cấp 1-2 huyện Sơn Tây, Quảng Ngãi	Nguyễn Quang	Hiếu	ThS.KTS. Tôn Nữ Yến Ly	
40	Đại học	Trung tâm văn hóa thanh niên TP Đà Nẵng	Nguyễn Hiệu	Hòa	ThS.KTS. Võ Thành Nghĩa	
41	Đại học	Khu phức hợp Thương mại - Nhà ở - văn phòng cho thuê Tp. Vinh Tinh Nghệ An	Hồ Việt	Hung	ThS.KTS. Bùi Công Đoàn	
42	Đại học	Bảo tàng Hải quân Vũng Rô	Võ Lương	Kiệt	ThS.KTS. Nguyễn Quang Bảo	
43	Đại học	Trường Tiểu học Quốc Tế VIC	Đỗ Bảo	Khánh	ThS.KTS. Tôn Nữ Yến Ly	
44	Đại học	Bảo tàng văn hóa thời kì bao cấp	Nguyễn Lê Anh	Khoa	ThS.KTS. Phạm Minh Thắng	
45	Đại học	Tổ hợp căn hộ Khách sạn (Condotel 4 sao 200 phòng)	Chu Nhật	Lan	KTS. Âu Ngọc Sơn	
46	Đại học	Khách sạn Luxury (4 sao - 250 giường)	Nguyễn Võ	Lâm	ThS.KTS. Nguyễn Thị Thanh Huyền	
47	Đại học	Làng chài Nam ô - Village lancaster Nam Ô Resort	Lương Thế	Long	ThS.KTS. Phạm Bá Tất Thành	
48	Đại học	Khách sạn Du lịch Biển 4sao 300 giường	Nguyễn Đức	Mạnh	ThS.KTS. Lê Thủy Tiên	

49	Đại học	Khách sạn Bridge - TP Đà Nẵng	Tô Đức Ngọc		ThS.KTS. Nguyễn Thanh Tùng	
50	Đại học	Viện Dưỡng Lão	Nguyễn Quốc Nhật		ThS.KTS. Trương Kim Minh Châu	
51	Đại học	Khu phức hợp SAVB Tp Đà Nẵng (Trung tâm Thương mại - căn hộ - dịch vụ - văn phòng)	Đặng Văn Quang		ThS.KTS. Nguyễn Xuân Sơn	
52	Đại học	Trung tâm chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, tp Đà Nẵng	Vương Mạnh Quân		ThS.KTS. Trương Kim Minh Châu	
53	Đại học	Trung tâm chăm sóc trẻ em Mồ Côi, lang thang Bình Định	Nguyễn Ngọc Quý		ThS.KTS. Phạm Thị Thùy Dương	
54	Đại học	Khách sạn Du lịch TP. Đà Nẵng	Vũ Văn Tuấn		ThS.KTS. Dương Văn Hoàng	
55	Đại học	Trung tâm giao lưu văn hóa Nhật Bản tại Nha Trang	Lê Thái Thảo		KTS. Nguyễn Hữu Thành	
56	Đại học	Khách sạn nghỉ dưỡng Riverside the Cam Le resort	Đỗ Hồng Thiên		TS.KTS. Lê Thị Ly Na	
57	Đại học	Khách sạn Green Sea - 5 sao - 400 giường	Nguyễn Ngọc Thiện		KTS. Mai Nhựt	
58	Đại học	Trường Học vùng cao Mường Luống	Lê Thị Huyền Trang		KTS. Trương Văn Ngọc	
59	Đại học	Trung tâm nghiên cứu và phát triển chống biến đổi khí hậu Miền Trung	Phạm Quang Trân		ThS.KTS. Trương Kim Minh Châu	
60	Đại học	Khách sạn biển TWO VIEW - sao 300 phòng	Lê Xuân Trung		ThS.KTS. Nguyễn Xuân Sơn	
61	Đại học	Khách sạn 4 sao, 300 phòng	Hồ Văn Truyền		KTS. Phan Văn Tâm	
62	Đại học	Trường đại học kiến trúc Đà Nẵng	Lê Tuấn Anh		TS.KTS. Phạm Anh Tuấn	
63	Đại học	Trung tâm bảo tồn và phát triển văn hóa làng nghề Xứ Đoài	Nguyễn Thị Biển		ThS.KTS. Nguyễn Lê Ngọc Thanh	
64	Đại học	Trung tâm sinh hoạt văn hóa Đà Nẵng	Huỳnh Văn Bình		ThS.KTS. Tôn Nữ Yến Ly	
65	Đại học	Trung tâm giao lưu văn hóa dân tộc vùng núi	Nguyễn Hữu Duy		ThS.KTS. Nguyễn Phạm Kim Toàn	

		Tây Bắc			
66	Đại học	Trung tâm bảo trợ trẻ em khuyết tật Đà Nẵng	Mai Văn	Dự	ThS.KTS. Nguyễn Công Minh
67	Đại học	Trung tâm nghiên cứu phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo	Bùi Văn	Dương	ThS.KTS. Trần Văn Hoàng
68	Đại học	Viện nghiên cứu và phát triển nông nghiệp thăng đứng Tp HCM	Nguyễn Văn	Đại	ThS.KTS. Nguyễn Ngọc Bình
69	Đại học	Khu phức hợp DUCATO	Nguyễn Tri	Đức	ThS.KTS. Trương Kim Minh Châu
70	Đại học	Bảo tàng chiến tranh	Trần Thị Hồng	Hạnh	ThS.KTS. Huỳnh Đức Hồng
71	Đại học	Bảo tàng địa chất Phong Nha - Kẻ Bàng, Quảng Bình	Ma Thị Thu	Hiền	ThS.KTS. Võ Thành Nghĩa
72	Đại học	Trung tâm văn hóa nghệ thuật cung đình Huế	Nguyễn Văn	Hiệp	ThS.KTS. Nguyễn Thị Thanh Huyền
73	Đại học	Khách sạn 4 sao 250 phòng Reverse Hội An	Võ Đình	Hoan	ThS.KTS. Nguyễn Công Minh
74	Đại học	Bảo tàng chứng tích chiến tranh Sơn Mỹ	Võ Hữu	Hợp	ThS.KTS. Nguyễn Hồng Sơn
75	Đại học	Trung tâm nghiên cứu phát triển chè Tân Cương - Thái Nguyên	Vũ Việt	Hung	ThS.KTS. Võ Thành Nghĩa
76	Đại học	Bảo tàng hồi ức	Nguyễn Thị Liên	Hương	ThS.KTS. Phạm Bá Tất Thành
77	Đại học	Làng trẻ em SOS TP. Thanh hóa	Trần Văn	Lộc	ThS.KTS. Hà Trương
78	Đại học	Trung tâm thương mại và chung cư cao cấp LEO Center	Nguyễn Thành	Luân	ThS.KTS. Nguyễn Ngọc Bình
79	Đại học	Cơ sở xã hội trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt Quảng Nam	Nguyễn Văn	Lực	ThS.KTS. Võ Thành Nghĩa
80	Đại học	Khu du lịch nghỉ dưỡng đảo Phú Quý	Phạm Hữu	Nghĩa	ThS.KTS. Nguyễn Phạm Kim Toàn
81	Đại học	Trường học vùng cao	Hà Hoàng	Nguyên	ThS.KTS. Tôn Nữ Yến Ly
82	Đại học	Câu lạc bộ văn hóa thanh niên Đà Nẵng	Nông Thị	Nguyệt	ThS.KTS. Võ Thành Nghĩa

83	Đại học	Khách sạn Wind (4 sao - 300 phòng)	Huỳnh Thượng Phong	Phong	ThS.KTS. Nguyễn Phạm Kim Toàn	
84	Đại học	Khách sạn Phoenix (4 sao - 300 phòng)	Phạm Minh	Phụng	ThS.KTS. Nguyễn Thanh Tùng	
85	Đại học	Trung tâm giao lưu văn hóa dân tộc Tây Nguyên	Đỗ Bá	Phương	ThS.KTS. Tôn Nữ Yến Ly	
86	Đại học	Cải tạo chợ Cồn	Lê Minh	Quốc	ThS.KTS. Lê Thủy Tiên	
87	Đại học	Trung tâm nghiên cứu và bảo tồn đa dạng sinh học vườn quốc gia Bến En - Thanh hóa	Mai Ngọc	Son	ThS.KTS. Nguyễn Công Minh	
88	Đại học	Trung tâm quảng bá du lịch và lễ hội TP Hội An	Nguyễn Hồng	Son	ThS.KTS. Lê Hữu Trình	
89	Đại học	Đền thờ của mọi Tôn Giáo	Đỗ Xuân	Toàn	KTS. Trương Văn Ngọc	
90	Đại học	Khu phức hợp Thương mại-Dịch vụ-Nhà ở	Lê Anh	Tuấn	ThS.KTS. Nguyễn Quang Bảo	
91	Đại học	Trung tâm triển lãm sinh vật biển Đà Nẵng	Nguyễn Văn	Tuyển	ThS.KTS. Nguyễn Phạm Kim Toàn	
92	Đại học	Trường trung học nội trú vùng cao thị trấn Hòa Bình, Trương Dương, Nghệ An	Cao Đăng	Thạch	ThS.KTS. Lê Hữu Trình	
93	Đại học	Khách sạn du lịch biển Hội An	Dương Văn	Thành	ThS.KTS. Phạm Minh Thắng	
94	Đại học	Công viên thư viện tổng hợp	Trần Nguyễn Minh	Thuận	ThS.KTS. Nguyễn Quang Bảo	
95	Đại học	Trung tâm văn hóa nghệ thuật ChamPa	Phạm Phương	Thủy	ThS.KTS. Bùi Công Đoàn	
96	Đại học	Trung tâm triển lãm và nghiên cứu ứng dụng Tre	Mạch Văn	Trí	ThS.KTS. Thái Thành Hưng	
97	Đại học	Thư viện tổng hợp, TP Tam Kỳ, Quảng Nam	Huỳnh Thượng	Trường	ThS.KTS. Hà Trương	
98	Đại học	Nông trại giáo dục	Đậu Xuân	An	ThS.KTS. Nguyễn Ngọc Bình	
99	Đại học	Trung tâm bảo trợ trẻ em Hà Tĩnh	Lê Minh	Anh	ThS.KTS. Huỳnh Đức Hồng	
100	Đại học	Khách sạn 4 sao Sea-Travel Đà Nẵng	Trịnh Văn	Bính	ThS.KTS. Trần Văn Hoàng	

101	Đại học	Trung tâm ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và phát triển mô hình trồng rau quả sạch trong đô thị	Đỗ Tiến	Chấn	ThS.KTS. Nguyễn Xuân Sơn	
102	Đại học	Trung tâm bảo tồn và giao lưu văn hóa công chiêng Tây Nguyên	Trần	Đình	ThS.KTS. Trần Xuân Tuấn	
103	Đại học	Trung tâm sinh hoạt văn hóa cộng đồng Đà Nẵng	Hoàng Đức	Hải	ThS.KTS. Nguyễn Hồng Sơn	
104	Đại học	Bãi đỗ xe thông minh kết hợp trung tâm thương mại và giải trí thành phố Đà Nẵng	Trần Đại	Hiệp	ThS.KTS. Nguyễn Hồng Sơn	
105	Đại học	Trung tâm bảo tồn kiến trúc cổ Bắc Việt Nam	Đào Văn	Hùng	ThS.KTS. Thái Thành Hưng	
106	Đại học	Bảo tàng Thống Nhất	Hồ Đăng	Huỳnh	ThS.KTS. Nguyễn Hồng Sơn	
107	Đại học	Khu nghỉ dưỡng Sơn Trà Đà Nẵng	Lê Quang	Hường	ThS.KTS. Nguyễn Hồng Sơn	
108	Đại học	Trung tâm giao lưu văn hóa ruộng bậc thang Mù Cang Chải	Phan Duy	Khánh	ThS.KTS. Lê Hữu Trinh	
109	Đại học	Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng	Nguyễn Tuấn	Lâm	ThS.KTS. Huỳnh Đức Hồng	
110	Đại học	Viện an dưỡng thành phố Đà Nẵng	Phạm Thanh	Lưu	ThS.KTS. Nguyễn Quang Bảo	
111	Đại học	Trường trung học phổ thông nội trú Wuu	Nguyễn Thị	Lý	ThS.KTS. Phạm Bá Tất Thành	
112	Đại học	Khách sạn ven biển	Lê Thị	Mận	ThS.KTS. Nguyễn Quang Bảo	
113	Đại học	Trung tâm bảo tồn và phát triển văn hóa phi vật thể Nhã Nhạc cung đình Huế	Nguyễn Văn	Nam	ThS.KTS. Trần Xuân Tuấn	
114	Đại học	Làng trẻ em SOS thành phố Quy Nhơn Bình Định	Nguyễn Huỳnh Sanh Bảo	Ngọc	TS.KTS. Lê Thị Ly Na	
115	Đại học	Trung tâm cảnh báo sớm và quản lý thiên tai ở Quảng Nam	Trần Minh	Phú	ThS.KTS. Võ Thành Nghĩa	

116	Đại học	Trung tâm hành hương Đức Mẹ Măng Đen-Kontum	Nguyễn Huỳnh Phúc	ThS.KTS. Phạm Thị Thùy Dương	
117	Đại học	Trung tâm sinh hoạt giao lưu văn hóa Việt Nhật	Cao Thành Quang	ThS.KTS. Nguyễn Xuân Sơn	
118	Đại học	Trung tâm hành hương Đức Mẹ Giang Sơn	Trần Hoàng Quân	KTS. Phan Văn Tâm	
119	Đại học	Khách sạn nghỉ dưỡng ven biển Đà Nẵng	Trần Văn Sao	ThS.KTS. Nguyễn Thị Thanh Huyền	
120	Đại học	Khu phức hợp cao cấp thương mại-Dịch vụ-Căn hộ-Văn phòng	Lê Xuân Sơn	ThS.KTS. Nguyễn Nho Viên	
121	Đại học	Thư viện tổng hợp Vinh Nghệ An	Nguyễn Việt Sơn	ThS.KTS. Phạm Minh Thắng	
122	Đại học	Bảo tàng tưởng niệm các nạn nhân trong cuộc chiến tranh Việt Nam	Trần Anh Tiến	ThS.KTS. Lưu Hoàng Long	
123	Đại học	Khách sạn nghỉ dưỡng Rolex Đà Nẵng	Lường Quốc Tùng	ThS.KTS. Lê Thủy Tiên	
124	Đại học	Trung tâm văn hóa thiền Vipassana	Nguyễn Văn Tùng	ThS.KTS. Nguyễn Thị Thanh Huyền	
125	Đại học	Khách sạn biển Đà Nẵng	Nguyễn Thông Thái	ThS.KTS. Phạm Thị Thùy Dương	
126	Đại học	Làng bảo trợ trẻ em thiệt thòi cơ nhỡ - Be Home	Nguyễn Thị Trà	TS.KTS. Giang Ngọc Huân	
127	Đại học	Bảo tàng thiên tai miền Trung	Nguyễn Thị Kim Trâm	KTS. Hồ Phước Phương	
128	Đại học	Trung tâm thời trang thành phố Vinh	Chu Thị Ngọc Trinh	ThS.KTS. Lê Hữu Trinh	
129	Đại học	Khách sạn du lịch biển thành phố Đà Nẵng	Vũ Văn Trung	KTS. Âu Ngọc Sơn	
130	Đại học	Khu nghỉ dưỡng cao cấp làng Vân	Trần Thị Tường Vi	ThS.KTS. Nguyễn Thanh Tùng	
131	Đại học	Trung tâm gìn giữ và phát triển làng nghề thủ công truyền thống Huế	Dương Văn Vinh	TS.KTS. Nguyễn Ngọc Nương	
132	Đại học	Viện Dưỡng Lão TP Đà Nẵng	Nguyễn Tấn An	Huỳnh Đức Hồng	
133	Đại học	Câu lạc bộ và trung tâm triển lãm Moto Đà	Đặng Hữu Quang Anh	ThS.KTS. Võ Thành Nghĩa	

		Năng				
134	Đại học	Khách sạn du lịch biển Mỹ Khê 4 sao Đà Nẵng	Nguyễn Đức Cường		ThS.KTS. Nguyễn Xuân Sơn	
135	Đại học	Khách sạn Du lịch biển Sơn Trà , Đà Nẵng	Phạm Hồng Sơn		ThS.KTS. Nguyễn Phạm Kim Toàn	
136	Đại học	Khách sạn du lịch 4 sao (300 giường) tp Đà Nẵng	Tô Tiến Vũ		ThS.KTS. Nguyễn Thanh Tùng	
137	Đại học	Khách sạn du lịch Biển Bãi Na, Khu Kinh tế, Bắc Vân Phong	Doãn Trung Dũng		ThS.KTS. Nguyễn Phạm Kim Toàn	
138	Đại học	Trung tâm văn hóa Việt - Hàn	Trần Thanh Nam		ThS.KTS. Võ Thành Nghĩa	
139	Đại học	Khách sạn nghỉ dưỡng Cửa Lò	Phan Ngọc Phú		ThS.KTS. Trần Xuân Tuấn	
140	Đại học	Khu phức hợp Đà Nẵng	Lê Hoàng Anh		ThS.KTS. Tôn Nữ Yến Ly	

NGÀNH: KỸ THUẬT CƠ SỞ HẠ TẦNG

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Đại học	Quy Hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu đô thị Nam Tuy Hòa- Tp Tuy Hòa-Tỉnh Phú Yên	Triệu Ngọc Hoàng	TS. Nguyễn Văn Thái (nd1) ThS. Nguyễn Thị Thân Quý (nd2) Cao Minh Lộc (nd3)	Sinh viên thực hiện 3 nội dung sau: ND1(22%) Quy hoạch hạ tầng giao thông cho khu đô thị theo QCXDVN01-2008. 2) ND2 (56%) Quy hoạch mạng lưới cấp, thoát nước. 3) ND3 Quy hoạch mạng lưới điện.
2	Đại học	Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu đô thị Phúc An city, Long an.	Lê Tiến Thành	TS. Nguyễn Văn Thái (nd1) ThS. Nguyễn Thị Thân Quý (nd2) ThS.Cao Minh Lộc (nd3)	Sinh viên thực hiện 3 nội dung sau: ND1(22%) Quy hoạch hạ tầng giao thông cho khu đô thị theo QCXDVN01-2008. 2) ND2 (56%) Quy hoạch mạng lưới cấp, thoát nước. 3) ND3 Quy hoạch mạng lưới điện.
3	Đại học	Quy Hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu đô thị phía nam thị xã Cửa Lò-Tỉnh Nghệ An	Đặng Phương Nam	TS. Nguyễn Văn Thái (nd1) ThS. Nguyễn Thị Thân Quý (nd2) ThS.Cao Minh Lộc (nd3)	Sinh viên thực hiện 3 nội dung sau: ND1(22%) Quy hoạch hạ tầng giao thông cho khu đô thị theo QCXDVN01-2008. 2) ND2 (56%) Quy hoạch mạng lưới cấp, thoát nước. 3) ND3 Quy hoạch mạng lưới điện.
4	Đại học	Quy hoạch cơ sở hạ tầng cho khu tái định cư Phước Lý- quận Cẩm Lệ - Thành	Nguyễn Văn Ninh	TS. Nguyễn Văn Thái (nd1) ThS. Nguyễn Thị Thân Quý (nd2) ThS.Cao Minh Lộc (nd3)	Sinh viên thực hiện 3 nội dung sau: ND1(22%) Quy hoạch hạ tầng giao thông cho khu đô thị theo

		phố Đà Nẵng			QCXDVN01-2008. 2) ND2 (56%) Quy hoạch mạng lưới cấp, thoát nước. 3) ND3 Quy hoạch mạng lưới điện.
5	Đại học	Quy hoạch hệ thống hạ tầng cơ sở kỹ thuật Khu đô thị New Block P.9 Q. Phú Nhuận	Nguyễn Thành Luân	TS. Nguyễn Văn Thái (nd1) ThS. Nguyễn Thị Thân Quý (nd2) ThS.Cao Minh Lộc (nd3)	Sinh viên thực hiện 3 nội dung sau: ND1(22%) Quy hoạch hạ tầng giao thông cho khu đô thị theo QCXDVN01-2008. 2) ND2 (56%) Quy hoạch mạng lưới cấp, thoát nước. 3) ND3 Quy hoạch mạng lưới điện.
6	Đại học	Quy hoạch hệ thống hạ tầng khu đô thị Trảng Bàn- Tây Ninh	Hồ Ngọc Hải	TS. Nguyễn Văn Thái (nd1) ThS. Nguyễn Thị Thân Quý (nd2) ThS.Cao Minh Lộc (nd3)	Sinh viên thực hiện 3 nội dung sau: ND1(22%) Quy hoạch hạ tầng giao thông cho khu đô thị theo QCXDVN01-2008. 2) ND2 (56%) Quy hoạch mạng lưới cấp, thoát nước. 3) ND3 Quy hoạch mạng lưới điện.
7	Đại học	Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu đô thị Bình Sơn - Quảng Ngãi	Hồ Văn Lê	TS. Nguyễn Văn Thái (nd1) ThS. Nguyễn Thị Thân Quý (nd2) ThS.Cao Minh Lộc (nd3)	Sinh viên thực hiện 3 nội dung sau: ND1(22%) Quy hoạch hạ tầng giao thông cho khu đô thị theo QCXDVN01-2008. 2) ND2 (56%) Quy hoạch mạng lưới cấp, thoát nước. 3) ND3 Quy hoạch mạng lưới điện.
8	Đại học	Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu đô thị Phước Lý 2 - quận Cẩm Lệ - Thành phố Đà Nẵng	Phạm Đình Quý	TS. Nguyễn Văn Thái (nd1) ThS. Nguyễn Thị Thân Quý (nd2) ThS.Cao Minh Lộc (nd3)	Sinh viên thực hiện 3 nội dung sau: ND1(22%) Quy hoạch hạ tầng giao thông cho khu đô thị theo QCXDVN01-2008. 2) ND2 (56%) Quy

					hoạch mạng lưới cấp, thoát nước. 3) ND3 Quy hoạch mạng lưới điện.
9	Đại học	Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu Đồng Nò thuộc phường Hòa Quý, quận Ngũ Hành Sơn, Tp. Đà Nẵng	Trần Đức Vũ	TS. Nguyễn Văn Thái (nd1) ThS. Nguyễn Thị Thân Quý (nd2) ThS.Cao Minh Lộc (nd3)	Sinh viên thực hiện 3 nội dung sau: ND1(22%) Quy hoạch hạ tầng giao thông cho khu đô thị theo QCXDVN01-2008. 2) ND2 (56%) Quy hoạch mạng lưới cấp, thoát nước. 3) ND3 Quy hoạch mạng lưới điện.
10	Đại học	Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu dân cư đông nam sông Cẩm Lệ	Ngô Sỹ Vương	ThS. Nguyễn Văn Đăng (nd1) ThS. Nguyễn Thị Thân Quý (nd2) ThS. Nguyễn Mạnh Hà (nd3)	Sinh viên thực hiện 3 nội dung sau: ND1(22%) Quy hoạch hạ tầng giao thông cho khu đô thị theo QCXDVN01-2008. 2) ND2 (56%) Quy hoạch mạng lưới cấp, thoát nước. 3) ND3 Quy hoạch mạng lưới điện.
11	Đại học	Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật Thị Xã Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn	Lê Văn Nghĩa	ThS. Nguyễn Văn Đăng (nd1) ThS. Nguyễn Thị Thân Quý (nd2) ThS. Nguyễn Mạnh Hà (nd3)	Sinh viên thực hiện 3 nội dung sau: ND1(22%) Quy hoạch hạ tầng giao thông cho khu đô thị theo QCXDVN01-2008. 2) ND2 (56%) Quy hoạch mạng lưới cấp, thoát nước. 3) ND3 Quy hoạch mạng lưới điện.
12	Đại học	Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu đô thị Phía Nam Cẩm Lệ - quận Cẩm Lệ - Thành phố Đà Nẵng	Bùi Vĩnh Lộc	ThS. Nguyễn Văn Đăng (nd1) ThS. Nguyễn Thị Thân Quý (nd2) ThS. Nguyễn Mạnh Hà (nd3)	Sinh viên thực hiện 3 nội dung sau: ND1(22%) Quy hoạch hạ tầng giao thông cho khu đô thị theo QCXDVN01-2008. 2) ND2 (56%) Quy hoạch mạng lưới cấp, thoát nước. 3)

					ND3 Quy hoạch mạng lưới điện.
13	Đại học	Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu đô thị Nam Điện Ngọc-Tỉnh Quảng Nam	Nguyễn Anh Vĩnh	ThS. Nguyễn Văn Đăng (nd1) ThS. Nguyễn Thị Thân Quý (nd2) ThS. Nguyễn Mạnh Hà (nd3)	Sinh viên thực hiện 3 nội dung sau: ND1(22%) Quy hoạch hạ tầng giao thông cho khu đô thị theo QCXDVN01-2008. 2) ND2 (56%) Quy hoạch mạng lưới cấp, thoát nước. 3) ND3 Quy hoạch mạng lưới điện.
14	Đại học	Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu đô thị FPT city-Quận Ngũ Hành Sơn-Tp Đà Nẵng	Lê Văn Minh Nhật	ThS. Nguyễn Văn Đăng (nd1) ThS. Nguyễn Thị Thân Quý (nd2) ThS. Nguyễn Mạnh Hà (nd3)	Sinh viên thực hiện 3 nội dung sau: ND1(22%) Quy hoạch hạ tầng giao thông cho khu đô thị theo QCXDVN01-2008. 2) ND2 (56%) Quy hoạch mạng lưới cấp, thoát nước. 3) ND3 Quy hoạch mạng lưới điện.
15	Đại học	Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu đô thị HimLam- Bắc Ninh	Lê Thanh Sơn	ThS. Nguyễn Văn Đăng (nd1) ThS. Nguyễn Thị Thân Quý (nd2) ThS. Nguyễn Mạnh Hà (nd3)	Sinh viên thực hiện 3 nội dung sau: ND1(22%) Quy hoạch hạ tầng giao thông cho khu đô thị theo QCXDVN01-2008. 2) ND2 (56%) Quy hoạch mạng lưới cấp, thoát nước. 3) ND3 Quy hoạch mạng lưới điện.
16	Đại học	Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu đô thị phía nam phường Nam Hà- Tỉnh Hà Tĩnh	Võ Kim Đạt	ThS. Nguyễn Văn Đăng (nd1) ThS. Nguyễn Thị Thân Quý (nd2) ThS. Nguyễn Mạnh Hà (nd3)	Sinh viên thực hiện 3 nội dung sau: ND1(22%) Quy hoạch hạ tầng giao thông cho khu đô thị theo QCXDVN01-2008. 2) ND2 (56%) Quy hoạch mạng lưới cấp, thoát nước. 3) ND3 Quy hoạch mạng lưới điện.

17	Đại học	Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu đô thị A huyện Duy Tiên- Tỉnh Hà Nam	Nguyễn Hồ Hoàng Vương Vũ	ThS. Nguyễn Văn Đăng (nd1) ThS. Nguyễn Thị Thân Quý (nd2) ThS. Nguyễn Mạnh Hà (nd3)	Sinh viên thực hiện 3 nội dung sau: ND1(22%) Quy hoạch hạ tầng giao thông cho khu đô thị theo QCXDVN01-2008. 2) ND2 (56%) Quy hoạch mạng lưới cấp, thoát nước. 3) ND3 Quy hoạch mạng lưới điện.
18	Đại học	Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu đô thị Phía Tây cảm lệ - quận Cẩm Lệ - Thành phố Đà Nẵng	Nguyễn Trung Hiếu	ThS. Nguyễn Văn Đăng (nd1) ThS. Nguyễn Thị Thân Quý (nd2) ThS. Nguyễn Mạnh Hà (nd3)	Sinh viên thực hiện 3 nội dung sau: ND1(22%) Quy hoạch hạ tầng giao thông cho khu đô thị theo QCXDVN01-2008. 2) ND2 (56%) Quy hoạch mạng lưới cấp, thoát nước. 3) ND3 Quy hoạch mạng lưới điện.
19	Đại học	Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu đô thị Phía Đông cảm lệ - quận Cẩm Lệ - Thành phố Đà Nẵng	Trương Văn Lê	ThS. Nguyễn Văn Đăng (nd1) ThS. Nguyễn Thị Thân Quý (nd2) ThS. Nguyễn Mạnh Hà (nd3)	Sinh viên thực hiện 3 nội dung sau: ND1(22%) Quy hoạch hạ tầng giao thông cho khu đô thị theo QCXDVN01-2008. 2) ND2 (56%) Quy hoạch mạng lưới cấp, thoát nước. 3) ND3 Quy hoạch mạng lưới điện.

NGÀNH: KỸ THUẬT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Đại học	Thiết kế tuyến đường nối hai huyện Hương Sơn và Hương Khê thuộc tỉnh Hà Tĩnh	Nguyễn Khoa Hòa	TS. Nguyễn Văn Thái	Sinh viên thực hiện 3 nội dung sau: 1) Thiết kế cơ sở (30% KL): đưa ra các phương án tuyến khác nhau và luận chứng chọn lựa phương án tuyến tối ưu. 2) Thiết kế kỹ thuật (20% KL): Triển khai thiết kế kỹ thuật chi tiết phương án đã chọn về BĐ,TD, TN, và hệ thống công trình thoát nước mặt bao gồm hệ thống rãnh đỉnh. 3) Thiết kế tổ chức thi công nền và mặt đường (50%).
2	Đại học	Thiết kế tuyến đường nối hai điểm cho trước trên thuộc tỉnh Gia Lai	Lê Bá Cường	TS. Nguyễn Văn Thái	Sinh viên thực hiện 3 nội dung sau: 1) Thiết kế cơ sở (30% KL): đưa ra các phương án tuyến khác nhau và luận chứng chọn lựa phương án tuyến tối ưu. 2) Thiết kế kỹ thuật (20% KL): Triển khai thiết kế kỹ thuật chi tiết phương án đã chọn về BĐ,TD, TN, và hệ thống công trình thoát nước mặt. 3) Thiết kế tổ chức thi công nền và mặt đường (50%).
3	Đại học	Thiết kế tuyến đường nối huyện Yên thành và huyện Diên Châu thuộc tỉnh Nghệ An	Hoàng Văn Sơn	TS. Nguyễn Văn Thái	Sinh viên thực hiện 3 nội dung sau: 1) Thiết kế cơ sở (30% KL): đưa ra các phương án tuyến khác nhau và luận chứng chọn lựa phương án tuyến tối ưu. 2) Thiết kế kỹ thuật (20% KL): Triển khai thiết kế kỹ thuật chi tiết phương án đã chọn về BĐ,TD, TN, và hệ thống công trình thoát nước mặt bao

					gồm hệ thống rãnh đỉnh. 3) Thiết kế tổ chức thi công nền và mặt đường (50%).
4	Đại học	Thiết kế tuyến đường nối hai điểm cho trước trên thuộc tỉnh Quảng Nam	Nguyễn Văn Pháp	TS. Nguyễn Văn Thái	Sinh viên thực hiện 3 nội dung sau: 1) Thiết kế cơ sở (30% KL): đưa ra các phương án tuyến khác nhau và luận chứng chọn lựa phương án tuyến tối ưu. 2) Thiết kế kỹ thuật (20% KL): Triển khai thiết kế kỹ thuật chi tiết phương án đã chọn về BĐ, TD, TN, và hệ thống công trình thoát nước mặt. 3) Thiết kế tổ chức thi công nền và mặt đường (50%).
5	Đại học	Thiết kế tuyến đường nối hai điểm cho trước trên thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế	Lê Hồng Ân	ThS. Trần Tiến Đức	Sinh viên thực hiện 3 nội dung sau: 1) Thiết kế cơ sở (30% KL): đưa ra các phương án tuyến khác nhau và luận chứng chọn lựa phương án tuyến tối ưu. 2) Thiết kế kỹ thuật (20% KL): Triển khai thiết kế kỹ thuật chi tiết phương án đã chọn về BĐ, TD, TN, và hệ thống công trình thoát nước mặt. 3) Thiết kế tổ chức thi công nền và mặt đường (50%).
6	Đại học	Thiết kế tuyến đường nối hai điểm cho trước trên thuộc tỉnh Quảng Nam	Hồ Văn Thuận	ThS. Trần Tiến Đức	Sinh viên thực hiện 3 nội dung sau: 1) Thiết kế cơ sở (30% KL): đưa ra các phương án tuyến khác nhau và luận chứng chọn lựa phương án tuyến tối ưu. 2) Thiết kế kỹ thuật (20% KL): Triển khai thiết kế kỹ thuật chi tiết phương án đã chọn về BĐ, TD, TN, và hệ thống công trình thoát nước mặt. 3) Thiết kế tổ chức thi công nền và mặt đường (50%).
7	Đại học	Thiết kế tuyến đường nối hai điểm cho trước trên	Hoàng Văn Hiếu	ThS. Trần Tiến Đức	Sinh viên thực hiện 3 nội dung sau: 1) Thiết kế cơ sở (30% KL): đưa ra các phương án tuyến khác

		thuộc tỉnh Nghệ An			nhau và luận chứng chọn lựa phương án tuyển tối ưu. 2) Thiết kế kỹ thuật (20% KL): Triển khai thiết kế kỹ thuật chi tiết phương án đã chọn về BĐ,TD, TN, và hệ thống công trình thoát nước mặt. 3) Thiết kế tổ chức thi công nền và mặt đường (50%).
8	Đại học	Thiết kế tuyến đường nối hai điểm cho trước trên thuộc tỉnh Quảng Bình	Hoàng Quang Tuấn	ThS. Trần Tiến Đức	Sinh viên thực hiện 3 nội dung sau: 1) Thiết kế cơ sở (30% KL): đưa ra các phương án tuyển khác nhau và luận chứng chọn lựa phương án tuyển tối ưu. 2) Thiết kế kỹ thuật (20% KL): Triển khai thiết kế kỹ thuật chi tiết phương án đã chọn về BĐ,TD, TN, và hệ thống công trình thoát nước mặt. 3) Thiết kế tổ chức thi công nền và mặt đường (50%).
9	Đại học	Thiết kế tuyến đường nối hai điểm A - B cho trước thuộc tỉnh Quảng Nam	Nguyễn Phước Ngô	ThS. Nguyễn Văn Hòa	Sinh viên thực hiện 3 nội dung sau: 1) Thiết kế cơ sở (30% KL): đưa ra các phương án tuyển khác nhau và luận chứng chọn lựa phương án tuyển tối ưu. 2) Thiết kế kỹ thuật (20% KL): Triển khai thiết kế kỹ thuật chi tiết phương án đã chọn về BĐ,TD, TN, và hệ thống công trình thoát nước mặt. 3) Thiết kế tổ chức thi công nền và mặt đường (50%).
10	Đại học	Thiết kế tuyến đường nối hai điểm A - B cho trước thuộc tỉnh Kon Tum	Đoàn Bảo Trung	ThS. Nguyễn Văn Hòa	Sinh viên thực hiện 3 nội dung sau: 1) Thiết kế cơ sở (30% KL): đưa ra các phương án tuyển khác nhau và luận chứng chọn lựa phương án tuyển tối ưu. 2) Thiết kế kỹ thuật (20% KL): Triển khai thiết kế kỹ thuật chi tiết phương án đã chọn về BĐ,TD, TN, và hệ thống công trình thoát nước mặt. 3)

					Thiết kế tổ chức thi công nền và mặt đường (50%).
11	Đại học	Thiết kế tuyến đường nối hai điểm A - B cho trước thuộc tỉnh Bình Định	Bùi Công Hậu	ThS. Nguyễn Văn Hòa	Sinh viên thực hiện 3 nội dung sau: 1) Thiết kế cơ sở (30% KL): đưa ra các phương án tuyến khác nhau và luận chứng chọn lựa phương án tuyến tối ưu. 2) Thiết kế kỹ thuật (20% KL): Triển khai thiết kế kỹ thuật chi tiết phương án đã chọn về BĐ, TD, TN, và hệ thống công trình thoát nước mặt. 3) Thiết kế tổ chức thi công nền và mặt đường (50%).
12	Đại học	Thiết kế tuyến đường nối hai điểm A - B cho trước thuộc tỉnh Quảng Nam	Nguyễn Thanh Tuấn	ThS. Nguyễn Văn Hòa	Sinh viên thực hiện 3 nội dung sau: 1) Thiết kế cơ sở (30% KL): đưa ra các phương án tuyến khác nhau và luận chứng chọn lựa phương án tuyến tối ưu. 2) Thiết kế kỹ thuật (20% KL): Triển khai thiết kế kỹ thuật chi tiết phương án đã chọn về BĐ, TD, TN, và hệ thống công trình thoát nước mặt. 3) Thiết kế tổ chức thi công nền và mặt đường (50%).
13	Đại học	Thiết kế tuyến đường nối hai điểm A - B cho trước thuộc tỉnh Gia Lai	Lê Quang Tình	Th.S Võ Minh Đăng Hải	Sinh viên thực hiện 3 nội dung sau: 1) Thiết kế cơ sở (30% KL): đưa ra các phương án tuyến khác nhau và luận chứng chọn lựa phương án tuyến tối ưu. 2) Thiết kế kỹ thuật (20% KL): Triển khai thiết kế kỹ thuật chi tiết phương án đã chọn về BĐ, TD, TN, và hệ thống công trình thoát nước mặt. 3) Thiết kế tổ chức thi công nền và mặt đường (50%).
14	Đại học	Thiết kế tuyến đường nối hai điểm A - B cho trước thuộc tỉnh Kon Tum	Mai Văn Tùng	Th.S Võ Minh Đăng Hải	Sinh viên thực hiện 3 nội dung sau: 1) Thiết kế cơ sở (30% KL): đưa ra các phương án tuyến khác nhau và luận chứng chọn lựa phương án tuyến tối

					<p>uru. 2) Thiết kế kỹ thuật (20% KL): Triển khai thiết kế kỹ thuật chi tiết phương án đã chọn về BĐ,TD, TN, và hệ thống công trình thoát nước mặt. 3) Thiết kế tổ chức thi công nền và mặt đường (50%).</p>
15	Đại học	Thiết kế tuyến đường nối hai điểm A - B cho trước thuộc tỉnh Đắk Lắk	Hồ Xuân Tùng	Th.S Võ Minh Đăng Hải	<p>Sinh viên thực hiện 3 nội dung sau: 1) Thiết kế cơ sở (30% KL): đưa ra các phương án tuyến khác nhau và luận chứng chọn lựa phương án tuyến tối ưu. 2) Thiết kế kỹ thuật (20% KL): Triển khai thiết kế kỹ thuật chi tiết phương án đã chọn về BĐ,TD, TN, và hệ thống công trình thoát nước mặt. 3) Thiết kế tổ chức thi công nền và mặt đường (50%).</p>
16	Đại học	Thiết kế tuyến đường nối hai điểm A - B cho trước thuộc tỉnh Quảng Nam	Trần Thơm	Ths. Vương Hữu Cườm	<p>Sinh viên thực hiện 3 nội dung sau: 1) Thiết kế cơ sở (30% KL): đưa ra các phương án tuyến khác nhau và luận chứng chọn lựa phương án tuyến tối ưu. 2) Thiết kế kỹ thuật (20% KL): Triển khai thiết kế kỹ thuật chi tiết phương án đã chọn về BĐ,TD, TN, và hệ thống công trình thoát nước mặt. 3) Thiết kế tổ chức thi công nền và mặt đường (50%).</p>
17	Đại học	Thiết kế tuyến đường nối hai điểm A - B cho trước thuộc tỉnh Gia Lai	Lê Võ Tấn Thu	Ths. Vương Hữu Cườm	<p>Sinh viên thực hiện 3 nội dung sau: 1) Thiết kế cơ sở (30% KL): đưa ra các phương án tuyến khác nhau và luận chứng chọn lựa phương án tuyến tối ưu. 2) Thiết kế kỹ thuật (20% KL): Triển khai thiết kế kỹ thuật chi tiết phương án đã chọn về BĐ,TD, TN, và hệ thống công trình thoát nước mặt. 3) Thiết kế tổ chức thi công nền và mặt đường (50%).</p>

18	Đại học	Thiết kế tuyến đường nối hai điểm A - B cho trước thuộc tỉnh Hà Tĩnh	Lương Anh Tuấn	Ths. Vương Hữu Cườm	Sinh viên thực hiện 3 nội dung sau: 1) Thiết kế cơ sở (30% KL): đưa ra các phương án tuyến khác nhau và luận chứng chọn lựa phương án tuyến tối ưu. 2) Thiết kế kỹ thuật (20% KL): Triển khai thiết kế kỹ thuật chi tiết phương án đã chọn về BĐ,TD, TN, và hệ thống công trình thoát nước mặt. 3) Thiết kế tổ chức thi công nền và mặt đường (50%).
19	Đại học	Thiết kế tuyến đường nối hai điểm A - B cho trước thuộc tỉnh Gia Lai	Đỗ Văn Duy	Ths. Nguyễn Hữu Phước	Sinh viên thực hiện 3 nội dung sau: 1) Thiết kế cơ sở (40% KL): đưa ra các phương án tuyến khác nhau và luận chứng chọn lựa phương án tuyến tối ưu. 2) Thiết kế kỹ thuật (20% KL): Triển khai thiết kế kỹ thuật chi tiết phương án đã chọn về BĐ,TD, TN, và hệ thống công trình thoát nước mặt. 3) Thiết kế tổ chức thi công nền và mặt đường (40%).
20	Đại học	Thiết kế tuyến đường nối hai điểm A - B cho trước thuộc tỉnh Quảng Bình	Cao Hoàng Nguyên	Ths. Nguyễn Hữu Phước	Sinh viên thực hiện 3 nội dung sau: 1) Thiết kế cơ sở (40% KL): đưa ra các phương án tuyến khác nhau và luận chứng chọn lựa phương án tuyến tối ưu. 2) Thiết kế kỹ thuật (20% KL): Triển khai thiết kế kỹ thuật chi tiết phương án đã chọn về BĐ,TD, TN, và hệ thống công trình thoát nước mặt. 3) Thiết kế tổ chức thi công nền và mặt đường (40%).
21	Đại học	Thiết kế tuyến đường nối hai điểm A - B cho trước thuộc tỉnh Quảng Nam	Hồ Công Tú	Ths. Nguyễn Hữu Phước	Sinh viên thực hiện 3 nội dung sau: 1) Thiết kế cơ sở (40% KL): đưa ra các phương án tuyến khác nhau và luận chứng chọn lựa phương án tuyến tối ưu. 2) Thiết kế kỹ thuật (20% KL): Triển khai thiết

					kế kỹ thuật chi tiết phương án đã chọn về BĐ,TD, TN, và hệ thống công trình thoát nước mặt. 3) Thiết kế tổ chức thi công nền và mặt đường (40%).
22	Đại học	Thiết kế tuyến đường nối hai điểm A - B cho trước thuộc tỉnh Nghệ An	Dương Xuân Cường	Ths. Nguyễn Hữu Phước	Sinh viên thực hiện 3 nội dung sau: 1) Thiết kế cơ sở (40% KL): đưa ra các phương án tuyến khác nhau và luận chứng chọn lựa phương án tuyến tối ưu. 2) Thiết kế kỹ thuật (20% KL): Triển khai thiết kế kỹ thuật chi tiết phương án đã chọn về BĐ,TD, TN, và hệ thống công trình thoát nước mặt. 3) Thiết kế tổ chức thi công nền và mặt đường (40%).
23	Đại học	Thiết kế tuyến đường nối hai điểm A - B cho trước thuộc tỉnh Quảng Nam	Phan Nhật Huy	ThS Nguyễn Văn Đăng	Sinh viên thực hiện 3 nội dung sau: 1) Thiết kế cơ sở (40% KL): đưa ra các phương án tuyến khác nhau và luận chứng chọn lựa phương án tuyến tối ưu. 2) Thiết kế kỹ thuật (20% KL): Triển khai thiết kế kỹ thuật chi tiết phương án đã chọn về BĐ,TD, TN, và hệ thống công trình thoát nước mặt. 3) Thiết kế tổ chức thi công nền và mặt đường (40%).
24	Đại học	Thiết kế tuyến đường nối hai điểm A - B cho trước thuộc tỉnh Nghệ An	Nguyễn Văn Lâm	ThS Nguyễn Văn Đăng	Sinh viên thực hiện 3 nội dung sau: 1) Thiết kế cơ sở (40% KL): đưa ra các phương án tuyến khác nhau và luận chứng chọn lựa phương án tuyến tối ưu. 2) Thiết kế kỹ thuật (20% KL): Triển khai thiết kế kỹ thuật chi tiết phương án đã chọn về BĐ,TD, TN, và hệ thống công trình thoát nước mặt. 3) Thiết kế tổ chức thi công nền và mặt đường (40%).
25	Đại học	Thiết kế tuyến đường nối	Phan Trọng Trường	ThS Nguyễn Văn	Sinh viên thực hiện 3 nội dung sau: 1) Thiết kế cơ

		hai điểm A - B cho trước thuộc TP Đà Nẵng		Đặng	sở (40% KL): đưa ra các phương án tuyến khác nhau và luận chứng chọn lựa phương án tuyến tối ưu. 2) Thiết kế kỹ thuật (20% KL): Triển khai thiết kế kỹ thuật chi tiết phương án đã chọn về BĐ, TD, TN, và hệ thống công trình thoát nước mặt. 3) Thiết kế tổ chức thi công nền và mặt đường (40%).
--	--	---	--	------	--

NGÀNH ĐỒ HỌA

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện		Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Đại học	Minh họa sách “Non nước Quốc Tự”, núi Ngũ hành sơn Đà Nẵng	Nguyễn Thị Thúy	Diễm	ThS. Lê Thị Thu Hương	
2	Đại học	Minh họa sách "Sơ lược các thời kỳ lịch sử Việt Nam	Lê Hoàng	Hà	ThS. Lê Thị Thu Hương	
3	Đại học	Minh họa sách “ Làng nghề Đất Quảng”	Nguyễn Trọng	Hiền	ThS. Lê Thị Thu Hương	
4	Đại học	Thiết kế bao bì chả, nem, tré – Đặc sản Bình Định	Phạm Đức	Lan	ThS. Lê Thị Thu Hương	
5	Đại học	Thiết kế truyện tranh “Chú chó tia chớp”	Phạm Thành	Quang	ThS. Lê Thị Thu Hương	
6	Đại học	Tạp chí thiết kế và nghệ thuật Rosé – Doodle Art	Lưu Tấn	Sự	ThS. Lê Thị Thu Hương	
7	Đại học	Thiết kế bộ poster quảng cáo sản phẩm Knite HL- Dao bếp Nhật Bản	Phạm Thị Ái	Tiên	ThS. Lê Thị Thu Hương	
8	Đại học	Thiết kế bao bì sản phẩm gia vị Cty TNHH gia vị Thiên Anh	Quách Duy	Trâm	ThS. Lê Thị Thu Hương	
9	Đại học	Thiết kế bao bì sản phẩm hạt giống cây trồng – Công ty CP Năng Vàng	Nguyễn Thị	Loan	ThS. Trần Thị Thùy Trang	
10	Đại học	Thiết kế tạp chí Creation – Books Typography	Trương Thị Thanh	Nhàn	ThS. Trần Thị Thùy Trang	
11	Đại học	Thiết kế bộ nhận diện thương hiệu khách sạn VANDA Đà Nẵng	Nguyễn Thị	Thương	ThS. Trần Thị Thùy Trang	
12	Đại học	Minh họa sách – Trở về nơi hoang dã	Trần Thị Khánh	Trang	ThS. Trần Thị Thùy Trang	

13	Đại học	Thiết kế bộ nhận diện thương hiệu công ty Kitchenware VN	Nguyễn Thị Cẩm Yên	Yên	ThS. Trần Thị Thùy Trang	
14	Đại học	Minh họa truyện tranh “ Alice ở xứ sở kì diệu”	Hoàng Thị	Huệ	ThS. Trần Thị Thùy Trang	
15	Đại học	Minh họa tiểu thuyết “ Cha và con”	Nguyễn Trọng	Luân	ThS. Trần Thị Thùy Trang	
16	Đại học	Thiết kế bộ nhận diện thương hiệu Công ty TNHH Thiên Tâm Thảo	Võ Đình	Trường	ThS. Trần Thị Thùy Trang	
17	Đại học	Thiết kế bộ nhận diện thương hiệu Bệnh viện đa khoa Gia đình Đà Nẵng	Lê Thảo	Nhi	CN. Trần Công Trung	
18	Đại học	Poster chính trị xã hội “ Bảo vệ loài chó”	Võ Quốc	Đệ	CN. Trần Công Trung	
19	Đại học	Minh họa truyện Ngưu Lang Chức Nữ	Lưu Thị Thanh	Huyền	CN. Trần Công Trung	
20	Đại học	Thiết kế bao bì sản phẩm rượu cần Tây Nguyên – thương hiệu Y Miên	Võ Thị Thanh	Ly	CN. Trần Công Trung	
21	Đại học	Thiết kế bao bì sản phẩm Đặc sản đường mía Quảng Ngãi CSSX Bằng Lắm	Nguyễn Thị Ánh	Minh	CN. Trần Công Trung	
22	Đại học	Cụm thiết kế bộ lịch về truyện Cổ tích thế giới	Phan Đức	Nam	CN. Trần Công Trung	
23	Đại học	Thiết kế truyện tranh “ Hồi ức của một Gasha	Mai Tiêu	Ngọc	CN. Trần Công Trung	
24	Đại học	Thiết kế bao bì sản phẩm được làm từ Dừa - Công ty Vicomit	Tăng Thục	Oanh	CN. Trần Công Trung	
25	Đại học	Thiết kế truyện tranh “Nàng Tiên Út”	Nguyễn Thị Thu	Thảo	CN. Nguyễn Thị An Hiền	
26	Đại học	Thiết kế bao bì sản phẩm bánh truyền thống Hội An	Trần Diễm	Trinh	CN. Nguyễn Thị An Hiền	
27	Đại học	Thiết kế sự kiện Lễ hội Kinh Khí cầu Đà Nẵng năm 2019	Lê	Anh	CN. Nguyễn Thị An Hiền	
28	Đại học	Thiết kế tạp chí Cactus (Tạp chí cây xương	Lê Tảo Nguyên	Hưng	CN. Nguyễn Thị An Hiền	

		rông)				
29	Đại học	Minh họa truyện tranh Chú mèo đi hia	Trần Thị Linh	Đan	CN. Nguyễn Thị An Hiền	
30	Đại học	Thiết kế lịch Hình ảnh xe lambro	Bùi Thị	Quỳnh	CN. Nguyễn Thị An Hiền	
31	Đại học	Thiết kế bộ bài chòi	Lý Bích	Tuyền	CN. Nguyễn Thị An Hiền	
32	Đại học	Thiết kế lịch Các lễ hội truyền thống Việt Nam	Bùi Công	Hậu	CN. Đào Anh Tài	
33	Đại học	Thiết kế bao bì sản phẩm FARMCAFE	Lê Anh	Cẩm	CN. Đào Anh Tài	
34	Đại học	Thiết kế bộ nhận diện thương hiệu công ty TNHH KTA Green	Nguyễn Trung	Thành	CN. Mai Vân Hương	
35	Đại học	Thiết kế bao bì sản phẩm cơm sấy GHIÊN FOODS	Nguyễn Hồng Thùy	Linh	CN. Mai Vân Hương	

NGÀNH KẾ TOÁN

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Đại học	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH hải sản Niềm Tin	Đỗ Đức Bình	ThS. Lâm Xuân Đào	Đề tài đã trình bày đúng và đầy đủ các nội dung lý thuyết về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo Thông tư 133, và đã phản ánh đầy đủ thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH hải sản Niềm Tin. Các chứng từ, sổ sách được tác giả thu thập đầy đủ, mang tính thực tế cao. Các nội dung đánh giá công tác kế toán tại đơn vị thực tập được trình bày khá chung chung, chưa bám sát tên đề tài.
2	Đại học	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Văn Phú Hải	Hà Thị Diệu		Đề tài đã trình bày đúng và đầy đủ các nội dung lý thuyết về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo Thông tư 200, và đã phản ánh đầy đủ thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Văn Phú Hải. Các chứng từ, sổ sách được tác giả thu thập đầy đủ, mang tính thực tế cao. Các nội dung đánh giá công tác kế toán tại đơn vị thực tập được trình bày phù hợp tên đề tài.

3	Đại học	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH ...	Võ Thị Trang		Đề tài đã trình bày đúng và đầy đủ các nội dung lý thuyết về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo Thông tư 133, và đã phản ánh đầy đủ thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH dịch vụ vận tải container Minh Tiến. Các chứng từ, sổ sách được tác giả thu thập đầy đủ, mang tính thực tế cao. Các nội dung đánh giá công tác kế toán tại đơn vị thực tập được trình bày phù hợp tên đề tài.
4	Đại học	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Minh Tiến	Phạm Thị Thùy Vân		Đề tài đã trình bày đúng và đầy đủ các nội dung lý thuyết về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo Thông tư 133, và đã phản ánh đầy đủ thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH dịch vụ vận tải container Minh Tiến. Các chứng từ, sổ sách được tác giả thu thập đầy đủ, mang tính thực tế cao. Các nội dung đánh giá công tác kế toán tại đơn vị thực tập được trình bày phù hợp tên đề tài.
5	Đại học	Kế toán tập hợp Chi phí Sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần Câu Lâu	Huỳnh Thị Diệp Huy	ThS. Lê Thị Cẩm Giang	Đề tài đã trình bày khái quát được cơ sở lý luận liên quan đến đề tài theo thông tư 133, phản ánh được thực trạng kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần Câu Lâu. Tuy nhiên, cách diễn đạt chưa logic và chứng từ sổ sách minh họa chưa đầy đủ. Các nội dung đánh giá và đề xuất công tác kế toán tại đơn vị thực tập được trình bày còn sơ sài và chưa mang tính thực tế.

6	Đại học	Kế toán doanh thu bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Kiên Minh	Nguyễn Hoàng Minh	Đề tài đã trình bày tương đối đầy đủ cơ sở lý luận liên quan đến đề tài theo thông tư 133, phản ánh được thực trạng kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập. Chứng từ sổ sách minh họa khá đầy đủ. Tuy nhiên, nhiều điểm trong bài còn chưa thống nhất. Phần đề xuất về công tác kế toán của đơn vị còn ít, kiến nghị chưa mang tính thực tế cao.
7	Đại học	Kế toán doanh thu bán hàng, giá vốn và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần LASA	Lê Thị Trà	Đề tài đã trình bày đúng và đầy đủ các cơ sở lý luận liên quan đến đề tài. Phần thực trạng kế toán doanh thu bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập được tác giả tìm hiểu và phản ánh khá tốt, chứng từ minh họa thực tế đầy đủ, rõ ràng, logic. Phần đề xuất của tác giả còn khá ít nhưng mang tính thực tế cao.
8	Đại học	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Đắc Lắc – Nông trường Cư Bao	Bùi Quỳnh Anh	Đề tài đã trình bày đầy đủ cơ sở lý luận về kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất; phản ánh được thực trạng kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại công ty; trình bày được ưu nhược điểm và đưa ra một số kiến nghị
9	Đại học	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Vận tải	Huỳnh Thị Kim Huệ	Đề tài đã trình bày đầy đủ cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại và dịch vụ; phản ánh được thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty; trình bày được ưu nhược điểm và đưa ra một số kiến nghị cụ thể, giải quyết được khá tốt các hạn chế mà tác giả đưa ra

		Duyên Hoa		
10	Đại học	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Sản xuất kinh doanh thương mại Trường Phúc.	Lý Trường Nhân	Đề tài đã trình bày đầy đủ cơ sở lý luận về kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất; phản ánh được thực trạng kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại công ty; trình bày được ưu nhược điểm và đưa ra một số kiến nghị
11	Đại học	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ	Trần Thị Phương Như	Đề tài đã trình bày đầy đủ cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại và dịch vụ; phản ánh được thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty; trình bày được ưu nhược điểm và đưa ra một số kiến nghị cụ thể, giải quyết được khá tốt các hạn chế mà tác giả đưa ra

12	Đại học	Kế toán tập hợp CPSX và tính giá thành tại công ty gạch ngói Cầu Hồ-Hà Tĩnh	Nguyễn Đức Thắng	ThS. Nguyễn Xuân Hiệp	Khóa luận đã trình bày tương đối hoàn chỉnh cơ sở lý thuyết về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành trên tinh thần của Thông tư 133/2016/TT- BTC về chế độ kế toán dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ. Trên cơ sở đó, trong chương 2 của khóa luận, tác giả đã thể hiện được khả năng nắm bắt thực tế kế toán tại đơn vị thực tập, trình bày tương đối thuyết phục về giá thành sản phẩm gạch với số liệu, chứng từ, sổ sách khá đầy đủ nhưng vẫn còn một vài chỗ cần tìm hiểu sâu hơn. Tác giả cũng đã đề xuất một vài nhận xét góp ý và chỉ ra một vài điểm hạn chế ở đơn vị thực tập.
13	Đại học	Kế toán tập hợp CPSX và tính giá thành tại công ty Cơ điện Miền Trung	Nguyễn Thị Hoài Thu		Trên cơ sở của chế độ kế toán đặc thù dành cho đơn vị điện lực được trình bày trong phần cơ sở lý luận, sinh viên đã thể hiện được năng lực tìm hiểu thực tế kế toán tính giá thành tại công ty Cơ điện Miền Trung với hệ thống chứng từ, sổ sách tương đối hoàn chỉnh và thuyết phục về giá thành sản phẩm tại đơn vị thực tập. Tuy nhiên đề tài chưa đưa ra được những đóng góp mang tính thiết thực.
14	Đại học	Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thanh Phú	Nguyễn Thị Thu Tuyết		Trên cơ sở của chế độ kế toán dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ theo Thông tư 133/2016/TT- BTC được trình bày trong phần cơ sở lý luận, sinh viên đã thể hiện được năng lực tìm hiểu thực tế kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thanh Phú với hệ thống chứng từ, sổ sách tương đối hoàn chỉnh về kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập. Trong chương 3, tác giả đã có một vài nhận xét về thực tế kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty thực tập và đưa ra vài đóng

					góp, tuy nhiên còn nặng tính lý thuyết
15	Đại học	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV TM & DV SX Minh Thắng ViNa	Nguyễn Thị Thu Hà	TS. Trần Thượng Bích La	<p>Đã trình bày rõ ràng, chính xác, đầy đủ, các vấn đề lý luận cơ bản về toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh theo chế độ kế toán hiện hành. Đã trình bày đầy đủ về đặc điểm hoạt động kinh doanh, kế toán của tại Công ty TNHH MTV TM & DV SX Minh Thắng Vina. Thực trạng kế toán tiêu thụ và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại đơn vị thực tập được trình bày cụ thể, rõ ràng, chứng từ, sổ kế toán được minh họa phong phú, số liệu đáng tin cậy. Đã đưa ra được các nhận xét về kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập. Trên cơ sở những hạn chế hiện nay, sinh viên đã đề xuất một số ý kiến hoàn thiện kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập. Các nhận xét, đánh giá của sinh viên rất xác đáng, bám sát mục tiêu của đề tài, những kiến nghị đưa ra đều xuất phát từ thực trạng của doanh nghiệp, có tính khoa học và khả thi.</p>

16	Đại học	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm gạch đất nung tại Công ty Cổ Phần Đại Hưng	Huỳnh Thị Thanh Nga	<p>Đã trình bày khá rõ ràng, đầy đủ, các vấn đề lý luận cơ bản về toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản xuất sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất. Đã trình bày đầy đủ về đặc điểm hoạt động kinh doanh và đặc điểm kế toán của đơn vị thực tập, đã trình bày khá rõ về thực trạng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm gạch đất nung tại công ty cổ phần Đại Hưng, các chứng từ, sổ kế toán được minh họa rõ ràng, số liệu đáng tin cậy. Đã đưa ra được một số nhận xét về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm gạch đất nung tại công ty cổ phần Đại Hưng, đã đề xuất một số ý kiến hoàn thiện, những nhận xét đưa ra khá chính xác và các kiến nghị đều xuất phát từ thực trạng của doanh nghiệp, có tính khả thi.</p>
17	Đại học	Kế toán tiêu thụ điện và xác định kết quả tiêu thụ điện tại Công ty Cổ Phần Quốc Cường Gia Lai	Phạm Thị Hồng Thắm	<p>Đã trình bày đầy đủ, rõ ràng, chính xác các vấn đề lý luận cơ bản về toán tiêu thụ và xác định kết quả tiêu thụ trong doanh nghiệp. Đã giới thiệu rõ ràng đầy đủ về đặc điểm hoạt động kinh doanh, đặc điểm kế toán, thực trạng kế toán doanh thu tiêu thụ điện và xác định kết quả tiêu thụ tại công ty cổ phần Quốc Cường Gia Lai, chứng từ, sổ sách kế toán minh họa rõ ràng, phong phú, tin cậy. Đã đưa ra được một số nhận xét về kế toán doanh thu tiêu thụ và xác định kết quả tiêu thụ điện tại đơn vị thực tập, đề xuất một số ý kiến nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu tiêu thụ, giá vốn và xác định kết quả tiêu thụ điện tại đơn vị thực tập. Các nhận xét khá chính xác và các ý kiến đề xuất gắn liền với thực trạng của doanh nghiệp, có tính khả thi.</p>

18	Đại học	Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH MTV Gia Hữu Phát	Nguyễn Thị Kim Chi	ThS. Nguyễn Thị Hà My	<p>Chương 1: Tác giả trình bày đầy đủ và chính xác cơ sở lý luận về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại doanh nghiệp xây lắp</p> <p>Chương 2: Tác giả đã mô tả được thực trạng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH MTV Gia Hữu Phát</p> <p>Chương 3: Tác giả đã có những đánh giá đúng đắn về công tác kế toán tại đơn vị thực tập, đưa ra được những biện pháp phù hợp để hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại đơn vị.</p>
19	Đại học	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM – DV & Tin học Gia Tín	Nguyễn Thị Đông	ThS. Nguyễn Thị Hà My	<p>Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp</p> <p>Chương 2: Tác giả đã mô tả được thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM-DV và tin học Gia Tín.</p> <p>Chương 3: Một số đề xuất của tác giả. Tác giả đã có những đánh giá đúng đắn về ưu và nhược điểm công tác kế toán tại đơn vị thực tập. Từ đó, tác giả đưa ra được những biện pháp phù hợp và hữu ích để hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM-DV và tin học Gia Tín.</p>

20	Đại học	Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Đại Mộc Xanh	Mạc Thị Mỹ Kim	<p>Chương 1: Khóa luận trình bày khá đầy đủ và chính xác cơ sở lý luận về kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.</p> <p>Chương 2: Khóa luận đã mô tả được thực trạng kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Đại Mộc Xanh.</p> <p>Chương 3: Tác giả đã có những đánh giá đúng đắn về ưu điểm và nhược điểm của công tác kế toán tại đơn vị thực tập. Từ đó, tác giả đưa ra được những biện pháp phù hợp và hữu ích để hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Đại Mộc Xanh.</p>
21	Đại học	Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Nguyên Yên Bảo	Phan Thị Ái Diễm	<p>ThS. Đặng Thanh Nga</p> <p>Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. Tác giả đã trình bày rõ ràng, đầy đủ cơ sở lý luận của kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh theo Thông tư 133/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26/8/2016.</p> <p>Chương 2: Thực trạng công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Nguyên Yên Bảo. Tác giả đã tiếp cận được chứng từ kế toán, sổ sách kế toán của doanh nghiệp. Tác giả đã phân tích rõ ràng, trung thực công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.</p> <p>Chương 3: Kết luận và đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Nguyên Yên Bảo. Qua tìm hiểu thực tế tại công ty, tác giả đã có những đánh giá đúng đắn về thực trạng kế toán doanh thu,</p>

					<p>chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty, nêu ra một số giải pháp thiết thực giúp tối ưu hóa công tác kế toán của công ty.</p>
--	--	--	--	--	---

22	Đại học	Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hoàng Lâm	Hoàng Thị Hiền	<p>Chương 1: Cơ sở lý luận của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Tác giả đã trình bày rõ ràng, mạch lạc cơ sở lý luận của đề tài kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh theo Thông tư 133/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26/8/2016.</p> <p>Chương 2: Thực trạng công tác bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hoàng Lâm. Tác giả đã tiếp cận được chứng từ kế toán, sổ sách kế toán của doanh nghiệp. Tác giả đã phân ánh rõ ràng, trung thực công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.</p> <p>Chương 3: Kết luận và đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ vận tải và Thương mại Sơn Hùng. Qua tìm hiểu thực tế tại công ty, tác giả đã có những đánh giá đúng đắn về thực trạng kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty, nêu ra một số giải pháp thiết thực giúp tối ưu hóa công tác kế toán của công ty.</p>
----	---------	--	----------------	--

23	Đại học	Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sản xuất – Thương mại Minh Đạt	Trần Thị Thu Ngân	<p>Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. Tác giả đã trình bày rõ ràng, đầy đủ cơ sở lý luận của kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014.</p> <p>Chương 2: Thực trạng công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại Minh Đạt. Tác giả đã tiếp cận được chứng từ kế toán, sổ sách kế toán của doanh nghiệp. Tác giả đã phản ánh rõ ràng, trung thực công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.</p> <p>Chương 3: Kết luận và đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại Minh Đạt. Qua tìm hiểu thực tế tại công ty, tác giả đã có những đánh giá đúng đắn về thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty, nêu ra một số giải pháp thiết thực giúp tối ưu hóa công tác kế toán của công ty.</p>
----	---------	---	-------------------	---

24	Đại học	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh (lợi nhuận trước thuế) tại công ty Cổ phần Thương mại Vận tải và thi công cơ giới Hợp Nhân	Nguyễn Thị Cẩm Hương	ThS. Nguyễn Thị Thanh Phương	<p>Chương 1: Khóa luận đã khái quát được cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh (lợi nhuận trước thuế) trong doanh nghiệp.</p> <p>Chương 2: Khóa luận giới thiệu khá đầy đủ về đơn vị thực tập cũng như đi sâu phân tích thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh (lợi nhuận trước thuế) tại đơn vị. Số liệu có tính tin cậy.</p> <p>Chương 3: Khóa luận đã có những cố gắng trong việc nhận xét, đánh giá và gợi ý giải pháp nhằm góp phần cải thiện công tác kế toán tại đơn vị thực tập. Một vài giải pháp còn chung chung, chưa có tính ứng dụng cao.</p>
25	Đại học	Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Hoàng Văn Thành	Võ Thị Hồng Nhung		<p>Chương 1: Khóa luận đã khái quát tốt cơ sở lý luận về kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.</p> <p>Chương 2: Khóa luận giới thiệu khá đầy đủ về đơn vị thực tập cũng như đi sâu phân tích thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. Số liệu có tính tin cậy.</p> <p>Chương 3: Khóa luận đã có những cố gắng trong việc nhận xét, đánh giá và gợi ý giải pháp nhằm góp phần cải thiện công tác kế toán tại đơn vị thực tập. Một vài giải pháp còn chung chung, chưa có tính ứng dụng cao.</p>

26	Đại học	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh (lợi nhuận trước thuế) tại Công ty TNHH MTV Phú Thành Hưng	Lê Thị Thanh Sương	<p>Chương 1: Khóa luận đã khái quát được cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.</p> <p>Chương 2: Khóa luận giới thiệu khá đầy đủ về đơn vị thực tập cũng như đi sâu phân tích thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. Số liệu có tính tin cậy. Vẫn còn những sai sót.</p> <p>Chương 3: Khóa luận đã có những cố gắng trong việc nhận xét, đánh giá và gợi ý giải pháp nhằm góp phần cải thiện công tác kế toán tại đơn vị thực tập. Một vài giải pháp còn chung chung, chưa có tính ứng dụng cao.</p>
27	Đại học	Hoàn thiện kế toán tài sản cố định hữu hình tại Công ty TNHH MTV Xăng Dầu Quảng Ngãi	Võ Duy Tân	<p>Chương 1: Khóa luận đã khái quát được cơ sở lý luận về kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp.</p> <p>Chương 2: Khóa luận giới thiệu khá đầy đủ về đơn vị thực tập cũng như đi sâu phân tích thực trạng kế toán tài sản cố định tại đơn vị. Số liệu có tính tin cậy cao. Tuy nhiên vẫn còn sai sót trong trình bày.</p> <p>Chương 3: Khóa luận đã có những cố gắng trong việc nhận xét, đánh giá và gợi ý giải pháp nhằm góp phần cải thiện công tác kế toán tại đơn vị thực tập nhưng còn chung chung, chưa có tính ứng dụng cao. Mục tiêu “hoàn thiện” công tác kế toán chưa thực sự đạt được.</p>

28	Đại học	Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty TNHH Một Thành Viên Nội Thất Bắc Việt.	Lê Thị Linh	Ths.	<p>Chương 1: Khóa luận đã trình bày được tương đối khái quát và khá đầy đủ cơ sở lý luận về kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh</p> <p>Chương 2: Khóa luận đã khái quát cơ bản về thực trạng kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Bắc Việt. Có chứng từ, sổ sách minh chứng đầy đủ.</p> <p>Chương 3: Khóa luận đã đánh tương đối khái quát các mặt ưu và nhược điểm về thực trạng kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty. Đồng thời đã đưa ra một số đề xuất nhằm hoàn thiện phần hành kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.</p>
29	Đại học	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty cổ phần xây dựng thương mại Việt Quang	Nguyễn Thị Thu Thảo	Ths. Nguyễn Thị Uyên Phuong	<p>Chương 1: Khóa luận đã trình bày được tương đối khái quát và khá đầy đủ cơ sở lý luận về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp.</p> <p>Chương 2: Trình bày tương đối đầy đủ hệ thống sổ sách và mô tả được quy trình ghi sổ tại công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Việt Quang.</p> <p>Chương 3: Khóa luận đã đánh giá tương đối khái quát các mặt ưu và nhược điểm về thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Việt Quang. Đồng thời, tác giả đã đề xuất một số giải pháp để hoàn thiện công tác kế toán tại doanh nghiệp, tuy nhiên một số giải pháp của tác giả vẫn còn mang tính lý thuyết mà chưa sát với thực tiễn công ty.</p>

30	Đại học	Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Quang Sơn	Trần Thị Kim Thùy		<p>Chương 1: Khóa luận đã trình bày được tương đối khái quát và khá đầy đủ cơ sở lý luận về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất.</p> <p>Chương 2: Trình bày tương đối đầy đủ hệ thống sổ sách và mô tả được quy trình ghi sổ tại công ty TNHH Quang Sơn.</p> <p>Chương 3: Khóa luận đã đánh giá tương đối khái quát các mặt ưu và nhược điểm về thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Quang Sơn. Đồng thời, tác giả đã đề xuất một số giải pháp để hoàn thiện công tác kế toán tại doanh nghiệp</p>
31	Đại học	Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Lê Đức Thành	Trần Thị Mỹ Linh	TS. Phạm Thị Bích Vân	<p>Sinh viên đã trình bày được lý luận về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong DNSX theo tinh thần của TT 133/2016. Trên cơ sở đó, đi sâu vào nghiên cứu thực tế tại công ty TNHH Lê Đức Thành. Đề tài đã chỉ ra được những hạn chế và ưu điểm của nghiệp vụ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại đơn vị. Từ đó, đưa ra những giải pháp phù hợp. Tuy nhiên, phần CPSXC trình bày chưa rõ ràng.</p>
32	Đại học	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM DV Chị Hai Đức	Dương Thị Phượng		<p>Đề tài của sinh viên đã trình bày được những lý luận cơ bản nhất về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong DNTM. Trên cơ sở đó, đi sâu vào nghiên cứu thực trạng nghiệp vụ kế toán này tại công ty TNHH TM DV Chị Hai Đức. Sinh viên đã lấy được chứng từ khá đầy đủ để chứng minh nghiệp vụ kế toán bán hàng, kế toán giá vốn, kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính... Sinh viên cũng đưa ra được những</p>

					hạn chế và ưu điểm tại đơn vị thực tập. Từ đó, đưa ra giải pháp hoàn thiện. Tuy nhiên, phần giá vốn hàng bán trình bày chưa kỹ và logic
33	Đại học	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP sản xuất gỗ MDF-Quảng Trị	Hồ Hữu Tường		Đề tài của sinh viên đã trình bày được những lý luận cơ bản nhất về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong DN. Trên cơ sở đó, đi sâu vào nghiên cứu thực trạng nghiệp vụ kế toán này lại công ty cổ phần sản xuất gỗ MDF-Quảng Trị. Tuy nhiên, sinh viên chưa thu thập được chứng từ để chứng minh nghiệp vụ kế toán bán hàng, kế toán giá vốn, kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính...Chính vì vậy, các nghiệp vụ và sổ sách kế toán được trình bày trong khóa luận không có cơ sở để chứng minh và tác nghiệp.
34	Đại học	Kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Phúc Mạnh Long	Lê Thị Hoa	Th. Phạm Minh Phương	Chương 1 nêu được cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Chương 2 người viết đã giới thiệu tổng quan về công ty TNHH Phúc Mạnh Long, sử dụng chứng từ thực tế, mô tả thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty, trên cơ sở đó đã có được những nhận định, đánh giá và một số giải pháp phù hợp trong chương 3, tuy nhiên các giải pháp đưa ra chưa hoàn thiện hết được các hạn chế của doanh nghiệp

35	Đại học	Kế toán doanh thu bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Đặng Nguyễn Tăng	Nguyễn Thị	Ngữ	Đề tài nêu được cơ sở lý luận về kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh. Trong chương 2 người viết đã giới thiệu tổng quan về công ty cổ phần Đặng Nguyễn Tăng, sử dụng chứng từ thực tế, mô tả thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty, trên cơ sở đó đã có được những nhận định, đánh giá và một số giải pháp phù hợp trong chương 3.	
36	Đại học	Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh Tại công ty TNHH Giang Hà	Phạm Thị Hoài	Thương	Chương 1 nêu được cơ sở lý luận về kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh. Chương 2 người viết đã giới thiệu tổng quan về công ty TNHH Hà Giang, Người viết sử dụng chứng từ thực tế, mô tả thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty, Tuy nhiên số lượng chứng từ còn ít, nên mô tả chưa hết được thực trạng kế toán tại đơn vị, Người viết cũng đã nhận định, đánh giá và đưa ra một số giải pháp trong chương 3, tuy nhiên các giải pháp có tính khả thi thấp.	
37	Đại học	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Điện lực Quảng Trị	Trần Tuy	Linh	Ths. Huỳnh Thị Trang	Khóa luận gồm 3 chương: Chương 1- Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. Chương 2- Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Điện lực Quảng trị. Nội dung đã thể hiện rõ ràng về trình tự lập, xử lý và luân chuyển chứng từ liên quan đến đề tài theo đặc thù riêng tại đơn vị. Phần doanh thu theo từng đối tượng DN, hộ gia đình cũng như các khoản đặc thù thu được do người sử dụng vi phạm rất cụ thể, dễ hiểu. Các nội dung chi phí cũng như xác định kết quả kinh doanh cũng được minh họa cụ thể bằng chứng từ, sổ sách thực tế và qui trình thực hiện trên phần mềm kế toán của Công ty. Tuy nhiên

					phần giá vốn chưa rõ ràng. Chương 3- Một số ý kiến đề xuất.
38	Đại học	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Việt Hương	Phạm Tuấn	Nghĩa	<p>Khóa luận gồm 3 chương: Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. Chương 2: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Việt Hương. Nội dung đã thể hiện rõ ràng về trình tự lập, xử lý và luân chuyển chứng từ liên quan đến đề tài theo đặc thù riêng tại đơn vị. Phần doanh thu ở tất cả lĩnh vực kinh doanh hàng hóa và doanh thu dịch vụ được thể hiện rất rõ ràng. Các nội dung chi phí cũng như xác định kết quả kinh doanh cũng được minh họa cụ thể bằng chứng từ, sổ sách thực tế của Công ty. Chương 3- Nội dung chỉ ra được một số hạn chế đang tồn tại từ đó, đưa ra các ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện nhưng còn mang tính chủ quan.</p>

39	Đại học	Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH MTV Cao su Chur Păh	Nguyễn Thị Thanh Thu	<p>Khóa luận gồm 3 chương: Chương 1 - Cơ sở lý luận về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo TT200/2014/TT-BTC. Chương 2 - Thực trạng kế toán tập hợp CPSX và tính giá thành sản phẩm cao su tại Công ty Chur Păh. Nội dung thể hiện được qui trình tập hợp chi phí sản xuất từ trồng cây cao su đến lấy mù nguyên liệu và cuối cùng tính giá thành chế biến mù thành phẩm, có minh họa theo qui trình thực tế bằng phần mềm kế toán. Các nội dung được minh họa cụ thể bằng chứng từ, sổ sách thực tế của Công ty. Chương 3 - Khóa luận chỉ ra được một số hạn chế đang tồn tại từ đó, đưa ra các ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện nhưng chỉ dừng lại ở mức độ nêu ra chứ chưa giải quyết triệt để tồn tại đó.</p>
40	Đại học	Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Việt Đức Trí	Phan Thị Hà Anh	<p>ThS. Trần Phụng Trân</p> <p>Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Việt Đức Trí. Trong chương này tác giả đã trình bày khái quát cơ sở lý luận của kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh theo Thông tư 133/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính. Tác giả đã trình bày các nguyên tắc kế toán ghi nhận doanh thu, giá vốn, chi phí kinh doanh, xác định kết quả kinh doanh và các phương pháp tính giá hàng tồn kho... theo hướng dẫn của Thông tư về chế độ kế toán doanh nghiệp.</p> <p>Chương 2: Thực trạng kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Việt Đức Trí. Trong chương này tác giả đã trình bày các nghiệp vụ kinh tế phát sinh của doanh thu, giá vốn, chi phí kinh doanh, xác định kết quả kinh doanh của</p>

				<p>Công ty trong năm 2018. Tuy nhiên tác giả chưa cung cấp được chứng từ kế toán của doanh nghiệp. Trong chương này tác giả đã trình bày các nghiệp vụ kinh tế phát sinh của doanh thu, giá vốn, chi phí kinh doanh, xác định kết quả kinh doanh của Công ty trong năm 2018. Chương 3: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Việt Đức Trí. Qua tìm hiểu thực tại công ty, tác giả đã nêu ra một số giải pháp giúp tối ưu hóa công tác kế toán của Công ty</p>
--	--	--	--	--

41	Đại học	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM và DVKT Tối Ưu	Phạm Thị Thanh Sen	<p>Chương 1: Cơ sở lý luận của kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh. Trong chương này tác giả đã trình bày khái quát cơ sở lý luận của Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh (LNTT) trong doanh nghiệp thương mại theo Thông tư 133/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014. Tác giả đã trình bày các nguyên tắc kế toán ghi nhận doanh thu, giá vốn, chi phí kinh doanh, xác định kết quả kinh doanh (LNTT)... theo hướng dẫn của Thông tư về chế độ kế toán doanh nghiệp.</p> <p>Chương 2: Thực trạng công tác Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH TM và DV Kỹ thuật Tối Ưu. Trong chương này tác giả đã trình bày các nghiệp vụ kinh tế phát sinh của doanh thu, giá vốn, chi phí kinh doanh, xác định kết quả kinh doanh của Công ty trong năm 2018. Tác giả đã tiếp cận được chứng từ kế toán thật của doanh nghiệp. Chứng từ kế toán thật là cơ sở đáng tin cậy giúp tác giả phản ánh trung thực công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM và DV Kỹ thuật Tối Ưu</p> <p>Chương 3: Kết luận và Kiến nghị. Qua tìm hiểu thực tại công ty TNHH TM và DV Kỹ thuật Tối Ưu, tác giả đã nêu ra một số giải pháp giúp tối ưu hóa công tác kế toán của Công ty</p>
----	---------	--	--------------------	---

NGÀNH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

TT	Trình độ	Họ và tên	Tên đề tài	GVHD	GVPB	Tóm tắt nội dung
1	Đại học	Đặng Thị Ngọc Anh	Giải pháp đẩy mạnh hoạt động cho vay khách hàng cá nhân tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Đà Nẵng.	Th.S Trần Ngọc Minh Trang	ThS. Võ Minh	Đề tài đã hệ thống hóa được những lý luận cơ bản về hoạt động cho vay khách hàng cá nhân tại ngân hàng thương mại. Đồng thời, phân tích thực trạng hoạt động cho vay khách hàng cá nhân tại ngân hàng TMCP Đông Nam Á Chi nhánh Đà Nẵng giai đoạn 2016 – 2018 theo các tiêu chí phân loại khác nhau. Từ đó, đề tài đã đề xuất những giải pháp và kiến nghị nhằm đẩy mạnh hoạt động cho vay đối với khách hàng cá nhân tại ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Đà Nẵng trong thời gian tới.
2	Đại học	Cao Vũ Thế Anh	Giải pháp đẩy mạnh và phát triển hoạt động cho vay tiêu dùng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (SACOMBANK) – Chi nhánh Phú Yên	Th.S Lưu Thị Minh Hà	Th.S Nguyễn Thị Nga My	Khóa luận trình bày lý luận về hoạt động cho vay tiêu dùng, phân tích thực trạng cho vay tiêu dùng tại chi nhánh qua các năm 2016, 2017, 2018 theo các tiêu chí: theo thời hạn, theo sản phẩm, theo phương thức hoàn trả, phân tích nợ quá hạn, nợ xấu. Trên cơ sở đó, tác giả đưa ra hạn chế, tồn tại mà chi nhánh đang gặp phải trong hoạt động cho vay tiêu dùng. Tác giả đưa ra những phân tích sâu sắc và các giải pháp phù hợp với thực tế tại ngân hàng.

3	Đại học	Đàm Thị Giang	Giải pháp tăng cường hoạt động huy động vốn tại ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SeABank) – Chi nhánh Đà Nẵng.	Th.S Nguyễn Thị Ngọc	Th.S Phan Nguyên Thùy Trâm	Khóa luận cung cấp cơ sở lý luận về hoạt động huy động vốn của NHTM, trên cơ sở đó tác giả phân tích thực trạng hoạt động huy động vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Nam Á (Seabank) – Chi nhánh Đà Nẵng. Trong đó tác giả trình bày cơ cấu nguồn vốn, từ đó phân tích cơ cấu nguồn vốn huy động theo các tiêu chí: theo đối tượng, theo loại tiền, theo kỳ hạn, theo sản phẩm. Từ các phân tích trên, tác giả cũng đã đưa ra đánh giá về những thành tựu đạt được và những hạn chế, cũng như các nguyên nhân ảnh hưởng đến hoạt động huy động vốn tại Chi nhánh. Từ đó tác giả đưa ra các giải pháp nhằm tăng cường huy động vốn phù hợp thực tế và khả thi.
4	Đại học	Lê Thị Thu Hằng	Phân tích hoạt động tín dụng của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Đà Nẵng giai đoạn 2016-2018.	Th.S Lưu Thị Minh Hà	TS. Lê Công Toàn	Khóa luận trình bày lý luận về hoạt động tín dụng của NHTM, phân tích thực trạng tín dụng tại chi nhánh giai đoạn 2016- 2018 theo các tiêu chí: theo thời hạn, theo đối tượng vay, theo tính chất đảm bảo của khoản vay. Trên cơ sở đó, tác giả đánh giá những mặt tích cực và hạn chế mà chi nhánh đang gặp phải trong hoạt động tín dụng. Tác giả đưa ra những phân tích sâu sắc và các giải pháp phù hợp với thực tế tại ngân hàng.
5	Đại học	Nguyễn Văn Hoàng	Giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng tại Ngân hàng TMCP Á Châu –	Th.S Vũ Hoàng Vy	ThS. Nguyễn Thanh Lai	Khoá luận hệ thống hoá lý luận chung về hoạt động tín dụng, chất lượng tín dụng tại NHTM, các chỉ tiêu đánh giá, nhân tố ảnh hưởng. Chương 2, dựa trên cơ

			Phòng Giao dịch Cầu Vòng giai đoạn 2019 - 2020.			sở lý luận tổng quan, khoá luận đi sâu nghiên cứu thực tế hoạt động tín dụng tại ACB PGD Cầu Vòng, phân tích chất lượng tín dụng tại PDG theo chỉ tiêu định tính và định lượng. Đánh giá việc phân loại, trích lập và sử dụng dự phòng... từ đó rút ra được những thành công cũng như hạn chế trong công tác tín dụng tại PGD. Chương 3 tác giả đề xuất một số giải pháp có tính khả thi để góp phần xử lý những hạn chế trong hoạt động tín dụng tạo PGD
6	Đại học	Nguyễn Thị Lê Huyền	Mở rộng huy động tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Hải Châu, Đà Nẵng.	Th.S Phan Nguyên Thùy Trâm	TS. Lê Công Toàn	Chương 1 tác giả đã trình bày cơ sở lý luận về NHTM và hoạt động huy động tiền gửi tiết kiệm (TGTK) của NHTM, làm cơ sở cho phần phân tích thực trạng ở chương 2. Bên cạnh việc giới thiệu về NHNo&PTNT – Chi nhánh Hải Châu, tác giả đã đi sâu phân tích được thực trạng huy động TGTK tại chi nhánh ngân hàng này theo các chỉ tiêu tác giả đã đưa ra ở chương 1, tuy phân tích chưa sâu, nhưng tác giả cũng đã đánh giá được thực trạng huy động TGTK của chi nhánh. Chương 3 tác giả đã đề xuất một số giải pháp nhằm mở rộng huy động TGTK trong thời gian tới trên cơ sở các nguyên nhân mà tác giả đã phân tích ở chương 2. Mặc dù các giải pháp trình bày chưa cụ thể, nhưng đã bám sát được thực trạng nghiên cứu

7	Đại học	Trần Lê Tiểu Huyền	Giải pháp phát triển hoạt động kinh doanh thẻ tín dụng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Đà Nẵng.	Th.S Phan Thoại Chiêu	TS. Lê Công Toàn	Ở chương 1, sinh viên đã trình bày được những vấn đề cơ bản về hoạt động kinh doanh thẻ tín dụng tại ngân hàng thương mại. Ở Chương 2, Sinh viên đã nắm bắt và phân tích được tình hình kinh doanh thẻ tín dụng tại ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, đánh giá được những thành tựu đạt được và hạn chế của đơn vị trong hoạt động này. Từ đó, trong chương 3, sinh viên đã đề xuất các giải pháp phát triển hoạt động kinh doanh thẻ tín dụng tại chi nhánh.
8	Đại học	Trần Thị Xuân Mai	Giải pháp nâng cao hoạt động huy động tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Đà Nẵng giai đoạn 2016-2018.	Th.S Ngô Đức Chiến	ThS. Võ Minh	Đề tài tiến hành tổng hợp các vấn đề lý thuyết về Ngân hàng thương mại và hoạt động huy động tiền gửi tiết kiệm, đánh giá thực trạng về công tác huy động tiền gửi tiết kiệm, đồng thời nhìn nhận các ưu điểm và hạn chế về công tác huy động tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á – Chi nhánh Đà Nẵng. Cùng với đó, đề xuất các giải pháp cần thiết nhằm nâng cao hoạt động huy động tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á – Chi nhánh Đà Nẵng.
9	Đại học	Lê Thị Thảo Ngân	Giải pháp kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Đà	Th.S Nguyễn Thị Nga My	ThS. Võ Minh	Đề tài đã trình bày khá đầy đủ cơ sở lý luận về rủi ro tín dụng và kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp vừa và nhỏ tại ngân hàng thương mại. Đề tài đã phân tích thực trạng kiểm soát rủi ro tín dụng trong hoạt động cho vay doanh nghiệp vừa và

			Năng.			nhỏ tại Ngân hàng TMCP Á Châu – CN Đà Nẵng. Tác giả đã trình bày được thực trạng công tác tổ chức bộ máy quản lý rủi ro tín dụng, các quy định, quy trình và công tác tổ chức kiểm soát rủi ro tín dụng, thực trạng sử dụng các phương thức kiểm soát rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Á Châu – CN Đà Nẵng. Tác giả đã trình bày được kết quả kiểm soát rủi ro tín dụng tại Chi nhánh thông qua các chỉ tiêu sự cải thiện cơ cấu nhóm nợ, mức giảm tỷ lệ nợ xấu, tỷ lệ xóa nợ rỗng và trích lập dự phòng trong cho vay doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Chi nhánh. Từ đó, tác giả đưa ra đánh giá các thành công, các mặt còn hạn chế trong hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Chi nhánh và đưa ra phân tích một số nguyên nhân. Đề tài đã đưa ra được một số giải pháp kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng.
10	Đại học	Võ Thị Ái Nhi	Giải pháp nâng cao hoạt động huy động vốn khách hàng cá nhân tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Sông Hàn.	Th.S Ngô Đức Chiến	TS. Lê Công Toàn	Đề tài tiến hành hệ thống hóa số vấn đề cơ bản về lý luận chung liên quan đến Ngân hàng thương mại và nghiệp vụ huy động vốn của ngân hàng thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam chi nhánh Sông Hàn. Phân tích, đánh giá thực trạng huy động vốn tại Ngân hàng chi nhánh Sông Hàn trong giai đoạn 2016 – 2018. Và hơn hết, qua đánh giá thực trạng và

						căn cứ vào thực tiễn tại đơn vị, đề tài đưa ra một số giải pháp mở rộng huy động vốn đối với khách hàng cá nhân phù hợp trong thời gian tới của Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam chi nhánh Sông Hàn.
11	Đại học	Nguyễn Ngọc Quý	Tăng cường hoạt động cho vay tiêu dùng tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Đà Nẵng.	Th.S Nguyễn Thị Ngọc	Th.S Nguyễn Thị Nga My	Khóa luận cung cấp cơ sở lý luận về cho vay tiêu dùng của các NHTM. Phân tích thực trạng hoạt động cho vay tiêu dùng tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – CN Đà Nẵng: trình bày các quy định, quy trình cho vay, cung cấp các số liệu doanh số cho vay, doanh số thu nợ, dư nợ cho vay, nợ xấu và tỷ lệ nợ xấu qua các năm, từ đó phân tích tình hình cho vay tiêu dùng tại Chi nhánh chi tiết theo mục đích, thời hạn và theo hình thức bảo đảm. Từ các phân tích trên, tác giả cũng đã đưa ra đánh giá về những thành tựu đạt được và những hạn chế, cũng như các nguyên nhân ảnh hưởng đến hoạt động cho vay tiêu dùng tại Chi nhánh. Đồng thời tác giả đưa ra các giải pháp hữu hiệu và phù hợp với thực trạng tại Chi nhánh và có tính khả thi.
12	Đại học	Ngô Thị Lệ Thu	Giải pháp đẩy mạnh hoạt động huy động vốn từ khách hàng cá nhân tại Ngân hàng TMCP MTV Đại Dương – Chi nhánh	Th.S Trần Ngọc Minh Trang	ThS. Nguyễn Thanh Lai	Đề tài đã hệ thống những lý luận cơ bản về hoạt động huy động vốn từ khách hàng cá nhân tại ngân hàng thương mại. Phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động huy động vốn từ khách hàng cá nhân tại Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương chi nhánh

			Vinh giai đoạn 2016-2018.			Vinh giai đoạn 2016 – 2018 theo các tiêu chí phân loại khác nhau. Căn cứ từ đó đề xuất giải pháp tăng cường hoạt động huy động vốn từ khách hàng cá nhân tại Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương – chi nhánh Vinh trong thời gian tới
13	Đại học	Lê Thị Hồng Vân	Giải pháp phát triển hoạt động cho vay mua ô tô đối với khách hàng cá nhân tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Đà Nẵng giai đoạn 2019-2021.	Th.S Phan Thoại Chiêu	ThS. Nguyễn Thanh Lai	Khóa luận gồm 79 trang được chia làm 3 chương hợp lý. Sinh viên đã nắm bắt và phân tích khá cụ thể tình hình cho vay mua ô tô đối với khách hàng cá nhân tại chi nhánh theo các tiêu chí, đánh giá được những thành tựu đạt được và hạn chế của chi nhánh trong hoạt động cho vay này. Từ đó sinh viên đã đề xuất các giải pháp khá phù hợp nhằm mở rộng hoạt động cho vay mua ô tô đối với khách hàng cá nhân tại chi nhánh.
14	Đại học	Nguyễn Xuân Vũ	Giải pháp mở rộng cho vay trung dài hạn đối với khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP SCB – Chi nhánh Đà Nẵng giai đoạn 2019-2021.	Th.S Nguyễn Thị Nga My	Th.S Phan Nguyên Thùy Trâm	Đề tài trình bày cơ sở lý luận ngân hàng thương mại và hoạt động cho vay trung dài hạn đối với khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng thương mại. Đề tài đã phân tích thực trạng hoạt động cho vay trung dài hạn đối với khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – CN Đà Nẵng: trình bày các quy định, quy trình cho vay, cung cấp các số liệu doanh số cho vay, dư nợ cho vay qua các năm, từ đó phân tích tình hình cho vay trung dài hạn đối với khách hàng doanh nghiệp tại Chi nhánh chi tiết theo các loại hình doanh nghiệp, theo ngành nghề và theo

						hình thức bảo đảm. Từ các phân tích trên, tác giả cũng đã đưa ra đánh giá và các giải pháp mở rộng cho vay trung dài hạn đối với Khách hàng doanh nghiệp tại chi nhánh.
--	--	--	--	--	--	---

NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện		Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Đại học	Hoàn thiện công tác đào tạo nhân viên bán hàng của Công ty cổ phần sữa Vitadiary	Lê Đình	An	ThS. Lê Thị Quỳnh Anh	Đề tài liên quan đến hoạt động bán và công tác đào tạo nhân viên bán hàng tại công ty CP sữa Vitadiary. Dựa trên thực tế công tác tại công ty, cùng với việc nghiên cứu tham chiếu lý thuyết và các công ty liên quan, tác giả tiến hành phân tích các số liệu liên quan đến đề tài nghiên cứu. Từ đó, tác giả đưa ra các nhận định ưu và nhược trong công tác bán hàng tại công ty cũng như đề xuất kiến nghị khắc phục nhược điểm
2	Đại học	Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác chăm sóc khách hàng tại Trung tâm Ô tô Daesco Đà Nẵng	Phan Thị Như	Ngọc	ThS. Lê Thị Quỳnh Anh	Khóa luận tập trung vào nghiên cứu hoạt động chăm sóc khách hàng tại Trung tâm oto Daesco Đà Nẵng. Tác giả thu thập, phân tích các số liệu liên quan đến đề tài nghiên cứu, chỉ ra các vấn đề còn tồn tại tại Trung tâm. Dựa trên kết luận phân tích, kết hợp nội dung lý thuyết và các cơ sở thực tế tham chiếu, tác giả đưa ra các đề nghị để giải quyết các hạn chế còn tồn tại.

3	Đại học	Hoàn thiện quy trình tổ chức thực hiện chương trình du lịch trọn gói cho khách nội địa tại công ty Vietravel - Chi nhánh Đà Nẵng	Nguyễn Thị Hòa	Thanh	ThS. Lê Thị Quỳnh Anh	Khóa luận tập trung vào nghiên cứu và điều chỉnh quy trình thực hiện tour tại công ty Vietravel. Dựa trên thực tế công tác tại công ty, cùng với việc nghiên cứu tham chiếu lý thuyết và công ty du lịch liên quan, tác giả tiến hành phân tích các số liệu liên quan đến đề tài nghiên cứu. Từ đó, tác giả đưa ra các nhận định về thành công cũng như hạn chế khi thực hiện tour du lịch tại Vietravel. Tác giả cũng đã đề xuất các kiến nghị để hoàn thiện hơn công tác thực hiện tour du lịch
4	Đại học	Một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động Marketing online tại Công ty cổ phần mạng xã hội du lịch Hahalolo	Ngô Thị Quỳnh	Trúc	ThS. Lê Thị Quỳnh Anh	Đề tài hướng đến mục tiêu phân tích thực trạng công tác Marketing Online tại Công ty CP mạng Hahalolo, đồng thời khái quát các lý thuyết liên quan, tham chiếu công ty dịch vụ tương đồng.. để chỉ ra sự thành công và hạn chế trong thực tiễn công tác Marketing Online tại Công ty. Dựa trên kết quả việc khảo sát, phân tích đánh giá đó, tác giả đưa ra các kiến nghị cho việc hoàn thiện công tác Marketing Online tại công ty CP Mạng Hahalolo.

5	Đại học	Phát triển sản phẩm tiếng Hàn dành cho người bận rộn tại Công ty TNHH MTV Dịch vụ và đầu tư Hanbee Việt	Lê Nguyễn Thu	Hằng	ThS. Lê Thị Quỳnh Anh	Dựa trên thực tế kinh doanh của doanh nghiệp, tính cấp thiết của việc triển khai các khóa học tại Trung tâm Hanbee, trong nội dung khóa luận đã tiến hành khảo sát, phân tích về tình hình hiện tại cũng như định hướng khóa học đối với các học viên trong tương lai... đã chỉ ra được sự chênh lệch giữa nhu cầu và thực tiễn của người học tại Trung tâm. Kết hợp với việc nghiên cứu lý thuyết, cách thức triển khai khóa học tại một số trung tâm ngoại ngữ khác, tác giả tiến hành kiến nghị xây dựng các khóa học mới dành cho từng nhóm đối tượng cụ thể tại Công ty TNHH MTV Dịch vụ và đầu tư Hanbee Việt
6	Đại học	Một số kiến nghị hoàn thiện hoạt động Quảng cáo tại Công ty CP đầu tư và công nghệ phức hợp Softwin	Nguyễn Thị	Mai	ThS. Lê Thị Quỳnh Anh	Nội dung đề tài tập trung vào phân tích thực trạng công tác quảng cáo tại Softwin, đồng thời khái quát các lý thuyết liên quan đến nội dung xây dựng chương trình quảng cáo. Đề tài cũng đi vào khảo sát, phân tích và đưa ra các đánh giá cho công tác quảng cáo tại Công ty CP đầu tư và công nghệ phức hợp Softwin. Trong nội dung của đề tài, tác giả cũng đã đề xuất một số giải pháp cho công tác xây dựng chương trình quảng cáo tại công ty được hoàn thiện hơn.

7	Đại học	Một số giải pháp hoàn thiện hoạt động Marketing trực tiếp tại công ty TNHH Tư vấn giáo dục công dân toàn cầu	Lê Thị Quỳnh	ThS. Lê Thị Quỳnh Anh	Đề tài hướng đến mục tiêu phân tích thực trạng liên quan đến vấn đề Marketing trực tiếp tại công ty, thực hiện các phương pháp so sánh tham chiếu với các khái niệm và đơn vị thực tiễn liên quan... để chỉ ra sự những ưu và hạn chế trong công tác Marketing trực tiếp.. Dựa trên kết quả phân tích đánh giá, tác giả đưa ra một số kiến nghị để hoàn thiện hơn công tác Marketing trực tiếp tại Công ty TNHH tư vấn giáo dục công dân Toàn cầu
8	Đại học	Giải pháp duy trì hoạt động vào mùa thấp điểm của Công viên nước Arena bay Đà Nẵng của Công ty TNHH Sagapa	Mai Thị Vân	ThS. Mai Thị Thảo Chi	Đứng trước yêu cầu đặt ra là duy trì hoạt động kinh doanh công viên nước vào mùa thấp điểm, khóa luận đã tiến hành phân tích những thông số liên quan để đề xuất các chính sách thích hợp giúp doanh nghiệp đạt được mục tiêu của mình.
9	Đại học	Một số kiến nghị hoàn thiện tổ hợp sản phẩm của Công ty Bảo hiểm nhân thọ Manulife Đà Nẵng	Trịnh Công	ThS. Mai Thị Thảo Chi	Khóa luận chỉ ra tồn tại chính trong chính sách sản phẩm của doanh nghiệp là sự thiếu đa dạng trong phổ sản phẩm. Để giải quyết vấn đề này, tác giả đã tìm hiểu về mặt lý thuyết và thực tiễn để đề xuất một số sản phẩm nên được bổ sung vào hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp.
10	Đại học	Xây dựng bản mô tả công việc cho vị trí nhân viên kinh doanh tại Công ty TNHH Tin học viễn thông Sỹ Phương	Trần Thục	ThS. Mai Thị Thảo Chi	Nhận định được vấn đề còn tồn tại ở doanh nghiệp là chưa có bản mô tả công việc cho vị trí nhân viên kinh doanh, tác giả đã tiến hành xây dựng được bản mô tả công việc cho vị trí này với sự tham khảo từ các cơ sở lý thuyết và thực tiễn phù hợp .

11	Đại học	Một số kiến nghị hoàn thiện công tác chăm sóc khách hàng tại Công ty CP Ô tô Vận hội mới – honda ô tô Đà Nẵng	Nguyễn Văn	Hiệp	ThS. Mai Thị Thảo Chi	Khóa luận đi sâu phân tích hoạt động chăm sóc khách hàng tại công ty Cổ phần ô tô Vận hội mới. Dựa trên những quan sát thực tiễn tại các doanh nghiệp tương tự cũng như lý thuyết về chăm sóc khách hàng, tác giả đã đưa ra một số đề xuất chi tiết nhằm hoàn thiện hoạt động này ở đơn vị thực tập.
12	Đại học	Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện hoạt động Marketing Online tại Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Song Vũ	Ngô Văn Thảo	Nguyên	ThS. Mai Thị Thảo Chi	Khóa luận đã phân tích được vấn đề còn tồn tại ở đơn vị thực tập là công tác Marketing online chưa hiệu quả. Để hiểu rõ hơn về vấn đề, tác giả đã tìm hiểu cơ sở lý thuyết và cơ sở thực tiễn ở 2 doanh nghiệp đối thủ cạnh tranh. Cuối cùng, tác giả đã đề xuất các giải pháp khá chi tiết để hoàn thiện công tác này tại đơn vị thực tập.
13	Đại học	Một số kiến nghị về công tác quản trị hành chính văn phòng tại InterContinental Danang Sun Peninsula Resort	Lê Thị Minh	Thư	ThS. Mai Thị Thảo Chi	Khóa luận tập trung phân tích công tác quản trị hành chính văn phòng tại Intercontinental Danang Sun Peninsula Resort. Với những hạn chế được nhận diện, tác giả đã đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác này tại đơn vị thực tập.
14	Đại học	Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện hoạt động Quản trị kênh phân phối của công ty CP Đầu tư giáo dục Đà Nẵng	Võ Trung Hùng	Bá	ThS. Trần Hữu Hải	Khóa luận gồm 3 chương: Chương 1 giới thiệu tổng quan về công ty cổ phần đầu tư giáo dục Đà Nẵng, chương 2 tác giả đã hệ thống được cơ sở lý luận về quản trị kênh phân phối, đưa ra cơ sở thực tiễn làm cơ sở cho việc đề xuất các kiến nghị, chương 3 đưa ra các kiến nghị để hoàn thiện chính

						sách quản trị kênh phân phối tại công ty cổ phần đầu tư giáo dục Đà Nẵng.
15	Đại học	Một số kiến nghị nhằm đẩy mạnh công tác chăm sóc khách hàng tại Công ty Bảo hiểm PVI Đà Nẵng	Hoàng Thị Thanh	Nhàn	ThS. Trần Hữu Hải	Khóa luận gồm 3 chương: Chương 1 giới thiệu tổng quan về công ty bảo hiểm PVI Đà Nẵng, chương 2 tác giả đã hệ thống được cơ sở lý luận về chăm sóc khách hàng, đưa ra cơ sở thực tiễn làm cơ sở cho việc đề xuất các kiến nghị, chương 3 đề xuất các kiến nghị để hoàn thiện hoạt động chăm sóc khách hàng tại công ty PVI Đà Nẵng
16	Đại học	Một số kiến nghị nhằm đẩy mạnh hoạt động truyền thông cổ động tại Công ty TNHH TM & DV Phúc Tất Đạt	Nguyễn Thị Tường	Vy	ThS. Trần Hữu Hải	Khóa luận gồm 3 chương: Chương 1 giới thiệu tổng quan về công ty TNHH TM &DV Tất Phát Đạt, chương 2 tác giả đã hệ thống được cơ sở lý luận về truyền thông cổ động, tìm hiểu hai cơ sở thực tiễn để đối chiếu hoạt động truyền thông cổ động tại doanh nghiệp, chương 3 đề xuất các kiến nghị để hoàn thiện hoạt động truyền thông cổ động tại công ty TNHH TM &DV Tất Phát Đạt

17	Đại học	Một số kiến nghị nhằm đẩy mạnh công tác chăm sóc khách hàng tại Ngân hàng TMCP Bản Việt - CN Đà Nẵng	Đỗ Trần Minh	Hoàng	ThS. Trần Hữu Hải	Khóa luận gồm 3 chương: Chương 1 giới thiệu tổng quan về Ngân hàng TMCP Bản Việt - Chi nhánh Đà Nẵng, chương 2 tác giả đã hệ thống được cơ sở lý luận về chăm sóc khách hàng, tìm hiểu hai cơ sở thực tiễn để đối chiếu hoạt động chăm sóc khách hàng tại doanh nghiệp, chương 3 đề xuất các kiến nghị để hoàn thiện hoạt động chăm sóc khách hàng tại ngân hàng TMCP Bản Việt - Chi nhánh Đà Nẵng
18	Đại học	Một số kiến nghị nhằm đẩy mạnh hoạt động truyền thông cổ động tại Công ty TNHH DANALOCA	Bùi Thanh	Nhàn	ThS. Trần Hữu Hải	Khóa luận gồm 3 chương: Chương 1 giới thiệu tổng quan về công ty TNHH DANALOCA, chương 2 tác giả đã hệ thống được cơ sở lý luận về truyền thông cổ động, tìm hiểu hai cơ sở thực tiễn để đối chiếu hoạt động truyền thông cổ động tại công ty, chương 3 đề xuất các kiến nghị để hoàn thiện hoạt động truyền thông cổ động tại công ty TNHH DANALOCA.
19	Đại học	Một số kiến nghị nhằm đẩy mạnh hoạt động truyền thông cổ động tại Công ty TNHH TM & DV Đồng Xanh - CN Đà Nẵng	Phạm Hồng	Thanh	ThS. Trần Hữu Hải	Khóa luận gồm 3 chương: Chương 1 giới thiệu tổng quan về công ty TNHH TM & DV Đồng Xanh - chi nhánh Đà Nẵng, chương 2 tác giả đã hệ thống được cơ sở lý luận về truyền thông cổ động, tìm hiểu cơ sở thực tiễn hoạt động truyền thông cổ động tại một số doanh nghiệp, chương 3 đề xuất các kiến nghị để hoàn thiện hoạt động truyền thông cổ động tại công ty TNHH TM & DV Đồng Xanh -

						chi nhánh Đà Nẵng
20	Đại học	Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện hoạt động quản trị bán hàng tại công ty TNHH TMTH Tuấn Việt - CN Đà Nẵng	Trương Văn	Cường	ThS. Trần Thị Hải	Khóa luận đi vào tìm hiểu những vấn đề thực trạng về công tác tổ chức quản trị hoạt động của công ty TNHH TMTH Tuấn Việt - CN Đà Nẵng, tìm hiểu nguyên nhân của vấn đề. Sau đó, trên cơ sở nghiên cứu các lý thuyết và thực tế giải quyết các vấn đề tại các doanh nghiệp khác để đưa ra các kiến nghị giải quyết vấn đề thực tại tại công ty tác giả nghiên cứu.
21	Đại học	Hoàn thiện công tác quản trị lực lượng bán hàng tại công ty TNHH TM & DV Thiên Tâm Thịnh	Trương Quang	Huy	ThS. Trần Thị Hải	Khóa luận đi vào nghiên cứu thực trạng công tác quản trị lực lượng bán hàng tại công ty TNHH TM & DV Thiên Tâm Thịnh, rút ra những hạn chế trong công tác quản trị lực lượng bán. Trên cơ sở nghiên cứu lý thuyết về quản trị lực lượng bán bán, tác giả đã đưa ra kiến nghị hoàn thiện những hạn chế trong công tác quản trị lực lượng bán của công ty.

22	Đại học	Hoàn thiện quy trình phục vụ của bộ phận lễ tân tại Sunrise Premium resort và spa Hội An	Nguyễn Phan Uyên	Nhi	ThS. Trần Thị Hải	Khóa luận tìm hiểu về thực trạng quy trình phục vụ khách hàng của bộ phận lễ tân, tìm hiểu các nhân tố tham gia vào quy trình, rút ra những hạn chế trong quy trình và trên cơ sở nghiên cứu lý thuyết về quy trình tổ chức phục vụ của bộ phận lễ tân và định hướng của doanh nghiệp đưa ra kiến nghị giải quyết những hạn chế trong quy trình phục vụ của bộ phận lễ tân.
23	Đại học	Thực trạng và kiến nghị hoàn thiện chính sách thu lao tại công ty TNHH Tràng An	Lê Thị Nguyệt	Thiên	ThS. Trần Thị Hải	Khóa luận tập trung và tìm hiểu thực trạng chính sách thù lao tại công ty TNHH Tràng An, tìm hiểu những hạn chế trong chính sách thù lao. Trên cơ sở, nghiên cứu thực tiễn thực hiện chính sách thù lao tại các doanh nghiệp khác, tác giả đề xuất một số kiến nghị để hoàn thiện chính sách thù lao.
24	Đại học	Hoàn thiện công tác chăm sóc khách hàng tại công ty tư vấn và đào tạo AVA	Nguyễn Thị	Hồng	ThS. Trần Thị Hải	Khóa luận tập trung vào tìm hiểu hoạt động chăm sóc khách hàng được tổ chức tại công ty tư vấn và đào tạo AVA, tìm hiểu những hạn chế và nguyên nhân tồn tại các hạn chế liên quan đến công tác chăm sóc khách hàng. Trên cơ sở nghiên cứu lý thuyết và tìm hiểu thực tiễn giải quyết vấn đề chăm sóc khách hàng tại các doanh nghiệp tương đồng để đưa ra kiến nghị giải quyết thực trạng vấn đề tại công ty AVA.

25	Đại học	Hoàn thiện chính sách Marketing tại công ty cổ phần Ly Ngọc	Nguyễn Thị Thanh	Nhi	ThS. Trần Thị Hải	Trên cơ sở nhận định những hạn chế trong hoạt động Marketing tại công ty cổ phần Ly Ngọc, tác giả đã đi vào tìm hiểu thực trạng chính sách marketing của công ty và tìm hiểu thực tiễn tổ chức các chính sách Marketing của các đối thủ cạnh tranh để đưa ra đề xuất hoàn thiện chính sách Marketing của công ty.
26	Đại học	Hoàn thiện công tác quản trị lực lượng bán hàng của công ty cổ phần Tân Vĩnh Sơn.	Lê Thu	Thảo	ThS. Trần Thị Hải	Khóa luận tìm hiểu về thực trạng, vấn đề trong công tác quản trị lực lượng bán tại công ty cổ phần Tân Vĩnh Sơn. Trên cơ sở nghiên cứu lý thuyết và thực tiễn giải quyết hạn chế quản trị lực lượng bán tại các doanh nghiệp khác, tác giả đã đề xuất một số kiến nghị hoàn thiện công tác quản trị bán hàng tại công ty.
27	Đại học	Giải pháp Marketing online nhằm đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm tại công ty sản xuất thức ăn gia súc Đại Hòa	Nguyễn Thị Thanh	Giang	ThS. Lưu Khánh Hiền	Khóa luận tìm hiểu về thực trạng Marketing on line tại Cty sản xuất thức ăn gia súc Đại Hòa. Đồng thời, tác giả tiến hành nghiên cứu cơ sở lý thuyết và cơ thực tiễn tại các đơn vị khác để làm căn cứ đề xuất các giải pháp marketing on line tại đơn vị nhằm đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm cũng như mở rộng thị trường.

28	Đại học	Một số kiến nghị nhằm tạo động lực cho nhân viên để nâng cao chất lượng tại công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại DV Hải Bình	Võ Thị Minh	Kiều	ThS. Lưu Khánh Hiền	Khóa luận tìm hiểu về thực trạng tạo động lực lao động cho nhân viên tại công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại DV Hải Bình. Đồng thời, tác giả tiến hành nghiên cứu cơ sở lý thuyết và cơ thực tiễn tại các đơn vị khác để làm căn cứ đề xuất các kiến nghị - hoàn thiện công tác tạo động lực lao động cho nhân viên tại công ty Hải Bình
29	Đại học	Hoàn thiện chiến lược quản trị và phát triển kênh phân phối tại công ty TNHH Thực Phẩm Takifoods	Nguyễn Thị	Quỳnh	ThS. Lưu Khánh Hiền	Khóa luận tìm hiểu về thực trạng hoạt động kinh doanh và hoạt động quản trị kênh phân phối tại Cty TNHH Thực Phẩm Takifoods. Đồng thời, tác giả tiến hành nghiên cứu cơ sở lý thuyết và cơ thực tiễn tại các đơn vị khác để làm căn cứ đề xuất các kiến nghị - hoàn thiện công tác quản trị kênh cho doanh nghiệp.
30	Đại học	Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện quy trình giao nhận hàng nhập khẩu bằng phương thức FCL/FCL tại công ty TNHH Tiếp Vận Đồ	Nguyễn Thị Huyền	Trang	ThS. Lưu Khánh Hiền	Khóa luận phân tích được thực trạng về quy trình giao nhận hàng nhập khẩu bằng phương thức FCL/FCL tại công ty TNHH Tiếp Vận Đồ. Đồng thời, tác giả tiến hành nghiên cứu cơ sở lý thuyết và cơ thực tiễn tại các đơn vị khác để làm căn cứ đề xuất các kiến nghị nhằm hoàn thiện các hoạt động trong quy trình giao nhận và gia tăng hiệu quả kinh tế cho doanh nghiệp.

31	Đại học	Hoàn thiện công tác đào tạo nhân viên bán hàng tại Công ty TNHH Công Nghệ số Sunpark	Nguyễn Thị	Duyên	ThS. Lưu Khánh Hiền	Khóa luận nêu được thực trạng công tác đào tạo nhân viên bán hàng tại công ty TNHH Công Nghệ số Sunpark. Đồng thời, tác giả tiến hành nghiên cứu cơ sở lý thuyết và cơ thực tiễn tại các đơn vị khác để làm căn cứ đề xuất các kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác đào tạo nhân viên bán hàng tại công ty, nâng cao hiệu quả bán hàng.
32	Đại học	Giải pháp nhằm hoàn thiện công tác tuyển dụng tại công ty cổ phần Ly Ngọc	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	ThS. Lưu Khánh Hiền	Khóa luận nêu được thực trạng công tác tuyển dụng lao động tại công ty Cổ phần Ly Ngọc. Đồng thời, tác giả tiến hành nghiên cứu cơ sở lý thuyết và cơ thực tiễn tại các đơn vị khác để làm căn cứ đề xuất các kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác tuyển dụng nhân viên tại công ty.
33	Đại học	Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện quy trình xử lý bộ chứng từ hàng nhập khẩu bằng đường biển theo phương thức FCL/FCL tại Công ty TNHH Tiếp Vận Đồ	Đinh Tiến	Dũng	ThS. Nguyễn Thị Lê Loan	Khoá luận tập trung phân tích quy trình xử lý bộ chứng từ hàng nhập khẩu bằng đường biển theo phương thức FCL/FCL tại doanh nghiệp, từ đó đưa ra được các vấn đề còn tồn tại trong quy trình. Thông qua tìm hiểu lý luận và thực tiễn tại Công ty Vũ Khang và Công ty ProTrans Global, tác giả đã đề xuất một số kiến nghị khả thi nhằm hoàn thiện quy trình này tại đơn vị thực tập.

34	Đại học	Một số kiến nghị nhằm đẩy mạnh hoạt động quảng cáo sản phẩm sơn tại Công ty TNHH sản xuất và thương mại Phúc Tất Đạt	Mai Thế	Hùng	ThS. Nguyễn Thị Lê Loan	Khoá luận đã phân tích và đưa ra được một số vấn đề tồn tại trong hoạt động quảng cáo sản phẩm sơn tại doanh nghiệp. Bằng cơ sở lý luận và thực tiễn tác giả tìm hiểu và tham khảo, khoá luận đã đề xuất được một số kiến nghị nhằm đẩy mạnh hoạt động quảng cáo tại doanh nghiệp thực tập.
35	Đại học	Hoàn thiện quản trị kênh phân phối sản phẩm giấy tại Công ty TNHH Nguyên Huy	Phạm Thị Yến	Nhi	ThS. Nguyễn Thị Lê Loan	Tác giả đi sâu phân tích được hoạt động quản trị kênh phân phối sản phẩm giấy tại Công ty Nguyên Huy, từ đó đã đánh giá được các mặt hạn chế còn tồn tại trong công tác quản trị kênh phân phối. Thông qua cơ sở lý luận và thực tiễn tác giả tham khảo, khoá luận đã đề xuất được một số kiến nghị khả thi giúp doanh nghiệp hoàn thiện hoạt động quản trị kênh phân phối.
36	Đại học	Hoàn thiện công tác bán hàng tại Trung tâm ô tô Daesco Đà Nẵng	Huỳnh Thị Thanh	Thúy	ThS. Nguyễn Thị Lê Loan	Khoá luận đã đi sâu phân tích được thực trạng và đánh giá được những mặt hạn chế tồn tại trong công tác bán hàng tại Trung tâm Daesco. Dựa trên cơ sở lý luận và thực tiễn tại các doanh nghiệp, tác giả đã đề xuất được một số kiến nghị nhằm đẩy mạnh công tác bán hàng cho Trung tâm.

37	Đại học	Hoàn thiện công tác bán hàng tại Công ty TNHH Đức Lâm	Phan Thị Mỹ	Dung	ThS. Nguyễn Thị Lê Loan	Tác giả đã tìm hiểu và phân tích được thực trạng công tác bán hàng tại Công ty Đức Lâm, từ đó đã đưa ra được một số hạn chế công ty gặp phải trong hoạt động bán hàng. Trên cơ sở so sánh hạn chế của công ty và cơ sở lý luận và thực tiễn công tác bán hàng tại một số doanh nghiệp, tác giả đã đề xuất được kiến nghị nhằm hoàn thiện và đẩy mạnh hoạt động bán hàng cho Công ty Đức Lâm.
38	Đại học	Hoàn thiện công tác quản trị quan hệ khách hàng văn phòng phẩm tại Công ty cổ phần TM&DV Ngọc Hà - CN Đà Nẵng	Đoàn Thị Kim	Nhiều	ThS. Nguyễn Thị Lê Loan	Khoá luận đã phân tích thực trạng và đưa ra được những đánh giá còn tồn tại trong hoạt động quản trị quan hệ khách hàng tại đơn vị thực tập. Thông qua nghiên cứu lý thuyết và thực tiễn hoạt động quản trị quan hệ khách hàng tại 1 số công ty, tác giả đã đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác CRM tại đơn vị thực tập.
39	Đại học	Hoàn thiện quá trình lập kế hoạch sản xuất tại công ty cổ phần MP Pack	Nguyễn Vũ Lan	Trinh	ThS. Lê Thị Kim Ngân	Khóa luận phân tích công tác lập kế hoạch sản xuất tại công ty cổ phần MP Pack. Tác giả đã tìm hiểu rõ quy trình lập kế hoạch sản xuất tại cty và so sánh với quy trình lập kế hoạch tại xí nghiệp bao bì Vĩnh Tuy và công ty cp sữa TH, từ đó rút ra những ưu điểm và hạn chế trong công tác lập kế hoạch sản xuất tại MP Pack và đề xuất các giải pháp hoàn thiện.

40	Đại học	Hoàn thiện công tác Marketing Online tại Công ty TNHH MTV Công nghệ và Thương hiệu Euro Web	Hoàng Thị Lan	Hương	ThS. Lê Thị Kim Ngân	Tác giả đã phân tích được thực trạng hoạt động marketing online tại công ty TNHH MTV Công nghệ và Thương hiệu Euro Web. Thông qua nghiên cứu cơ sở lý thuyết và thực tiễn hoạt động marketing online tại 1 số công ty khác,tác giả đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác marketing online tại DN.
41	Đại học	Thực trạng hoạt động quảng cáo thu hút khách hàng của công ty TNHH bTaskee	Lâm Nguyễn Anh	Phước	ThS. Lê Thị Kim Ngân	Công ty TNHH bTaskee là một công ty công nghệ phần mềm với Ứng dụng giúp việc nhà theo giờ bTaskee, vì vậy các hoạt động quảng cáo tại công ty tập trung chủ yếu ở quảng cáo trực tuyến. Qua phân tích thực trạng hoạt động quảng cáo tại công ty, tác giả đã chỉ ra được những ưu điểm và tồn tại trong công tác quảng cáo tại đây. Từ đó đề xuất các giải pháp khá chi tiết nhằm hoàn thiện công tác này tại đơn vị.
42	Đại học	Hoàn thiện chính sách quản trị nguyên vật liệu bột giấy tại công ty cổ phần giấy Thiên Long	Trần Nhật	Lệ	ThS. Đỗ Thị Thủy	Nội dung khóa luận bao gồm 3 chương, mục tiêu hướng đến việc phân tích đánh giá công tác quản trị nguyên vật liệu bột giấy tại công ty Cp Giấy Thiên Long. Trong nội dung khóa luận, tác giả đã chỉ ra được những hạn chế còn tồn tại, xác định nguyên nhân cũng như đề xuất một số kiến nghị để công tác quản trị nguyên vật liệu tại công ty Thiên Long đạt hiệu quả cao hơn

43	Đại học	Hoàn thiện chính sách marketing trực tuyến tại công ty Phú Mộc Gia	Trịnh Thị	Dương	ThS. Đỗ Thị Thủy	Nội dung khóa luận tập trung phân tích, đánh giá về hoạt động Marketing trực tuyến hiện nay của công ty Phú Mộc Gia, gồm ba chương. Dựa trên tình hình thực tiễn của công ty, kết hợp với việc nghiên cứu khái quát các lý thuyết cũng như các đơn vị thực tế khác liên quan, tác giả đã nêu lên hạn chế còn tồn đọng tại công ty Phú Mộc Gia về hoạt động Marketing trực tuyến. Từ đó, tác giả đề xuất một số kiến nghị để hoàn thiện hơn công tác này tại công ty Phú Mộc Gia
44	Đại học	Đánh giá của các đại lý bán lẻ về hoạt động phân phối sản phẩm của Doanh nghiệp Tư nhân Nguyễn Danh	Trương Thị Thảo	Nguyễn	ThS. Ngô Lê Uyên	Nội dung khóa luận về đánh giá của các đại lý bán lẻ về hoạt động phân phối sản phẩm của Doanh nghiệp Tư nhân Nguyễn Danh, gồm có ba chương. Chương 1 về tổng quan đơn vị và phân tích hoạt động kinh doanh của đơn vị này. Nội dung chương 2 là các vấn đề và nguyên nhân mà đơn vị này đang gặp phải ở việc đánh giá của các đại lý bán lẻ về hoạt động phân phối sản phẩm của đơn vị. Trong chương này, các cơ sở lý thuyết và thực tiễn để làm cơ sở đưa ra kiến nghị nhằm giải quyết vấn đề của đơn vị cũng được nêu ra. Chương 3 bao gồm các kiến nghị nhằm cải thiện hoạt động phân phối sản phẩm của Doanh nghiệp Tư nhân Nguyễn Danh.

45	Đại học	Nâng cao sự hài lòng của nhân viên tại Công ty TNHH MTV Thời trang Fatraly	Hồ Thị Thanh	Tâm	ThS. Ngô Lê Uyên	Nội dung khóa luận về việc nâng cao sự hài lòng của nhân viên tại Công ty TNHH MTV Thời trang Fatraly, gồm có ba chương. Chương 1 về tổng quan đơn vị và phân tích hoạt động kinh doanh của đơn vị này. Nội dung chương 2 là các vấn đề và nguyên nhân mà đơn vị này đang gặp phải ở sự hài lòng của nhân viên tại đơn vị. Trong chương này, các cơ sở lý thuyết và thực tiễn để làm cơ sở đưa ra kiến nghị nhằm giải quyết vấn đề của đơn vị cũng được nêu ra. Chương 3 bao gồm các kiến nghị nhằm nâng cao sự hài lòng của nhân viên tại Công ty TNHH MTV Thời trang Fatraly.
46	Đại học	Một số kiến nghị nhằm cải thiện quy trình chăm sóc khách hàng và cải thiện thái độ nhân viên tại công ty TNHH Xuân Vinh	Ngô Thị	Thảo	ThS. Ngô Lê Uyên	Nội dung khóa luận về một số kiến nghị nhằm cải thiện quy trình chăm sóc khách hàng và cải thiện thái độ nhân viên tại công ty TNHH Xuân Vinh, gồm có ba chương. Chương 1 về tổng quan đơn vị và phân tích hoạt động kinh doanh của đơn vị này. Nội dung chương 2 là các vấn đề và nguyên nhân mà đơn vị này đang gặp phải ở quy trình chăm sóc khách hàng và thái độ của nhân viên tại đơn vị. Trong chương này, các cơ sở lý thuyết và thực tiễn để làm cơ sở đưa ra kiến nghị nhằm giải quyết vấn đề của đơn vị cũng được nêu ra. Chương 3 bao gồm một số kiến nghị nhằm cải thiện quy trình chăm sóc khách hàng và cải thiện thái độ nhân viên

						tại công ty TNHH Xuân Vinh.
47	Đại học	<p>Tìm kiếm Data khách hàng tại công ty TNHH Tư Vấn Du Học Công Dân Toàn Cầu</p>	<p>Quách Tô Mạnh</p>	<p>Cường</p>	<p>ThS. Ngô Lê Uyên</p>	<p>Nội dung khóa luận về tìm kiếm dữ liệu khách hàng tại công ty TNHH Tư Vấn Du Học Công Dân Toàn Cầu, gồm có ba chương. Chương 1 về tổng quan đơn vị và phân tích hoạt động kinh doanh của đơn vị này. Nội dung chương 2 là các vấn đề và nguyên nhân mà đơn vị này đang gặp phải ở việc tìm kiếm dữ liệu của khách hàng. Trong chương này, các cơ sở lý thuyết và thực tiễn để làm cơ sở đưa ra kiến nghị nhằm giải quyết vấn đề của đơn vị cũng được nêu ra. Chương 3 bao gồm các giải pháp nhằm thu thập được dữ liệu của khách hàng cho đơn vị thực tập.</p>

48	Đại học	Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác duy trì khách hàng tại Học viện Đào tạo ATI	Phạm Thị Diệu	Linh	ThS. Ngô Lê Uyên	Nội dung khóa luận về các kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác duy trì khách hàng tại Học viện Đào tạo ATI, gồm có ba chương. Chương 1 về tổng quan đơn vị và phân tích hoạt động kinh doanh của đơn vị này. Nội dung chương 2 là các vấn đề và nguyên nhân mà đơn vị này đang gặp phải ở việc duy trì khách hàng khách hàng. Trong chương này, các cơ sở lý thuyết và thực tiễn để làm cơ sở đưa ra kiến nghị nhằm giải quyết vấn đề của đơn vị cũng được nêu ra. Chương 3 bao gồm các giải pháp nhằm duy trì khách hàng cho đơn vị thực tập.
49	Đại học	Một số kiến nghị nhằm cải thiện hoạt động truyền thông cho công ty TNHH GCE thông qua Online Marketing	Nguyễn Thị	Phương	ThS. Ngô Lê Uyên	Nội dung khóa luận về một số kiến nghị nhằm cải thiện hoạt động truyền thông cho công ty TNHH GCE thông qua Online Marketing, gồm có ba chương. Chương 1 về tổng quan đơn vị và phân tích hoạt động kinh doanh của đơn vị này. Nội dung chương 2 là các vấn đề và nguyên nhân mà đơn vị này đang gặp phải ở việc hoạt động truyền thông của đơn vị. Trong chương này, các cơ sở lý thuyết và thực tiễn để làm cơ sở đưa ra kiến nghị nhằm giải quyết vấn đề của đơn vị cũng được nêu ra. Chương 3 bao gồm các kiến nghị nhằm cải thiện hoạt động hoạt động truyền thông thông qua Online Marketing cho đơn vị.

50	Đại học	"Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản trị nguyên vật liệu tại công ty cổ phần giấy Thiên Long"	Trần Nhật	Lệ	ThS. Đỗ Thị Thủy	Nội dung Khóa luận gồm 3 chương: Chương 1 giới thiệu tổng quan về công ty cổ phần giấy Thiên Long, giới thiệu vị trí thực tập. Chương 2 là vấn đề công ty gặp phải trong hoạt động quản trị nguyên vật liệu bột giấy, nguyên nhân của vấn đề; tác giả đã tìm hiểu lý luận về quản trị nguyên vật liệu và 2 cơ sở thực tiễn để là cơ sở đối chiếu, so sánh cho hoạt động này tại doanh nghiệp. Chương 3 tác giả đã đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện hoạt động quản trị nguyên vật liệu tại công ty cổ phần giấy Thiên Long
51	Đại học	Một số giải pháp nhằm hoàn thiện hoạt động marketing trực tuyến tại công ty Phú Mộc Gia	Trịnh Thị	Dương	ThS. Đỗ Thị Thủy	Nội dung Khóa luận gồm 3 chương: Chương 1 giới thiệu tổng quan về công ty Phú Mộc Gia, giới thiệu vị trí thực tập. Chương 2 là vấn đề công ty gặp phải trong hoạt động marketing trực tuyến, nguyên nhân của vấn đề; tác giả đã tìm hiểu lý luận về marketing trực tuyến và 2 cơ sở thực tiễn để làm cơ sở đối chiếu, so sánh cho hoạt động này tại doanh nghiệp. Chương 3 tác giả đã đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện hoạt động marketing trực tuyến tại công ty Phú Mộc Gia

52	Đại học	Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác đào tạo nhân viên bán hàng tại công ty TNHH thương mại xây dựng Quảng Phong	Trần Trung	Nghĩa	ThS. Đỗ Thị Thủy	<p>Nội dung Khóa luận gồm 3 chương: Chương 1 giới thiệu tổng quan về công ty TNHH thương mại xây dựng Quảng Phong, giới thiệu vị trí thực tập. Chương 2 là vấn đề công ty gặp phải trong công tác đào tạo nhân viên bán hàng tại công ty, tác giả đã tìm hiểu lý luận về đào tạo nhân viên bán hàng và 2 cơ sở thực tiễn để làm cơ sở đối chiếu, so sánh cho hoạt động này tại doanh nghiệp. Chương 3 tác giả đã đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác đào tạo nhân viên bán hàng tại công ty TNHH thương mại xây dựng Quảng Phong.</p>
----	---------	---	------------	-------	------------------	---

NGÀNH NGÔN NGỮ ANH

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Đại học	A Study on Lexical Strategies Used by English-majored Students in Speaking English at Da Nang Architecture University	Phạm Thị Thảo My và Đông Thị Minh Nhật	ThS. Bạch Quốc Hưng	Luận văn này được thực hiện để tìm hiểu chiến lược từ vựng mà sinh viên khoa ngoại ngữ trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng sử dụng để khắc phục vấn đề từ vựng trong khi giao tiếp bằng tiếng anh. Ngoài ra, nghiên cứu cũng tìm ra khó khăn từ vựng mà sinh viên gặp phải khi giao tiếp. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập và phân tích thông qua sử dụng bảng câu hỏi cho 40 sinh viên và phỏng vấn 6 sinh viên. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng sinh viên thỉnh thoảng gặp những vấn đề khó khăn liên quan đến từ vựng khi giao tiếp và để bù đắp lại những khó khăn đó sinh viên đã sử dụng nhiều chiến lược từ vựng ở mức độ trung bình (thỉnh thoảng). Nghiên cứu này hy vọng giúp sinh viên nâng cao ý thức giải quyết các vấn đề khó khăn gặp phải khi giao tiếp nhằm để đạt được mục đích giao tiếp.
2	Đại học	An Investigation into Vocabulary Guesing Strategies in Reading used by third-year English majored students at Danang	Trần Thị Trang và Bùi Thị Xuân	ThS. Khắc Thị Ngọc Thương	Luận văn được thực hiện nhằm nghiên cứu các chiến thuật mà sinh viên chuyên ngữ năm 3 tại trường đại học Kiến Trúc Đà Nẵng sử dụng để đoán từ vựng trong môn Đọc Hiểu, trên cơ sở đó sẽ tìm ra các nhân tố gây ảnh hưởng lên việc sử dụng các chiến thuật đó trong môn Đọc Hiểu để đoán nghĩa của từ. Cuối cùng, nghiên cứu đưa ra các đề xuất để cải thiện khả năng đoán từ vựng trong môn Đọc Hiểu của sinh viên chuyên ngữ tại trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng.

		Architecture University			
3	Đại học	An Analysis of Lexical Errors in The Machine Translation of Antoine De Saint-Exupery's The Little Prince	Nguyễn Thị Kim Ly	ThS. Ngô Đình Lộc	Hầu hết các sinh viên gặp nhiều khó khăn khi dịch ngôn ngữ nước ngoài. Họ hầu như chọn Google Dịch để trợ giúp, nhưng họ không biết chất lượng của nó. Do đó, mục đích của nghiên cứu này nhằm tìm ra độ chính xác của Google Dịch. Nghiên cứu đã sử dụng cả phương pháp định tính và định lượng để tìm ra mức độ chính xác của Google Dịch. Trong nghiên cứu này, người nghiên cứu đã sử dụng một số công cụ để thực hiện. Kết quả cho thấy Google Dịch không chính xác và nó vẫn cần nhiều cải thiện trong việc dịch chính xác nghĩa. Google Dịch đã xảy ra nhiều lỗi và kết quả cho thấy sinh viên nên cân nhắc khi sử dụng nó. Hy vọng rằng nghiên cứu sẽ hỗ trợ và cung cấp thêm kiến thức cho sinh viên. Ngoài ra, sinh viên nên sử dụng Google Dịch một cách có chọn lọc và không nên tin tưởng hoàn toàn vào nó.
4	Đại học	A Contrastive Analysis of The Iceberg Principle Manifested in "The Old Man And The Sea" by Ernest	Ngô Thị Ngọc Anh và Trần Thị Mỹ Phương	ThS. Huỳnh Thị Mỹ Dung	Nhiều tác giả văn học áp dụng phương pháp Nguyên lý Tầng băng trôi vào công việc của họ và rất thành công với bài viết này. Phương pháp viết này làm cho tác phẩm sâu sắc và mang đa sắc nghĩa hơn, mang đến những thông điệp sâu sắc. Trong đó, Ernest Hemingway là một nhà văn nổi tiếng với phương pháp viết lách này theo Nguyên lý Tầng băng trôi và nổi tiếng hơn với tác phẩm của ông là "Ông già và biển cả". Cũng là một nhà văn người Mỹ, Jack London đã áp dụng nó theo cách tương tự, mặc dù ông không nói rõ rằng ông đã viết Nguyên lý Tầng băng trôi, nhưng tác phẩm của ông vẫn

Hemingway and
"The Call Of
The Wild" by
Jack London

chứa đựng nhiều ý nghĩa và nổi bật, như “Tiếng gọi nơi hoang dã”.

Luận văn này sẽ phân tích các định nghĩa của Nguyên lý Tầng băng trôi và sau đó chọn một số định nghĩa phù hợp cho chủ đề nghiên cứu. Từ đó, làm rõ phương pháp viết theo Nguyên lý Tầng băng của các nhà văn Mỹ Ernest Hemingway và Jack London trong hai tác phẩm của họ. Nghiên cứu này sẽ làm rõ lý thuyết tầng băng được viết bởi Ernest Hemingway trong “Ông già và biển cả” và Jack London trong “Tiếng gọi nơi hoang dã” thông qua hình tượng nhân vật, chủ đề và nghệ thuật.

Nghiên cứu này được thực hiện để tìm ra những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai tác phẩm thông qua các nhân vật, chủ đề cũng như các giá trị nghệ thuật để thể hiện Nguyên tắc tầng băng trôi được áp dụng trong văn học. Đồng thời, tìm ra các giá trị và thông điệp thực sự mà hai nhà văn muốn mang đến cho độc giả của họ thông qua hai tác phẩm kinh điển trên.

Kết quả nghiên cứu hy vọng sẽ mang lại một số đóng góp cho độc giả trong việc đọc hiểu, cho giáo viên và học sinh trong việc dạy và học văn học ở trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng, khoa Ngôn ngữ Anh trong bộ môn Văn hóa Anh – Mỹ, cũng như có cái nhìn rộng hơn về toàn bộ Nguyên lý Tầng băng trôi trong văn học. Nó cũng là một tài liệu lưu trữ cho sinh viên học tập tốt hơn. Ngoài ra, nghiên cứu này cũng đóng góp cho sinh viên ngành ngôn ngữ, đặc biệt là các ngành dịch thuật và phiên dịch trong thực hành kỹ năng đọc và dịch. Đối với nghiên cứu văn học, nghiên cứu này cũng là một tài liệu bổ sung trong Nguyên lý Tầng băng trôi trong văn học, mà các nghiên cứu trước đây chưa đề cập

5	Đại học	Lê Tăng Ngọc Hiền và Trà Thị Thu Thảo	ThS. Hà Thúc Nhật Nguyên	Different Written Corrective Feedback Types in Writing Classes of First-Year English Majored Students at Da Nang Architecture University	Nhận biết được tầm quan trọng của kỹ năng viết trong việc học tiếng Anh, bài luận văn tốt nghiệp khảo sát những loại hình sửa lỗi bài viết trong các giờ học kỹ năng viết của sinh viên năm thứ nhất chuyên ngành Ngôn Ngữ Anh tại Đại Học Kiến Trúc Đà Nẵng. Người thực hiện đề tài kết hợp các phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng trong quá trình thực hiện luận văn. Tổng cộng các bài viết của 64 sinh viên đã được thu thập và phân tích, cùng với việc phân tích kết quả phỏng vấn thu thập được từ 10 sinh viên và 02 giảng viên giảng dạy bộ môn viết. Kết quả nghiên cứu cho thấy có 5 loại hình sửa lỗi bài viết được các giảng viên giảng dạy bộ môn viết áp dụng trong giờ dạy bộ môn dành cho sinh viên năm thứ nhất Đại Học Kiến Trúc Đà Nẵng: sửa lỗi trực tiếp, sửa lỗi gián tiếp, sửa lỗi được mã hóa, phản hồi tổng số lỗi và nhận xét. Bài nghiên cứu cũng đồng thời đưa ra một số gợi ý góp phần giúp cải thiện kỹ năng viết cho sinh viên năm nhất thông qua các loại hình sửa lỗi được giảng viên bộ môn phản hồi.
6	Đại học	Nguyễn Thị Na và Nguyễn Thị Ngọc Tuyền	ThS. Trần Thị Thu Hương	An Investigation into the Structures Used in IELTS Writing Task 1 of the Final English Majored Students at Da Nang Architecture University	Nghiên cứu nhằm giúp sinh viên có cái nhìn tổng thể về những cấu trúc câu thường được sử dụng trong khi hoàn thành Nhiệm vụ 1 - Kỹ năng Viết IELTS, đồng thời cũng cung cấp cho sinh viên một lượng kiến thức và từ vựng chuyên sâu được sử dụng trong phần này. Bên cạnh đó nghiên cứu còn giúp sinh viên nhận biết một số loại biểu đồ thường gặp ở Nhiệm vụ 1 và nâng cao kết quả cho phần thi này.

G. Công khai thông tin đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp

STT	Tên đơn vị đặt hàng đào tạo	Số lượng	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Kết quả đào tạo

H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
1	Workshop “Thiết kế Bệnh viện – Lần thứ 3”	09/7/2018 - 19/7/2018	Phòng 204	40
2	Buổi tọa đàm doanh nghiệp và sinh viên Khoa Ngoại ngữ “Nâng cao năng lực cạnh tranh của sinh viên Ngoại ngữ trong môi trường làm việc thời kỳ hội nhập”	14/12/2018		
3	Hội thảo “Ứng dụng vật liệu cải tiến trong xây dựng”	14/12/2018	Phòng 204	100
4	Hội nghị Khoa học “Ứng dụng BIM - Cơ hội và thách thức đối với các ngành đào tạo của trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng trong thời đại CM Công nghiệp 4.0”	19/01/2019	Phòng 212	
5	Hội thảo "Sửa chữa và gia cường kết cấu trong xây dựng"	22/3/2019	Phòng 212	
6	Hội thảo "Ứng dụng công nghệ Blockchain trong thời đại công nghệ 4.0"	23/3/2019	Phòng 101	
7	Hội thảo “Quy hoạch đô thị và sự phát triển bền vững”	25/3/2019 - 28/3/2019	Phòng 212	49
8	Buổi thảo luận chuyên đề “Vấn đề ô nhiễm nguồn nước và Xử lý chất thải rắn”	03/4/2019	Phòng 212	

I. Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
1	Ứng dụng mô hình Community Engaged Learning vào giảng dạy tại Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng	ThS.KTS. Phan Trần Kiều Trang KTS. Lê Thị An Phụng Các giảng viên Trường ĐHKTĐN	Trung tâm Nghiên cứu & Phát triển bền vững (CSDS) Đại sứ quán Ireland	2018-2021	12000 USD	Đổi mới phương pháp giảng dạy để việc học của sinh viên gắn liền hơn với thực tiễn và giải quyết các nhu cầu cụ thể từ cộng đồng.
2	Knowledge in Action for Urban Equality	ThS.KTS. Phan Trần Kiều Trang KTS. Lê Thị An Phụng ThS. Chu Mạnh Trinh (Khu Bảo tồn biển Cù Lao Chàm) ThS. Võ Hồ Bảo Hạng (UNHabitat)	Asian Coliation for Housing Right (ACHR) DPU, UCL	2019-2020	15000USD	Nghiên cứu về bảo tồn và phát triển mạng lưới các làng chài tại Đà Nẵng
3	Empowering urban regions for cooperative, synergistic and practical implementation of sustainability and resilience strategies considering the urban-rural nexus	Trung tâm CELC-DAU Khoa Kiến trúc & Khoa du lịch AT-Verband Giáo sư Michael Peterek (Frankfurt	German Federal Ministry of Education and Research, AT Verband	2019	10000 USD	Tổ chức khóa học trao đổi giữa sinh viên Trường Đại học Frankfurt University of Applied Science và Đại học Kiến trúc Đà Nẵng

		University of Applied Science)				
--	--	-----------------------------------	--	--	--	--

K. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
1	Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng	Tháng 01/2018	81,97%	04/NQ-HĐKĐCLGD ngày 26/3/2018	Đạt tiêu chuẩn KĐCLGD	14/5/2018	14/5/2023

Biểu mẫu 19

Công khai thông tin cơ sở vật chất năm học 2019 – 2020

A. Công khai thông tin về diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng:

STT	Nội dung	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất cơ sở đào tạo quản lý sử dụng	51.802	51.802		
	Trong đó:				
a	Trụ sở chính	7.429	7.429		
b	Phân hiệu tại...				
c	Cơ sở 2 tại...	44.373	44.373		
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học	22.952	17.952		5.000
	Trong đó:				
a	Trụ sở chính	17.952			
b	Phân hiệu tại...				
c	Cơ sở 2 tại...				

B. Công khai thông tin về các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu:

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Phòng thí nghiệm Vật lý, Điện, Vật liệu xây dựng	03	Học tập	Sinh viên	285	X		
2	Phòng thực hành Điều khắc, Tin học	07	Học tập	Sinh viên	1.422	X		
3	Xưởng thực tập Đồ họa	01	Học tập	Sinh viên	70	X		
4	Nhà tập đa năng	01	Học tập	Sinh viên	5.000			X
5	Hội trường	05	Học tập	Sinh viên	2.000	X		
6	Phòng học	82	Học tập	Sinh viên	12.993	X		
7	Phòng học đa phương tiện...	01	Học tập, hội thảo	Sinh viên	240	X		
8	Thư viện...	01	Học tập	Sinh viên	942	X		
9	Trung tâm học liệu...							
10	Các phòng chức năng khác							

C. Công khai thông tin về học liệu (sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) của thư viện và trung tâm học liệu:

STT	Tên	Số lượng
1	Số phòng đọc	02
2	Số chỗ ngồi đọc	300
3	Số máy tính của thư viện	48
4	Số lượng đầu sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (đầu sách, tạp chí)	28.290
5	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	02

D. Diện tích đất/sinh viên; diện tích sàn/sinh viên:

STT	Tên	Tỷ lệ
1	Diện tích đất/sinh viên (51.802/4.857 – Số lượng sinh viên đến 11/05/2019)	10,66 m ² /SV
2	Diện tích sàn/sinh viên (17.952/4.857 – Số lượng sinh viên đến 11/05/2019)	3,69 m ² /SV

Biểu mẫu 20

**Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học
năm 2018 – 2019**

A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu

STT	Nội dung	Tổng số	Chức danh		Trình độ Đào tạo			Hạng chức danh nghề nghiệp		
			GS	PGS	TS	THS	ĐH	Hạng III	Hạng II	Hạng I
I	Tổng số	272	1	7	23	201	39			
1	Giảng viên cơ hữu theo ngành									
a	Khối ngành II	20				9	11			
	Thiết kế Đồ họa	20				9	11			
b	Khối ngành III	43			5	38	1			
	Kế toán	16			2	14				
	Tài chính – Ngân hàng	16			1	15				
	Quản trị Kinh doanh	11			2	9				
c	Khối ngành V	137	1	7	12	96	21			
	Kiến trúc	32		3	2	24	3			
	Quy hoạch Vùng và đô thị	7			1	6				
	Thiết kế Nội thất	17				6	11			
	Kỹ thuật xây dựng	37	1	1	4	28	3			
	Quản lý Xây dựng	7			2	5				

	Kỹ thuật xây dựng CTGT	10			1	9			
	Kỹ thuật Cơ sở Hạ tầng	3		1		2			
	Công nghệ Thông Tin	11		1		9	1		
	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	13		1	2	8	2		
d	Khối ngành VII	48			5	40	3		
	Ngôn ngữ Anh	21			2	18	1		
	Ngôn ngữ Trung quốc	18			2	14	2		
	Quản trị DV Du lịch và Lữ hành	9			1	8			
2	Giảng viên cơ hữu môn chung	23			1	17	5		

B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành

TT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
I - Khối ngành II						
1	Lê Thị Thu Hương	1978	Nữ		THS	Thiết kế Đồ họa
2	Lê Thị Lan Phương	1985	Nữ		THS	Thiết kế Đồ họa
3	Trần Thị Thùy Trang	1987	Nữ		THS	Thiết kế Đồ họa
4	Nguyễn Thị Thu Huyền	1984	Nữ		THS	Thiết kế Đồ họa
5	Lê Văn Hóa	1980	Nam		THS	Thiết kế Đồ họa
6	Dương Trần Duy Thông	1978	Nam		THS	Thiết kế Đồ họa
7	Nguyễn Thị Thùy Trang	1988	Nữ		THS	Thiết kế Đồ họa
8	Ngô Thanh Hùng	1982	Nam		THS	Thiết kế Đồ họa
9	Đặng Thị Phượng	1983	Nữ		THS	Thiết kế Đồ họa

10	Nguyễn Thị An Hiền	1982	Nữ		ĐH	Thiết kế Đồ họa
11	Trần Công Trung	1984	Nam		ĐH	Thiết kế Đồ họa
12	Đào Anh Tài	1988	Nam		ĐH	Thiết kế Đồ họa
13	Mai Vân Hương	1991	Nữ		ĐH	Thiết kế Đồ họa
14	Huỳnh Tấn Ảnh	1983	Nam		ĐH	Thiết kế Đồ họa
15	Nguyễn Thị Phượng	1995	Nữ		ĐH	Thiết kế Đồ họa
16	Nguyễn Tấn Lực	1995	Nam		ĐH	Thiết kế Đồ họa
17	Đàm Ngọc Linh	1992	Nam		ĐH	Thiết kế Đồ họa
18	Nguyễn Thị Lan	1994	Nữ		ĐH	Thiết kế Đồ họa
19	Nguyễn Hùng Tuấn	1993	Nam		ĐH	Thiết kế Đồ họa
20	Đậu Quyết Thắng	1994	Nam		ĐH	Thiết kế Đồ họa

II - Khối ngành III

21	Trần Thượng Bích La	1978	Nữ		TS	Kế toán
22	Phạm Thị Bích Vân	1979	Nữ		TS	Kế toán
23	Lê Thị Kim Hoa	1954	Nữ		THS	Kế toán
24	Huỳnh Thị Ý Nhi	1981	Nữ		THS	Kế toán
25	Lâm Xuân Đào	1986	Nữ		THS	Kế toán
26	Trần Phụng Trân	1979	Nữ		THS	Kế toán
27	Phan Thị Thu Hà	1987	Nữ		THS	Kế toán
28	Nguyễn Xuân Hiệp	1977	Nam		THS	Kế toán
29	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	1987	Nữ		THS	Kế toán
30	Nguyễn Thị Thanh Phương	1988	Nữ		THS	Kế toán
31	Huỳnh Thị Trang	1979	Nữ		THS	Kế toán
32	Phạm Minh Phương	1987	Nữ		THS	Kế toán

33	Đặng Thanh Nga	1989	Nữ		THS	Kế toán
34	Nguyễn Thị Uyên Phương	1990	Nữ		THS	Kế toán
35	Lê Thị Cẩm Giang	1989	Nữ		THS	Kế toán
36	Nguyễn Thị Hà My	1990	Nữ		THS	Kế toán
37	Lê Công Toàn	1955	Nam		TS	Tài chính – Ngân hàng
38	Nguyễn Thị Đà	1953	Nữ		THS	Tài chính – Ngân hàng
39	Nguyễn Hồng Diệu Hương	1985	Nữ		THS	Tài chính – Ngân hàng
40	Phạm Thị Hoàng Mỹ	1985	Nữ		THS	Tài chính – Ngân hàng
41	Trần Thị Yến Vinh	1986	Nữ		THS	Tài chính – Ngân hàng
42	Lưu Thị Minh Hà	1985	Nữ		THS	Tài chính – Ngân hàng
43	Vũ Hoàng Vy	1986	Nữ		THS	Tài chính – Ngân hàng
44	Lê Thị Minh Hường	1987	Nữ		THS	Tài chính – Ngân hàng
45	Phan Nguyên Thùy Trâm	1987	Nữ		THS	Tài chính – Ngân hàng
46	Nguyễn Thị Ngọc	1986	Nữ		THS	Tài chính – Ngân hàng
47	Nguyễn Thị Minh Lý	1983	Nữ		THS	Tài chính – Ngân hàng
48	Phan Thoại Chiêu	1989	Nam		THS	Tài chính – Ngân hàng
49	Ngô Đức Chiến	1988	Nam		THS	Tài chính – Ngân hàng
50	Trần Ngọc Minh Trang	1989	Nữ		THS	Tài chính – Ngân hàng
51	Nguyễn Thị Nga My	1989	Nữ		THS	Tài chính – Ngân hàng
52	Đỗ Khắc Trung	1991	Nam		THS	Tài chính – Ngân hàng
53	Lâm Minh Châu	1954	Nữ		TS	Quản trị Kinh doanh
54	Đoàn Gia Dũng	1958	Nam		TS	Quản trị Kinh doanh
55	Nguyễn Thị Hương An	1984	Nữ		THS	Quản trị Kinh doanh
56	Trần Phương Hạnh	1985	Nữ		THS	Quản trị Kinh doanh

57	Lê Thị Quỳnh Anh	1984	Nữ		THS	Quản trị Kinh doanh
58	Trần Thị Hải	1986	Nữ		THS	Quản trị Kinh doanh
59	Mai Thị Thảo Chi	1987	Nữ		THS	Quản trị Kinh doanh
60	Trần Hữu Hải	1962	Nam		THS	Quản trị Kinh doanh
61	Nguyễn Thị Thu Hà	1983	Nữ		THS	Quản trị Kinh doanh
62	Nguyễn Thị Lê Loan	1988	Nữ		THS	Quản trị Kinh doanh
63	Lưu Khánh Hiền	1980	Nữ		THS	Quản trị Kinh doanh
III - Khối ngành V						
64	Trương Tùng	1935	Nam	PGS	TS	Kiến trúc
65	Châu Ngọc Điền	1935	Nam	PGS	TS	Kiến trúc
66	Đỗ Đức Viêm	1940	Nam	PGS	TS	Kiến trúc
67	Phạm Anh Tuấn	1974	Nam		TS	Kiến trúc
68	Lê Thị Ly Na	1979	Nữ		TS	Kiến trúc
69	Võ Thành Nghĩa	1968	Nam		THS	Kiến trúc
70	Trương Kim Minh Châu	1969	Nam		THS	Kiến trúc
71	Nguyễn Thị Thanh Huyền	1982	Nữ		THS	Kiến trúc
72	Nguyễn Quang Bảo	1976	Nam		THS	Kiến trúc
73	Phạm Bá Tất Thành	1979	Nam		THS	Kiến trúc
74	Phạm Anh Tú	1982	Nam		THS	Kiến trúc
75	Nguyễn Thị Thùy Vân	1984	Nữ		THS	Kiến trúc
76	Lê Thủy Tiên	1984	Nữ		THS	Kiến trúc
77	Nguyễn Thanh Tùng	1980	Nam		THS	Kiến trúc
78	Lê Hữu Trình	1984	Nam		THS	Kiến trúc
79	Trần Xuân Tuấn	1986	Nam		THS	Kiến trúc

80	Phạm Thị Thùy Dương	1985	Nữ		THS	Kiến trúc
81	Nguyễn Hồng Sơn	1980	Nam		THS	Kiến trúc
82	Nguyễn Xuân Sơn	1978	Nam		THS	Kiến trúc
83	Nguyễn Thanh Hoàng	1988	Nam		THS	Kiến trúc
84	Bùi Công Đoàn	1983	Nam		THS	Kiến trúc
85	Võ Hữu Linh	1981	Nam		THS	Kiến trúc
86	Nguyễn Phạm Kim Toàn	1968	Nam		THS	Kiến trúc
87	Tôn Nữ Yên Ly	1981	Nữ		THS	Kiến trúc
88	Thái Thành Hưng	1982	Nam		THS	Kiến trúc
89	Nguyễn Nguyên	1987	Nam		THS	Kiến trúc
90	Phan Hoàng Trọng	1988	Nam		THS	Kiến trúc
91	Ngô Tú	1990	Nam		THS	Kiến trúc
92	Dương Văn Hoàng	1977	Nam		THS	Kiến trúc
93	Lê Thị An Phụng	1989	Nữ		ĐH	Kiến trúc
94	Nguyễn Hoàng Quân	1995	Nam		ĐH	Kiến trúc
95	Nguyễn Minh Đàm	1994	Nam		ĐH	Kiến trúc
96	Nguyễn Ngọc Nương	1986	Nữ		TS	Quy hoạch Vùng và đô thị
97	Nguyễn Lê Ngọc Thanh	1983	Nữ		THS	Quy hoạch Vùng và đô thị
98	Cao Giang Nam	1979	Nam		THS	Quy hoạch Vùng và đô thị
99	Nguyễn Nho Viên	1983	Nam		THS	Quy hoạch Vùng và đô thị
100	Phan Trần Kiều Trang	1987	Nữ		THS	Quy hoạch Vùng và đô thị
101	Nguyễn Thị Xuân Khánh	1989	Nữ		THS	Quy hoạch Vùng và đô thị
102	Nguyễn Thành Hồng	1990	Nam		THS	Quy hoạch Vùng và đô thị
103	Nguyễn Thị Hồng Tươi	1980	Nữ		THS	Thiết kế Nội thất

104	Huỳnh Kim Phúc	1977	Nam		THS	Thiết kế Nội thất
105	Nguyễn Văn Quốc Tuấn	1986	Nam		THS	Thiết kế Nội thất
106	Nguyễn Thị Thanh Thảo	1990	Nữ		THS	Thiết kế Nội thất
107	Trần Thị Minh Hà	1984	Nữ		THS	Thiết kế Nội thất
108	Trần Thị Xuân Lộc	1984	Nữ		THS	Thiết kế Nội thất
109	Đặng Văn Dũng	1972	Nam		ĐH	Thiết kế Nội thất
110	Tạ Thị Minh Trang	1981	Nữ		ĐH	Thiết kế Nội thất
111	Đỗ Như Bảo	1981	Nam		ĐH	Thiết kế Nội thất
112	Trần Phan Anh Tú	1985	Nữ		ĐH	Thiết kế Nội thất
113	Trần Vũ Thành Nhân	1979	Nam		ĐH	Thiết kế Nội thất
114	Nguyễn Văn Trung	1990	Nam		ĐH	Thiết kế Nội thất
115	Lê Thị Thùy Dung	1990	Nữ		ĐH	Thiết kế Nội thất
116	Trần Hải Hậu	1988	Nam		ĐH	Thiết kế Nội thất
117	Nguyễn Văn Hiếu	1988	Nam		ĐH	Thiết kế Nội thất
118	Trần Huỳnh Công Huy	1979	Nam		ĐH	Thiết kế Nội thất
119	Trần Hải	1983	Nam		ĐH	Thiết kế Nội thất
120	Nguyễn Tấn Quý	1938	Nam	GS	TS	Kỹ thuật xây dựng
121	Nguyễn Quang Đoàn	1939	Nam	PGS	TS	Kỹ thuật xây dựng
122	Phùng Xuân Thọ	1951	Nam		TS	Kỹ thuật xây dựng
123	Trần Thanh Bình	1985	Nam		TS	Kỹ thuật xây dựng
124	Nguyễn Hải Hoàn	1986	Nam		TS	Kỹ thuật xây dựng
125	Nguyễn Phương Ngọc	1986	Nữ		TS	Kỹ thuật xây dựng
126	Nguyễn Hoàng Thu Thủy	1970	Nữ		THS	Kỹ thuật xây dựng
127	Trần Minh Trí Thành	1982	Nam		THS	Kỹ thuật xây dựng

128	Nguyễn Minh Trung	1985	Nam		THS	Kỹ thuật xây dựng
129	Hoàng Nam Khánh	1983	Nam		THS	Kỹ thuật xây dựng
130	Đỗ Thanh Vũ	1985	Nam		THS	Kỹ thuật xây dựng
131	Nguyễn Thị Huyền Vân	1986	Nữ		THS	Kỹ thuật xây dựng
132	Nguyễn Thị Ngọc Anh	1982	Nữ		THS	Kỹ thuật xây dựng
133	Phạm Văn An	1983	Nam		THS	Kỹ thuật xây dựng
134	Trần Thị Nhật Nguyên	1985	Nữ		THS	Kỹ thuật xây dựng
135	Nguyễn Thế Sơn	1988	Nam		THS	Kỹ thuật xây dựng
136	Phan Xuân Bình	1988	Nam		THS	Kỹ thuật xây dựng
137	Ngô Quốc Khánh	1965	Nam		THS	Kỹ thuật xây dựng
138	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	1988	Nữ		THS	Kỹ thuật xây dựng
139	Nguyễn Dương Khánh Tâm	1989	Nam		THS	Kỹ thuật xây dựng
140	Bùi Minh Cảnh	1987	Nam		THS	Kỹ thuật xây dựng
141	Nguyễn Quốc Toàn	1989	Nam		THS	Kỹ thuật xây dựng
142	Ngô Thị Kiều Linh	1989	Nữ		THS	Kỹ thuật xây dựng
143	Dương Thanh Huyền	1989	Nam		THS	Kỹ thuật xây dựng
144	Nguyễn Văn Nhân	1988	Nam		THS	Kỹ thuật xây dựng
145	Lưu Duy Vũ	1989	Nam		THS	Kỹ thuật xây dựng
146	Hồ Công Tiến	1989	Nam		THS	Kỹ thuật xây dựng
147	Nguyễn Quang Thịnh	1991	Nữ		THS	Kỹ thuật xây dựng
148	Phạm Xuân Hiệu	1990	Nam		THS	Kỹ thuật xây dựng
149	Ngô Trí Phước	1988	Nam		THS	Kỹ thuật xây dựng
150	Võ Thành Trung	1984	Nam		THS	Kỹ thuật xây dựng
151	Lê Quang Tuyền	1986	Nam		THS	Kỹ thuật xây dựng

152	Phạm Quang Quảng	1988	Nam		THS	Kỹ thuật xây dựng
153	Nguyễn Tấn Trác	1989	Nam		THS	Kỹ thuật xây dựng
154	Phan Thanh Hoàng	1990	Nam		ĐH	Kỹ thuật xây dựng
155	Nguyễn Quang Anh	1946	Nam		ĐH	Kỹ thuật xây dựng
156	Lê Tử Nam	1950	Nam		ĐH	Kỹ thuật xây dựng
157	Nguyễn Văn Thái	1969	Nam		TS	Kỹ thuật xây dựng CTGT
158	Nguyễn Hữu Phước	1984	Nam		THS	Kỹ thuật xây dựng CTGT
159	Võ Minh Đăng Hải	1985	Nam		THS	Kỹ thuật xây dựng CTGT
160	Nguyễn Văn Đăng	1986	Nam		THS	Kỹ thuật xây dựng CTGT
161	Trần Tiến Đức	1985	Nam		THS	Kỹ thuật xây dựng CTGT
162	Phạm Minh Vương	1987	Nam		THS	Kỹ thuật xây dựng CTGT
163	Vương Hữu Cờm	1988	Nam		THS	Kỹ thuật xây dựng CTGT
164	Châu Si Quanh	1985	Nam		THS	Kỹ thuật xây dựng CTGT
165	Nguyễn Văn Hòa	1990	Nam		THS	Kỹ thuật xây dựng CTGT
166	Hồ Thanh Trung	1989	Nam		THS	Kỹ thuật xây dựng CTGT
167	Trần Cát	1934	Nam	PGS	TS	Kỹ thuật Cơ sở Hạ tầng
168	Nguyễn Thị Thân Quý	1984	Nữ		THS	Kỹ thuật Cơ sở Hạ tầng
169	Trần Thị Ngọc Duyên	1985	Nữ		THS	Kỹ thuật Cơ sở Hạ tầng
170	Phạm Khắc Xuân	1952	Nam		TS	Quản lý Xây dựng
171	Trần Thị Thủy Phương	1986	Nữ		TS	Quản lý Xây dựng
172	Lê Thị Thanh Tâm	1985	Nữ		THS	Quản lý Xây dựng
173	Lê Thị Phước	1986	Nữ		THS	Quản lý Xây dựng
174	Ngô Thị Thanh Hiền	1986	Nữ		THS	Quản lý Xây dựng
175	Hoàng Thị Phương Trà	1984	Nữ		THS	Quản lý Xây dựng

176	Ngô Tuấn Anh	1988	Nam		THS	Quản lý Xây dựng
177	Nguyễn Bốn	1947	Nam	PGS	TS	Công nghệ KT điện, điện tử
178	Trang Dung	1954	Nam		TS	Công nghệ KT điện, điện tử
179	Lê Tấn Duy	1952	Nam		TS	Công nghệ KT điện, điện tử
180	Nguyễn Mạnh Hà	1974	Nam		THS	Công nghệ KT điện, điện tử
181	Cao Minh Lộc	1984	Nam		THS	Công nghệ KT điện, điện tử
182	Nguyễn Hồng Phúc	1985	Nam		THS	Công nghệ KT điện, điện tử
183	Phạm Vĩnh Minh	1947	Nam		THS	Công nghệ KT điện, điện tử
184	Lâm Tăng Đức	1950	Nam		THS	Công nghệ KT điện, điện tử
185	Trần Ngọc Do	1952	Nam		THS	Công nghệ KT điện, điện tử
186	Khuong Công Minh	1954	Nam		THS	Công nghệ KT điện, điện tử
187	Lê Vân	1954	Nam		THS	Công nghệ KT điện, điện tử
188	Đỗ Thị Nga	1947	Nữ		ĐH	Công nghệ KT điện, điện tử
189	Nguyễn Mạnh Hà	1953	Nam		ĐH	Công nghệ KT điện, điện tử
190	Lê Văn Sơn	1948	Nam	PGS	TS	Công nghệ Thông Tin
191	Nguyễn Thị Xuân Thủy	1982	Nữ		THS	Công nghệ Thông Tin
192	Nguyễn Tất Phú Cường	1987	Nam		THS	Công nghệ Thông Tin
193	Phạm Thị Dung	1989	Nữ		THS	Công nghệ Thông Tin
194	Đỗ Phúc Hào	1991	Nam		THS	Công nghệ Thông Tin
195	Huỳnh Anh Tuấn	1970	Nam		THS	Công nghệ Thông Tin
196	Hoàng Sỹ Thắng	1981	Nam		THS	Công nghệ Thông Tin
197	Nguyễn Thị Vũ Thảo	1982	Nữ		THS	Công nghệ Thông Tin
198	Đỗ Thị Thu Hà	1984	Nữ		THS	Công nghệ Thông Tin
199	Bùi Trung Úy	1979	Nam		THS	Công nghệ Thông Tin

200	Phạm Công Phúc	1970	Nam		ĐH	Công nghệ Thông Tin
IV - Khối ngành VII						
201	Đinh Thị Thi	1962	Nữ		TS	Quản trị DV Du lịch và Lữ hành
202	Đỗ Thị Thủy	1983	Nữ		THS	Quản trị DV Du lịch và Lữ hành
203	Lưu Cẩm Trúc	1989	Nữ		THS	Quản trị DV Du lịch và Lữ hành
204	Lê Thị Kim Ngân	1989	Nữ		THS	Quản trị DV Du lịch và Lữ hành
205	Ngô Lê Uyên	1990	Nữ		THS	Quản trị DV Du lịch và Lữ hành
206	Phan Thị Huỳnh Mai	1993	Nữ		THS	Quản trị DV Du lịch và Lữ hành
207	Nguyễn Thị Kim Thoa	1986	Nữ		THS	Quản trị DV Du lịch và Lữ hành
208	Phạm Thị Chi	1990	Nữ		THS	Quản trị DV Du lịch và Lữ hành
209	Nguyễn Thúy Nga	1988	Nữ		THS	Quản trị DV Du lịch và Lữ hành
210	Lương Văn Nhân	1984	Nam		TS	Ngôn ngữ Anh
211	Hoàng Tịnh Bảo	1971	Nam		TS	Ngôn ngữ Anh
212	Nguyễn Thị Tuyết	1957	Nữ		THS	Ngôn ngữ Anh
213	Trần Thị Thu Hương	1978	Nữ		THS	Ngôn ngữ Anh
214	Nhan Thị Thủy	1985	Nữ		THS	Ngôn ngữ Anh
215	Phạm Thị Phương Thi	1986	Nữ		THS	Ngôn ngữ Anh
216	Đặng Thị Thanh Trân	1984	Nữ		THS	Ngôn ngữ Anh
217	Hà Thúc Nhật Nguyên	1984	Nữ		THS	Ngôn ngữ Anh
218	Trần Thị Thơm	1980	Nữ		THS	Ngôn ngữ Anh
219	Huỳnh Thị Mỹ Dung	1985	Nữ		THS	Ngôn ngữ Anh
220	Khắc Thị Ngọc Thương	1986	Nữ		THS	Ngôn ngữ Anh
221	Bạch Quốc Hưng	1983	Nam		THS	Ngôn ngữ Anh
222	Nguyễn Trần Lan Chi	1989	Nữ		THS	Ngôn ngữ Anh

223	Ngô Đình Lộc	1988	Nam		THS	Ngôn ngữ Anh
224	Nguyễn Thị Mai Khôi	1988	Nữ		THS	Ngôn ngữ Anh
225	Đoàn Thị Uyên	1990	Nữ		THS	Ngôn ngữ Anh
226	Lê Thị Ánh Tuyết	1988	Nữ		THS	Ngôn ngữ Anh
227	Võ Thị Hoàng Ngân	1991	Nữ		THS	Ngôn ngữ Anh
228	Nguyễn Thị Phương Anh	1973	Nữ		THS	Ngôn ngữ Anh
229	Nguyễn Thị Vy Hương	1977	Nữ		THS	Ngôn ngữ Anh
230	Lê Tấn Ngọc	1967	Nam		ĐH	Ngôn ngữ Anh
231	Triệu Thị Kiều Dung	1978	Nữ		TS	Ngôn ngữ Trung Quốc
232	Đoàn Trung Hữu	1973	Nam		TS	Ngôn ngữ Trung Quốc
233	Huỳnh Thị Minh Hiền	1982	Nữ		THS	Ngôn ngữ Trung Quốc
234	Phạm Chu Uyên	1991	Nữ		THS	Ngôn ngữ Trung Quốc
235	Phan Kiều Hạnh	1988	Nữ		THS	Ngôn ngữ Trung Quốc
236	Nguyễn Thị Thu Thanh	1985	Nữ		THS	Ngôn ngữ Trung Quốc
237	Vũ Nguyễn Hương Trà	1993	Nữ		THS	Ngôn ngữ Trung Quốc
238	Nguyễn Ngọc Hương Sen	1990	Nữ		ĐH	Ngôn ngữ Trung Quốc
239	Nguyễn Thị Hồng Đào	1994	Nữ		THS	Ngôn ngữ Trung Quốc
240	Trần Thị Mỹ Đức	1983	Nữ		THS	Ngôn ngữ Trung Quốc
241	Ché Viêt Đông	1986	Nam		THS	Ngôn ngữ Trung Quốc
242	Phạm Thị Phương Thảo	1989	Nữ		THS	Ngôn ngữ Trung Quốc
243	Lê Phạm Khánh Vân	1993	Nữ		THS	Ngôn ngữ Trung Quốc
244	Vũ Thị Uyên	1986	Nữ		THS	Ngôn ngữ Trung Quốc
245	Trần Quang Vinh	1987	Nam		THS	Ngôn ngữ Trung Quốc
246	Đặng Thị Nhung	1991	Nữ		THS	Ngôn ngữ Trung Quốc

247	Trần Nguyễn Mỹ Linh	1987	Nữ		THS	Ngôn ngữ Trung Quốc
248	Lê Thị Ánh Trinh	1989	Nữ		ĐH	Ngôn ngữ Trung Quốc
V - Khối cơ bản						
249	Nguyễn Tư Đôn	1934	Nam		TS	Cơ bản
250	Đào Thị Quang Hiến	1950	Nữ		THS	Cơ bản
251	Lê Xuân Hòa	1961	Nam		THS	Cơ bản
252	Hồ Thị Luận	1975	Nữ		THS	Cơ bản
253	Vũ Hứa Hạnh Nguyên	1989	Nữ		THS	Cơ bản
254	Triệu Thị Vy Vy	1983	Nữ		THS	Cơ bản
255	Hồ Thị Dạ Thảo	1984	Nữ		THS	Cơ bản
256	Lương Thị Thanh Thanh	1979	Nữ		THS	Cơ bản
257	Trần Thị Ngọc Thương	1985	Nữ		THS	Cơ bản
258	Nguyễn Thị Phương Ly	1982	Nữ		THS	Cơ bản
259	Phạm Nguynh	1984	Nam		THS	Cơ bản
260	Lưu Hoàng Tuấn	1949	Nam		THS	Cơ bản
261	Nguyễn Sanh Châu	1944	Nam		THS	Cơ bản
262	Ngô Thị Thu Trang	1985	Nữ		THS	Cơ bản
263	Phan Trọng Toàn	1987	Nam		THS	Cơ bản
264	Nguyễn Thị Liệu	1991	Nữ		THS	Cơ bản
265	Trịnh Tuấn Anh	1999	Nam		ĐH	Cơ bản
266	Cao Xuân Tịnh	1977	Nam		THS	Cơ bản
267	Phạm Văn Tiến	1979	Nam		THS	Cơ bản
268	Bùi Văn Long	1985	Nam		ĐH	Cơ bản
269	Nguyễn Đức Thanh	1985	Nam		ĐH	Cơ bản

270	Lê Anh Hải	1984	Nam		ĐH	Cơ bản
271	Trần Thị Thùy Liên	1989	Nữ		ĐH	Cơ bản

C. Công khai tỷ lệ sinh viên/ giảng viên quy đổi

STT	Khối ngành	Tỷ lệ sinh viên/Giảng viên cơ hữu quy đổi
1	II	16.67
2	III	11.35
3	V	12.97
4	VII	18.36

Biểu mẫu 21

Công khai tài chính của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm năm học 2019-2020

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/1SV/năm năm học 2019-2020	Dự kiến Học phí/1SV của cả khóa học
I	Học phí chính quy chương trình đại trà			
1	Tiến sĩ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
2	Thạc sĩ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
3	Đại học	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
	<i>Khối ngành II (Nghệ thuật)</i>			
	<i>Thiết kế Đồ họa</i>	Triệu đồng/năm	19,65	98,23
	<i>Khối ngành III (Kinh doanh và quản lý, pháp luật)</i>			
	<i>Kế toán</i>	Triệu đồng/năm	16,90	67,60
	<i>Tài chính - Ngân hàng</i>	Triệu đồng/năm	16,90	67,60
	<i>Quản trị Kinh doanh</i>	Triệu đồng/năm	16,90	67,60
	<i>Khối ngành V (Toán thống kê, máy tính và công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất chế biến, kiến trúc xây dựng, nông lâm và thủy sản, thú ý)</i>			
	<i>Kiến trúc</i>	Triệu đồng/năm	19,60	97,98
	<i>Quy hoạch vùng và đô thị</i>	Triệu đồng/năm	19,42	97,08
	<i>Thiết kế nội thất</i>	Triệu đồng/năm	19,65	98,23
	<i>Kỹ thuật xây dựng</i>	Triệu đồng/năm	17,75	88,75
	<i>Quản lý xây dựng</i>	Triệu đồng/năm	17,75	88,75
	<i>Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông</i>	Triệu đồng/năm	17,75	88,75
	<i>Kỹ thuật cơ sở hạ tầng</i>	Triệu đồng/năm	17,75	88,75

	<i>Công nghệ thông tin</i>	Triệu đồng/năm	18,19	90,94
	<i>Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử</i>	Triệu đồng/năm	18,19	90,94
	<i>Khối ngành VII (Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí thông tin, dịch vụ xã hội, khách sạn du lịch, thể thao, và dịch vụ cá nhân, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường, an ninh quốc phòng)</i>			
	<i>Ngôn ngữ Anh, Tiếng Anh du lịch</i>	Triệu đồng/năm	16,90	67,60
	<i>Ngôn ngữ Trung quốc</i>	Triệu đồng/năm	16,90	67,60
	<i>Quản trị du lịch và lữ hành</i>	Triệu đồng/năm	17,34	69,35
4	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm		
5	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		
II	Học phí chính quy chương trình khác			
1	Tiến sĩ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
2	Thạc sĩ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
3	Đại học Liên thông	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
	<i>Khối ngành V (Toán thống kê, máy tính và công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất chế biến, kiến trúc xây dựng, nông lâm và thủy sản, thú y)</i>			
	<i>Kỹ thuật xây dựng</i>		540.000đ/ 1TC	Tùy thuộc số lượng tín chỉ SV cần phải học
	<i>Quản lý xây dựng</i>		540.000đ/ 1TC	Tùy thuộc số lượng tín chỉ SV cần phải học

	<i>Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông</i>		540.000đ/ 1TC	Tùy thuộc số lượng tín chỉ SV cần phải học
4	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm		
5	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		
III	Học phí hình thức vừa học vừa làm			
1	Đại học	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
2	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm		
3	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		
IV	Tổng thu năm 2018	Tỷ đồng		
1	Từ ngân sách	Tỷ đồng		
2	Từ học phí	Tỷ đồng	71,93	
3	Từ nghiên cứu khoa học và chuyên giao công nghệ	Tỷ đồng		
4	Từ nguồn hợp pháp khác	Tỷ đồng	4,29	